

Hướng dẫn Sử dụng Điện thoại Nokia N71

CE 434

CÔNG BỐ HỢP CHUẨN

Chúng tôi, NOKIA CORPORATION, trong phạm vi trách nhiệm của mình, xin công bố sản phẩm RM-67 đã tuân thủ các điều khoản qui định theo chỉ thị của Hội đồng: 1999/5/EC. Bản Công bố Hợp chuẩn có thể được tìm thấy tại địa chỉ http://www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/

Bản quyền © 2006 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Nghiêm cấm sao chép, chuyển nhượng, phân phối hoặc lưu trữ một phần hay toàn bộ nội dung tài liệu này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được Nokia cho phép trước bằng văn bản.

Nokia, Nokia Connecting People, Pop-Port và Visual Radio là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Nokia Corporation. Những sản phẩm hoặc tên công ty khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hoặc tên thương mại của từng doanh nghiệp.

Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.

symbian

Sản phẩm này có các phần mềm được Symbian Software Ltd ©1998-200(6) cấp bản quyền. Symbian và Symbian OS là nhãn hiệu của Symbian Ltd.



Java
POWERED

Java™ và các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Stac®, LZS®, ©1996, Stac, Inc., ©1994-1996 Microsoft Corporation.

Bao gồm một hoặc nhiều Bảng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221, và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Hi/fn®, LZS®, ©1988-98, Hi/fn. Bao gồm một hoặc nhiều Bảng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221 và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Các phần trong phần mềm của sản phẩm này là © Copyright ANT Ltd. 1998. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Bảng sáng chế của Mỹ số 5818437 và các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Bản quyền phần mềm nhập văn bản T9 (C) 1997-2006. Tegic Communications, Inc. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Sản phẩm này được cấp theo Giấy phép Sáng chế MPEG-4 Visual Patent Portfolio cho (i) việc sử dụng cá nhân và phi thương mại cùng với những thông tin đã được mã hóa bởi người dùng liên quan đến hoạt động cá nhân và phi thương mại, theo Chuẩn MPEG-4 Visual Standard và (ii) sử dụng cùng với các ảnh video MPEG-4 được cung cấp có giấy phép. Bất kỳ việc sử dụng nào khác được công nhận hoặc được ám chỉ sẽ không được cấp phép. Bạn có thể nhận các thông tin bổ sung liên quan đến các ứng dụng quảng cáo, nội bộ và thương mại từ MPEG LA, LLC. Xem trên trang <<http://www.mpegla.com>>.

Nokia thực hiện chính sách phát triển không ngừng. Nokia có quyền thay đổi và cải tiến bất kỳ sản phẩm nào được nêu trong tài liệu này mà không cần thông báo trước.

Nokia sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp về việc mất dữ liệu hay thu thập hoặc những thiệt hại khác có tính chất đặc biệt, ngẫu nhiên, tất yếu, hay gián tiếp.

Nội dung của tài liệu này được cung cấp 'theo tình trạng hiện tại'. Ngoài trừ do yêu cầu của luật áp dụng liên quan, sẽ không có bất kỳ sự bảo đảm nào được thể hiện rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm nhưng không giới hạn các bảo hành thương mại được bao hàm và sử dụng sản phẩm phù hợp với mục đích cụ thể, liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy hoặc nội dung của tài liệu này. Nokia có quyền sửa đổi hoặc thu hồi tài liệu này tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước.

Tính khả dụng của các sản phẩm riêng biệt có thể khác nhau tùy theo từng khu vực. Xin liên hệ với đại lý Nokia gần nhất.

Điện thoại này có chứa các thành phần, công nghệ hoặc phần mềm tuân thủ theo luật lệ và quy tắc xuất khẩu của Mỹ và các quốc gia khác. Những việc trái với luật pháp bị cấm.

THÔNG CÁO CỦA FCC / HỘI CÔNG NGHIỆP CANADA

Thiết bị của bạn có thể gây nhiễu sóng TV hoặc radio (ví dụ như khi sử dụng máy gần thiết bị thu phát sóng). Tổ chức FCC hoặc Hội công nghiệp Canada có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng điện thoại trong trường hợp không thể tránh khỏi việc nhiễu sóng. Nếu bạn cần giúp đỡ, xin liên hệ với bộ phận hỗ trợ dịch vụ tại nơi bạn cư trú. Thiết bị này đáp ứng điều khoản 15 thuộc bộ qui định của FCC. Sự vận hành thiết bị tùy thuộc vào điều kiện là thiết bị này không được gây nhiễu có hại.

Mục lục

An toàn cho người sử dụng	v	Gallery (Bộ sưu tập)	20
Điện thoại Nokia N71	1	Xem hình ảnh và video clip	21
Cài đặt	1	Chỉnh sửa video clip	22
Chuyển nội dung	1	Trình chiếu	24
Các chỉ báo cần biết	2	Diễn thuyết	25
Khóa bàn phím (bảo vệ phím)	3	Album	25
Điều chỉnh loa và âm lượng	4	In ảnh	25
Clock (Đồng hồ)	4	Các ứng dụng media	27
Công cụ thẻ nhớ	5	RealPlayer	27
Trình quản lý tập tin	6	Movie director (Đạo diễn phim)	29
Các phím tắt hữu dụng	7	Messaging	32
Phím đa phương tiện	8	Viết văn bản	33
Trợ giúp	9	Soạn và gửi tin nhắn	35
Tutorial (Hướng dẫn)	9	Hộp thư đến—nhận tin nhắn	37
Camera	10	Mailbox	39
Màn hình camera	10	Xem tin nhắn trên thẻ SIM	41
Chụp hình	11	Cài đặt nhắn tin	41
Chỉnh sửa hình ảnh	14	Gọi điện	48
Các mẹo nhỏ để chụp được ảnh đẹp	15	Cuộc gọi thoại	48
Màn hình máy quay phim	16	Cuộc gọi video (dịch vụ mạng)	50
Quay phim	17		

Chia sẻ video (dịch vụ mạng)	52
Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi	55
Log (Nhật ký)	57

Danh bạ (danh bạ điện thoại)60

Lưu tên và số điện thoại.....	60
Sao chép sổ liên lạc.....	61
Gán nhạc chuông cho các sổ liên lạc	62
Tạo các nhóm liên lạc.....	63

Dịch vụ64

Điểm truy cập Dịch vụ.....	64
Giao diện chỉ mục	64
Kết nối an toàn.....	65
Trình duyệt.....	65
Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các mục.....	66
Ngưng kết nối.....	67
Cài đặt dịch vụ	67

My own (Cá nhân)69

Máy nghe nhạc	69
Visual Radio (dịch vụ mạng).....	70
Inhấn tin trò chuyện (dịch vụ mạng).....	73
Go to (Chọn)—gán phím tắt.....	77
Trò chơi.....	77

Lịch 78

Tạo các mục nhập lịch	78
Xem lịch	79
Quản lý các mục nhập lịch của bạn	79
Cài đặt lịch	79

Các ứng dụng văn phòng..... 80

Máy tính.....	80
Bộ chuyển đổi	80
Ghi chú.....	81
Máy ghi âm.....	81

Cài đặt riêng điện thoại 82

Profiles (Cấu hình)—cài đặt âm	83
Thay đổi giao diện điện thoại	84
Active standby mode (Chế độ active standby)	84

Kết nối..... 86

Kết nối Bluetooth.....	86
Kết nối hồng ngoại	90
Data cbl. (Cáp dữ liệu)	91
Kết nối PC	91
Connection manager.....	91
Đồng bộ hóa.....	92
Trình quản lý thiết bị.....	92

Tools (Công cụ)	94
Settings (Cài đặt)	94
Lệnh thoại	105
Application manager	106
Mã khóa kích hoạt	109
Giải quyết sự cố	110
Hỏi&Đáp	110
Thông tin về pin	114
Sạc và Xả pin	114
Hướng dẫn xác nhận pin Nokia	114
Phụ kiện chính hãng Nokia	117
Pin	118
Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W	119
Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W	119
Giá Đỡ Đa Năng Nokia CR-39.....	120
Giữ gìn và Bảo trì	121
Thông tin bổ sung về	
sự an toàn	122
Từ mục.....	126

An toàn cho người sử dụng

Dưới đây là những hướng dẫn đơn giản và dễ hiểu. Việc không tuân theo các qui tắc này có thể gây nguy hiểm hoặc bị xem là phạm pháp. Đọc sách hướng dẫn sử dụng đầy đủ để biết thêm thông tin.



BẬT MÁY AN TOÀN Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.



AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT

Nên tuân thủ các quy định của địa phương. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe. Điều quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



NHIỀU SÓNG Tất cả các điện thoại vô tuyến đều có thể gây nhiễu sóng làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI TRONG BỆNH VIỆN Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Tắt điện thoại khi ở gần các thiết bị y tế.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI TRÊN MÁY BAY Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Các thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu liên lạc trên máy bay.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI ĐANG TIẾP NHIÊN LIỆU Không nên sử dụng điện thoại tại trạm tiếp nhiên liệu. Không nên sử dụng điện thoại gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở GẦN NƠI CÓ PHÁT NỔ Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Không nên sử dụng điện thoại nơi đang có phát nổ.



SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI ĐÚNG CÁCH

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí thông thường như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại. Không nên chạm vào ăng-ten khi không cần thiết.



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên có đủ khả năng chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa điện thoại.



PHỤ KIỆN VÀ PIN Chỉ sử dụng phụ kiện cài tiến và pin đã kiểm duyệt. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CHỐNG VÔ NƯỚC Điện thoại này không thể chống vô nước. Nên giữ điện thoại thật khô.



DỰ PHÒNG Luôn nhớ lưu dự phòng hoặc giữ lại bản viết tay tất cả thông tin quan trọng được lưu trong điện thoại.



KẾT NỐI VỚI NHỮNG THIẾT BỊ KHÁC
 Khi kết nối điện thoại với bất kỳ thiết bị nào, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị đó để biết những hướng dẫn chi tiết về an toàn. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CÁC CUỘC GỌI KHẨN CẤP Bảo đảm chức năng của điện thoại đã được bật và đang ở trong vùng dịch vụ. Bàn phím chỉ được kích hoạt khi mở nắp gập. Bấm $\swarrow$ nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và trở về màn hình bắt đầu. Nhập số điện thoại khẩn cấp rồi bấm $\swarrow$. Cho biết nơi bạn đang ở. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Giới thiệu điện thoại

Điện thoại vô tuyến mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được phép sử dụng trên các mạng gồm các băng tần EGSM 900, 1800, và 1900 và UMTS 2100. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng.

Khi sử dụng những tính năng của thiết bị này, hãy tuân thủ pháp luật và tôn trọng sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác.

Khi đang chụp hình và sử dụng hình ảnh hoặc các video clip, phải tuân theo các quy định và tôn trọng các phong tục cũng như các quyền hợp pháp và riêng tư của từng địa phương.



Cảnh báo: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng các chức năng của nó, ngoại trừ chức năng báo thức. Không nên bật điện thoại nếu có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Các Dịch vụ Mạng

Để sử dụng điện thoại, bạn phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều chức năng trên điện thoại phụ thuộc vào các chức năng trên mạng vô tuyến để hoạt động. Các dịch vụ mạng này không có sẵn trên tất cả các mạng và bạn phải

thỏa thuận với nhà cung cấp dịch vụ trước khi bạn có thể sử dụng các dịch vụ mạng. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp thêm cho bạn các thông tin hướng dẫn sử dụng và mức phí sẽ được áp dụng khi sử dụng các dịch vụ mạng này. Một số mạng có thể có các hạn chế ảnh hưởng đến cách sử dụng các dịch vụ mạng. Ví dụ một số mạng có thể không hỗ trợ tất cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ. Các tính năng mạng được chỉ định trong hướng dẫn này qua (dịch vụ mạng).

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng có thể được cấu hình đặc biệt. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Điện thoại hỗ trợ giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) chạy trên giao thức TCP/IP. Một số tính năng của thiết bị này, ví dụ như MMS, trình duyệt, e-mail và tải nội dung qua trình duyệt hoặc qua MMS, yêu cầu mạng phải hỗ trợ các công nghệ này.

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Phụ kiện, pin và bộ sạc

Luôn tắt điện thoại và ngắt kết nối với bộ sạc trước khi tháo pin ra.

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với điện thoại này. Điện thoại này được thiết kế sử dụng điện từ các bộ sạc DC-4, AC-3 và AC-4, và bộ sạc AC-1, ACP-7, ACP-8, ACP-9, ACP-12, LCH-8, LCH-9, hoặc bộ sạc LCH-12 khi sử dụng với thiết bị nối tiếp bộ sạc CA-44.

Pin được sử dụng cùng với điện thoại này là BL-5C.



Cảnh báo: Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện cải tiến được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của bạn để biết về các phụ kiện cải tiến chính hãng hiện có. Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cầm vào phích cắm, không nên kéo dây.

Điện thoại Nokia N71

Số hiệu: Nokia N71

Dưới đây được gọi là Nokia N71.

Cài đặt

Điện thoại Nokia N71 thông thường đã được tự động cấu hình các thông số cài đặt MMS, GPRS, trực tuyến, và Internet di động, dựa trên thông tin của nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng. Bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ đã được cài đặt trên điện thoại, hoặc bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt.



Chuyển nội dung

Bạn có thể chuyển nội dung, ví dụ như các số liên lạc, từ một điện thoại Nokia tương thích sang Nokia N71 của bạn sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Loại nội dung có thể được chuyển tùy thuộc vào kiểu điện thoại. Nếu điện thoại kia hỗ trợ đồng bộ, bạn cũng có thể đồng bộ dữ liệu giữa điện thoại kia và Nokia N71 của bạn.

Bạn có thể lắp thẻ SIM của bạn vào một thiết bị khác. Khi Nokia N71 được bật mà không có thẻ SIM, cấu hình không trực tuyến sẽ tự động được kích hoạt.

Chuyển nội dung

- Để sử dụng ứng dụng này lần đầu tiên, bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Transfer (Nối chuyển)**. Nếu bạn đã từng sử dụng ứng dụng này và muốn bắt đầu phiên chuyển dữ liệu mới, chọn **Transfer data (Truyền dữ liệu)**. Trong giao diện thông tin, chọn **Continue (Tiếp tục)**.
- Chọn sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại để chuyển dữ liệu. Cả hai điện thoại phải hỗ trợ loại kết nối đã chọn.
- Nếu bạn chọn kết nối Bluetooth dò tìm các thiết bị khác, chọn **Continue (Tiếp tục)**. Thiết bị kia phải cho phép các thiết bị khác phát hiện ra nó. Chọn một thiết bị trong danh sách. Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã vào Nokia N71 của bạn. Nhập một mã (1–16 số), vào và chọn **OK**. Nhập cùng mã này vào điện thoại kia và chọn **OK**. Bây giờ các thiết bị đã được ghép nối. Xem phần "**Ghép nối thiết bị**", trên trang 89.

Với một số kiểu điện thoại, ứng dụng **Transfer (Nối chuyển)** được gửi đến điện thoại khác dưới dạng tin nhắn. Để cài đặt **Transfer (Nối chuyển)** trên điện thoại khác, mở tin nhắn, và theo các hướng dẫn trên màn hình.

Nếu bạn chọn cổng hồng ngoại, kết nối hai điện thoại. Xem phần "**Kết nối hồng ngoại**", trên trang 90.

- 4 Trong điện thoại Nokia N71, chọn nội dung bạn muốn sao chép từ điện thoại khác.

Nội dung được sao chép từ bộ nhớ và thẻ nhớ tương thích của điện thoại khác (nếu có) vào vị trí tương ứng trong Nokia N71 và thẻ nhớ tương thích của bạn (nếu có). Thời gian sao chép tùy thuộc vào dung lượng bộ nhớ được chuyển. Bạn có thể hủy lệnh sao chép và tiếp tục lại sau.

Nếu điện thoại kia hỗ trợ đồng bộ, bạn có thể cập nhật dữ liệu trên cả hai điện thoại. Để khởi động đồng bộ với một điện thoại Nokia tương thích, chọn **Phones (Các điện thoại)**, di chuyển đến điện thoại này, và chọn **Options (Tùy chọn) > Synchronise (Đồng bộ)**. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.

Các chỉ báo cần biết

 Điện thoại đang được sử dụng trong mạng GSM.

3G Điện thoại đang được sử dụng trong mạng UMTS (dịch vụ mạng).

 Bạn nhận được một hoặc nhiều tin nhắn chưa đọc trong **Inbox (Hộp thư đến)** trong menu **Messag. (Tin nhắn)**.

 Bạn nhận được e-mail mới trong hộp thư từ xa.

 Có tin nhắn đang chờ để gửi trong thư mục **Outbox (Hộp thư đi)**.

 Bạn có cuộc gọi bị nhỡ.

 Sẽ hiển thị nếu **Ringling type (Kiểu chuông)** được cài là **Silent (Im lặng)** và **Message alert tone (Âm báo tin nhắn)**, **IM alert tone (Âm báo IM)**, và **E-mail alert tone (Âm báo e-mail)** được cài là **Off (Tắt)**.

 Bàn phím điện thoại bị khóa.

 Chức năng báo thức được kích hoạt.

2 Số máy điện thoại thứ hai đang được sử dụng (dịch vụ mạng).

 Tất cả cuộc gọi đến điện thoại sẽ được chuyển hướng đến một số khác. Nếu bạn có hai số máy để gọi đi (dịch vụ mạng), chỉ báo cho số máy đầu tiên là **1** và cho số máy thứ hai là **2**.

-  Một tai nghe được nối với điện thoại.
-  Mất kết nối với bộ tai nghe Bluetooth.
-  Một bộ trợ thính được nối với điện thoại.
-  Một **Text phone** được nối với điện thoại.
-  Cuộc gọi data được kích hoạt.
-  Hiện có kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE.
-  Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang hoạt động.
-  Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang ở trạng thái chờ.
-  Hiện có kết nối dữ liệu gói UMTS.
-  Kết nối dữ liệu gói UMTS đang hoạt động.
-  Kết nối dữ liệu gói UMTS đang được giữ.
-  Kết nối Bluetooth đang bật.
-  Dữ liệu đang được truyền qua kết nối Bluetooth.
-  Kết nối USB được kích hoạt.
-  Một kết nối hồng ngoại đang được kích hoạt.
Nếu chỉ báo này nhấp nháy, điện thoại đang tìm cách kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.

Khóa bàn phím (bảo vệ phím)

Sử dụng chức năng khóa bàn phím để ngăn việc tình cờ bấm phím.

Để khóa bàn phím, ở chế độ chờ, bấm , sau đó bấm *****. Khi bàn phím bị khóa,  sẽ hiển thị trên màn hình điện thoại.

Để mở khóa bàn phím, ở chế độ nắp gấp mở, bấm , sau đó bấm *****.

Để khóa bàn phím, ở chế độ nắp gấp mở, bấm phím nguồn, và chọn **Lock keypad (Khóa bàn phím)**.

Để khóa bàn phím, ở chế độ nắp gấp đóng, bấm phím nguồn hai lần để chọn **Lock keypad (Khóa bàn phím)**, và bấm phím trên nắp.

Khi bật chức năng khóa bàn phím, bạn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Để bật đèn màn hình khi bàn phím đang bị khóa, bấm phím nguồn.

Điều chỉnh loa và âm lượng

Để tăng hoặc giảm mức âm lượng, khi bạn đang đàm thoại hoặc đang nghe nhạc, bấm  hoặc .



Loa tích hợp cho phép bạn đàm thoại và nghe ở một khoảng cách ngắn mà không cần cầm điện thoại gần tai.



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Để sử dụng loa trong khi gọi, chọn **Options (Tùy chọn) > Activate loudsp. (Bật loa)**.

Để tắt loa, chọn **Options (Tùy chọn) > Activate handset (Bật chế độ điện thoại)**.



Clock (Đồng hồ)



Mẹo! Để xem ngày giờ ở chế độ nắp gấp đóng, bấm và giữ phím trên nắp.

Bấm , và chọn **Clock (Đồng hồ)**. Để cài một báo thức mới, chọn **Options (Tùy chọn) > Set alarm (Cài báo thức)**. Khi báo thức đang hoạt động,  sẽ hiển thị.

Để tắt âm báo, chọn **Stop (Ngừng)**, hoặc để ngưng âm báo trong 5 phút, chọn **Snooze (Báo lại)**.

Nếu đến giờ báo thức trong khi tắt điện thoại, điện thoại sẽ tự bật và phát âm báo. Nếu bạn chọn **Stop (Ngừng)**, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn khởi động để gọi điện không. Chọn **No (Không)** để tắt điện thoại hoặc **Yes (Có)** để gọi và nhận cuộc gọi. Không chọn **Yes (Có)** khi việc sử dụng điện thoại vô tuyến có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để hủy báo thức, chọn **Clock (Đồng hồ) > Options (Tùy chọn) > Remove alarm (Xóa báo thức)**.

Cài đặt đồng hồ

Để thay đổi cài đặt đồng hồ, chọn **Clock (Đồng hồ) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)**.

Để thay đổi ngày tháng, chọn **Time (Giờ) hoặc Date (Ngày)**.

Để thay đổi cách hiển thị đồng hồ ở chế độ chờ, chọn **Clock type (Kiểu đồng hồ) > Analogue (Đồng hồ cổ điển) hoặc Digital (Đồng hồ số)**.

Cho phép mạng điện thoại di động cập nhật thông tin về ngày, giờ, và múi giờ cho điện thoại của bạn (dịch vụ mạng). **Network operator time (Thời gian theo nhà điều hành mạng) > Auto-update (Tự động cập nhật)**.

Để thay đổi âm báo, chọn **Clock alarm tone (Âm báo thức)**.

Đồng hồ thể giới

Để mở giao diện đồng hồ thể giới, mở **Clock (Đồng hồ)**, và bấm . Trên màn hình đồng hồ thể giới, bạn có thể xem giờ ở những thành phố khác nhau.

Để thêm thành phố vào danh sách, chọn **Options (Tùy chọn) > Add city (Thêm thành phố)**. Bạn có thể thêm tối đa 15 thành phố vào danh sách.

Để cài thành phố hiện bạn đang ở, di chuyển đến một thành phố, và chọn **Options (Tùy chọn) > My current city (Thành phố tôi hiện đang sống)**. Thành phố sẽ được hiển thị trong cửa sổ đồng hồ chính và thời gian trong điện thoại của bạn sẽ thay đổi tương ứng với thành phố được chọn. Kiểm tra xem thời gian có chính xác và khớp với múi giờ của bạn hay không.



Công cụ thẻ nhớ

Chỉ sử dụng những thẻ miniSD đã được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Nokia áp dụng các tiêu chuẩn công nghiệp đã được phê chuẩn cho thẻ nhớ nhưng không phải thẻ nhớ của tất cả các

hãng khác đều hoạt động tốt hay tương thích hoàn toàn với điện thoại này.

Bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Memory (Bộ nhớ)**. Bạn có thể sử dụng một thẻ nhớ tương thích làm bộ nhớ bổ sung và sử dụng cho việc sao lưu thông tin trên bộ nhớ của máy.



Để sao lưu thông tin từ bộ nhớ điện thoại sang thẻ nhớ, chọn **Options (Tùy chọn) > Backup phone mem. (Sao lưu bộ nhớ điện thoại)**.

Để khôi phục thông tin từ thẻ nhớ sang bộ nhớ điện thoại, chọn **Options (Tùy chọn) > Restore from card (Khôi phục từ thẻ nhớ)**.

Định dạng thẻ nhớ

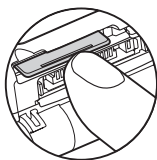
Khi định dạng lại thẻ nhớ, tất cả dữ liệu có trên thẻ sẽ bị mất.

Một số thẻ nhớ được định dạng sẵn khi bán ra nhưng một số thẻ nhớ khác yêu cầu phải định dạng. Tham khảo ý kiến người bán lẻ để xác định xem bạn có phải định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng hay không.

Để định dạng thẻ nhớ, chọn **Options (Tùy chọn) > Format mem. card (Định dạng thẻ nhớ)**. Chọn **Yes (Có)** để xác nhận.

Đẩy thẻ nhớ ra

- 1 Trước khi đẩy thẻ ra, bấm phím nguồn, và chọn **Remove mem. card (Tháo thẻ nhớ)**. Tất cả các ứng dụng được đóng.
- 2 Khi **Remove memory card and press 'OK'** (Tháo thẻ nhớ ra và bấm 'OK') hiển thị, mở nắp ngăn chứa thẻ nhớ.
- 3 Nhấn vào thẻ nhớ và thả ra để đẩy thẻ ra khỏi khe chứa.
- 4 Tháo thẻ nhớ, đóng nắp lại, và chọn **OK**.



 **Chú ý:** Không tháo thẻ nhớ trong khi đang truy cập vào thẻ. Việc tháo thẻ trong khi đang sử dụng có thể làm hư thẻ cũng như điện thoại, và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị lỗi.



Trình quản lý tập tin

Nhiều chức năng của điện thoại, như là danh bạ, tin nhắn, hình ảnh, video, nhạc chuông, ghi chú lịch, tài liệu, và các ứng dụng được tải về, sử dụng bộ nhớ để lưu dữ liệu. Dung lượng bộ nhớ trống tùy thuộc vào lượng dữ liệu đã được lưu trong bộ nhớ điện thoại.

Bạn có thể sử dụng một thẻ nhớ tương thích làm vùng lưu trữ thêm. Các thẻ nhớ đều có thể ghi lại nhiều lần, vì vậy bạn có thể xóa thông tin cũ và lưu dữ liệu mới trên thẻ nhớ.

Để trình duyệt các tập tin và thư mục lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ (nếu thẻ được gắn vào máy), bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > File mgr. (Quản lý tập tin)**. Giao diện bộ nhớ điện thoại () sẽ mở ra. Bấm  để mở giao diện thẻ nhớ () (nếu có).

Để chuyển hoặc sao chép các tập tin vào một thư mục, bấm  và  cùng lúc để chọn một tập tin, và chọn **Options (Tùy chọn) > Move to folder (Đời đến thư mục)** hoặc **Copy to folder (Sao chép vào thư mục)**.

Để tìm một tập tin, chọn **Options (Tùy chọn) > Find (Tìm)** và chọn bộ nhớ bạn muốn tìm kiếm, và nhập văn bản khớp với tên tập tin.

Xem mức sử dụng bộ nhớ

Để xem loại dữ liệu bạn có trong điện thoại và dung lượng bộ nhớ mà những loại dữ liệu khác nhau sử dụng, chọn **Options (Tùy chọn) > Memory details (Chi tiết bộ nhớ)**. Dung lượng bộ nhớ còn trống sẽ được hiển thị trong **Free memory (Bộ nhớ còn trống)**.

Không đủ bộ nhớ—làm trống bộ nhớ

Điện thoại sẽ thông báo khi bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ gần hết.

Để làm trống bộ nhớ điện thoại, chuyển dữ liệu sang một thẻ nhớ tương thích, nếu có. Đánh dấu các tập tin sẽ được chuyển, và chọn **Options (Tùy chọn) > Move to folder (Đổi đến thư mục) > Memory card (Thẻ nhớ)** và chọn thư mục.

Bạn cũng có thể sao chép các tập tin media vào một máy PC tương thích, ví dụ sử dụng **Gallery (Bộ sưu tập)**. Xem phần "**Gallery (Bộ sưu tập)**", trên trang 20.

 **Mẹo!** Bạn có thể sử dụng Nokia Phone Browser có trong Nokia PC Suite để xem các bộ nhớ khác nhau trong điện thoại và chuyển dữ liệu.

Để làm trống bộ nhớ bằng cách xóa dữ liệu, sử dụng **File mgr. (Quản lý tập tin)**, hoặc vào ứng dụng tương ứng. Ví dụ bạn có thể xóa các dữ liệu sau:

- Tin nhắn từ **Inbox (Hộp thư đến)**, **Drafts (Nháp)**, và **Sent (Đã gửi)** trong **Messag. (Tin nhắn)**
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ server thư từ xa
- Các trang Web đã lưu
- Các tập tin âm thanh, phim và hình ảnh đã lưu
- Thông tin về số liên lạc
- Ghi chú lịch

- Các ứng dụng được tải về. Xem thêm phần "**Application manager**", trên trang 106.
- Các tập tin cài đặt (.sis) của những ứng dụng bạn đã cài đặt vào thẻ miniSD tương thích; trước tiên sao lưu các tập tin cài đặt nháy vào một máy PC tương thích sử dụng bộ Nokia PC Suite.
- Tất cả các dữ liệu bạn không còn cần dùng đến nữa

Các phím tắt hữu dụng

Sử dụng phím tắt để truy cập nhanh các ứng dụng thường sử dụng trong điện thoại. Tham khảo các phần có liên quan trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm chi tiết về các chức năng.

Chế độ chờ

- Để chuyển đổi giữa các ứng dụng đang mở, bấm và giữ , và chọn một ứng dụng. Nếu bộ nhớ được sử dụng hết, điện thoại có thể đóng lại một số ứng dụng. Điện thoại sẽ lưu lại tất cả dữ liệu trước khi đóng ứng dụng. Việc để các ứng dụng chạy ẩn sẽ tiêu thụ pin nhiều hơn và đồng thời làm giảm tuổi thọ của pin.
- Để khởi động camera, bấm .
- Để gọi tới hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1**.

- Để mở các ứng dụng đa phương tiện, bấm hoặc bấm và giữ . Xem phần "[Phím đa phương tiện](#)", trên trang 8.
- Để thay đổi cấu hình, bấm , và chọn một cấu hình.
- Nếu bạn có hai số máy để gọi đi (dịch vụ mạng), bấm # để chuyển qua lại giữa hai số máy.
- Để mở danh sách các số mới gọi gần đây, bấm .
- Để sử dụng lệnh thoại, bấm và giữ .
- Để kết nối với **Services (Dịch vụ)**, bấm và giữ . Xem phần "["Dịch vụ"](#)", trên trang 64.

Để biết thêm các phím tắt nào sẽ hiện diện khi ở chế độ chờ, xem phần "["Active standby mode \(Chế độ active standby\)"](#)", trên trang 84.

Chỉnh sửa văn bản và các danh sách

- Để đánh dấu một mục trong danh sách, di chuyển đến mục đó, và bấm và cùng một lúc.
- Để chọn nhiều mục trong một danh sách, bấm và giữ phím sau đó bấm hoặc . Để ngưng chọn, thả phím hoặc , sau đó thả phím .

- Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ . Cùng một lúc, bấm hoặc để chọn văn bản.
- Để sao chép văn bản vào clipboard khi đang giữ phím , chọn **Copy (Sao chép)**.
- Để chèn văn bản vào tài liệu, bấm và giữ phím , và chọn **Paste (Dán)**.

Phím đa phương tiện

Để mở phím tắt được gán cho phím đa phương tiện, bấm và giữ . Để mở danh sách các ứng dụng đa phương tiện, bấm . Để mở ứng dụng bạn muốn, bấm , , hoặc . Để thoát khỏi danh sách mà không chọn một ứng dụng nào, bấm .

Để thay đổi phím tắt, bấm , và bấm . Để thay đổi những ứng dụng sẽ được hiển thị khi bấm , chọn **Top (Cao nhất)**, **Left (Trái)**, **Middle (Giữa)**, và **Right (Phải)** và chọn ứng dụng.

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.



Trợ giúp

Điện thoại của bạn có các văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh. Khi một ứng dụng đang mở, chọn **Options (Tùy chọn) > Help (Trợ giúp)** để truy cập mục trợ giúp trong giao diện hiện tại.

Khi bạn đọc hướng dẫn, để chuyển giữa chức năng trợ giúp và ứng dụng đang chạy ẩn, bấm và giữ **⌂**.

Để mở phần trợ giúp trong menu chính, chọn **Tools (Công cụ) > Help (Trợ giúp)**. Chọn ứng dụng theo ý muốn để xem các chủ đề trợ giúp.



Tutorial (Hướng dẫn)

Trình hướng dẫn cung cấp cho bạn thông tin về các chức năng của điện thoại. Để truy cập hướng dẫn trong menu này, bấm **⌂**, và chọn **My own (Cá nhân) > Tutorial (Hướng dẫn)** và chọn mục bạn muốn xem.

Camera

Điện thoại Nokia N71 có hai camera, một camera với độ phân giải cao nằm ở mặt ngoài của điện thoại, và một camera có độ phân giải thấp hơn nằm ở phía trên màn hình chính bên trong, có thể nhìn thấy camera này khi nắp mở. Cả hai camera đều có chức năng chụp ảnh và quay phim.

Để khởi động camera, mở nắp, bấm **Ⓜ**, và chọn **Camera**. Trong kích ngắm, bạn có thể thấy khung giao diện chụp hình.

Các hình ảnh và đoạn phim đã quay sẽ được tự động lưu vào Bộ sưu tập. Ảnh chụp từ các camera có dạng .jpg. Các video clip được ghi theo định dạng tập tin 3gpp với tên mở rộng của tập tin .3gp (các chế độ chất lượng video bình thường và chia sẻ) hoặc theo định dạng .mp4 (chế độ chất lượng video cao). Xem phần "**Cài đặt video**", trên trang 19.

Bạn có thể gửi hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện dưới dạng e-mail đính kèm, hoặc sử dụng kết nối Bluetooth.

⚡ Mẹo! Bạn có thể chèn hình vào thẻ liên lạc. Xem phần "**Lưu tên và số điện thoại**", trên trang 60.

Điện thoại Nokia N71 hỗ trợ hình chụp với độ phân giải lên đến 1600x1200 pixel sử dụng camera chính. Độ phân giải hình ảnh trong tài liệu này có thể hiển thị khác.

Màn hình camera

Các chỉ báo camera cho biết các thông tin sau:

- Các chỉ báo bộ nhớ điện thoại (**Ⓜ**) và thẻ nhớ (**Ⓜ**) (1) cho biết nơi lưu trữ các hình ảnh.
- Chỉ báo hình ảnh (2) ước lượng số lượng hình ảnh, tùy vào chất lượng hình ảnh đã chọn, có thể lưu vừa đủ chứa trong bộ nhớ còn trống của điện thoại hoặc thẻ nhớ của bạn.
- Chỉ báo chụp tự động (3) cho biết chế độ chụp tự động được kích hoạt. Xem phần "**Chụp ảnh cho chính bạn—Self-timer (Chụp tự động)**", trên trang 13.



- Chỉ báo chế độ chụp liên tiếp (4) cho biết chế độ chụp liên tiếp đã được kích hoạt. Xem phần "[Chụp ảnh liên tiếp](#)", trên trang 13.

Chụp hình

Nếu camera đang ở chế độ video, mở chế độ hình ảnh bằng cách chọn **Options (Tùy chọn) > Image mode (Chế độ hình)**.

Để chọn camera phụ (ví dụ để tự chụp), chọn **Options (Tùy chọn) > Use second. camera. (Sử dụng camera phụ)**. Để sử dụng lại camera chính, chọn **Options (Tùy chọn) > Use main camera (Sử dụng camera chính)**.

Để phóng to và thu nhỏ hình, bấm  hoặc . Chỉ báo zoom, hiển thị trên một bên kính ngắm, cho biết mức zoom. Chất lượng (độ phân giải) của hình được điều chỉnh tỷ lệ sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh tỷ lệ.

Để chụp hình, bấm . Giữ nguyên điện thoại điện thoại cho tới khi ảnh được lưu. Hình ảnh sẽ tự động được lưu vào thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** của **Gallery (Bộ sưu tập)**. Xem phần "[Gallery \(Bộ sưu tập\)](#)", trên trang 20.

Việc lưu lại ảnh chụp có thể mất nhiều thời gian hơn nếu bạn thay đổi các cài đặt của tính năng chỉnh tỉ lệ, ánh sáng hoặc màu sắc.

Để chọn chế độ chụp; đèn flash, cài đặt màu sắc và ánh sáng; hoặc giao diện **Last image (Ảnh mới nhất)** trước khi chụp, xem phần "[Cài đặt camera](#)", trên trang 16.

Sau khi chụp ảnh, thực hiện một trong các bước sau đây:

- Nếu bạn không muốn giữ hình lại, chọn **Options (Tùy chọn) > Delete (Xóa)**, hoặc bấm .
- Để gửi hình ảnh **Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, **Via e-mail (Qua e-mail)**, hoặc **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi)**. Để biết thêm thông tin, xem phần "[Messaging](#)", trên trang 32 và phần "[Kết nối Bluetooth](#)", trên trang 86. Tùy chọn này sẽ không có trong khi cuộc gọi đang diễn ra.
- Để gửi hình cho một thành viên khác trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options (Tùy chọn) > Send to caller (Gửi tới người gọi)**.
- Để chỉnh sửa ảnh, chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Xem phần "[Chỉnh sửa hình ảnh](#)", trên trang 14.
- Để in ảnh, chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**. Xem phần "[In ảnh](#)", trên trang 25.

Camera sẽ chuyển sang chế độ tiết kiệm pin nếu không có phím nào được bấm trong chốc lát. Để tiếp tục chụp hình, bấm .

Cài đặt camera

Nếu kính ngắm đang mở, bấm  hoặc , hoặc chọn **Options (Tùy chọn) > Open setup (Mở cài đặt)**.

Bấm  hoặc  để chọn mục để xem hoặc hiệu chỉnh, và bấm . Các cài đặt có sẵn tùy thuộc vào camera được sử dụng.

Để kích hoạt lại kính ngắm, bấm **Cancel (Hủy)** hoặc .

Cài đặt này sẽ trở về cài đặt mặc định khi bạn đóng **Camera**.



Chế độ chụp ảnh

Cài đặt của mỗi chế độ chụp được đã được đặt theo một kiểu hoặc một môi trường nhất định.

Có các chế độ chụp sau đây: **Automatic (Tự động)**, **User defined (Do người dùng tạo)**, **Portrait (Chân dung)**, **Landscape (Phong cảnh)**, **Sports (Thể thao)**, và **Night (Đêm)**.

Di chuyển đến chế độ chụp thích hợp để chụp ảnh, và bấm .

Khi chụp ảnh, chế độ chụp mặc định là **Automatic (Tự động)**.

Để tạo chế độ chụp riêng phù hợp với một môi trường nhất định, chọn chế độ **User defined (Do người dùng tạo)**. Trong chế độ do người dùng tạo, bạn có thể điều chỉnh **Based on mode (Dựa vào chế độ khác)**, **Flash**, **White balance (Cân bằng trắng)**, và **Colour tone (Tông màu)**, và các tùy chọn **Reset user mode (Cài lại chế độ người dùng)**. Để sao chép cài đặt cấu hình của một chế độ chụp khác, chọn **Based on mode (Dựa vào chế độ khác)** và chọn chế độ chụp bạn muốn.

Flash

Camera được trang bị đèn flash để chụp hình trong điều kiện ánh sáng yếu.

Giữ một khoảng cách an toàn khi sử dụng đèn flash. Không sử dụng đèn flash khi ở gần người hoặc động vật. Không che đèn flash khi đang chụp hình.

Các chế độ đèn flash gồm: **Automatic (Tự động)**, **On (Bật)**, và **Off (Tắt)**.

Di chuyển đến cài đặt đèn flash bạn muốn và bấm .

Nếu đèn flash được cài là **Off (Tắt)** hoặc **Automatic (Tự động)** trong điều kiện đủ ánh sáng, đèn flash vẫn phát ra luồng sáng cường độ thấp khi chụp ảnh. Điều này cho phép đối tượng được chụp hình biết được khi nào chụp xong. Không có hiệu ứng flash nào trên ảnh sau khi chụp.

White balance (Cân bằng trắng)

Chọn cài đặt thích hợp với điều kiện ánh sáng hiện tại. Điều này cho phép camera tái hiện màu sắc trung thực hơn.

Di chuyển đến cài đặt bạn muốn và bấm .

Colour tone (Tông màu)

Di chuyển đến cài đặt hiệu ứng màu bạn muốn và bấm .

Last image (Ảnh mới nhất)

Để xem hình ảnh mới chụp, bấm .

Chụp ảnh liên tiếp

Chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced sequence (Chụp liên tiếp nâng cao)** để cài camera tự động chụp nhiều ảnh liên tiếp. Bạn có thể chọn giữa hai tốc độ hai hình mỗi giây (nhANH) và một một hình mỗi 15 phút (chẬM). Số ảnh bị giới hạn bởi dung lượng bộ nhớ còn trống.

Hình chụp sẽ được tự động lưu vào **Gallery (Bộ sưu tập)**.

Bạn cũng có thể sử dụng chế độ chụp liên tục cùng với chế độ chụp **Self timer (Chụp tự động)**. Xem phần "**Chụp ảnh cho chính bạn—Self-timer (Chụp tự động)**", trên trang 13.

Sau khi chụp hình, hình chụp sẽ được hiển thị ở dạng khung lưới trên màn hình chính. Để xem hình, bấm  để đọc.

Để trở về kính ngắm ở chế độ chụp liên tục, chọn **Back (Trở về)**.

Chụp ảnh cho chính bạn—Self-timer (Chụp tự động)

Sử dụng chế độ nhập tự động để làm chậm quá trình chụp ảnh và do đó bạn có thể tự chụp ảnh của mình. Để cài chức năng chụp tự động, chọn **Options (Tùy chọn) > Self timer (Chụp tự động) > 10 seconds (10 giây.)**, **20 seconds (20 giây.)** hoặc **30 seconds (30 giây.)**. Để khởi động chức năng chụp tự động, chọn



Activate (Khởi động). Chỉ báo chế độ chụp tự động (📷) sẽ nhấp nháy và điện thoại phát những tín hiệu bíp trong khoảng thời gian chờ chụp. Camera sẽ chụp hình sau khi hết thời gian đã định. Bạn cũng có thể sử dụng chế độ **Self timer (Chụp tự động)** khi ở chế độ chụp liên tục. Xem phần "**Chụp ảnh liên tiếp**", trên trang 13.

Cài đặt camera

Để thay đổi cài đặt camera chính, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

Image quality (Chất lượng ảnh) — Print (In) (độ phân giải 1600x1200), **E-mail 0.5M** (độ phân giải 1024x768) hoặc **MMS 0.3M** (độ phân giải 640x480). Chất lượng hình ảnh càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ cho hình ảnh.

Add to album (Thêm vào album) — Chọn lưu hoặc không lưu hình ảnh vào một album trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Nếu bạn chọn **Yes (Có)**, một danh sách các album hiện có sẽ mở ra.

Extended zoom (Zoom mở rộng) — Chọn **On (Bật)** nếu bạn muốn đạt được mức zoom tối đa nhưng độ phân giải của hình sẽ thấp hơn, độ phân giải này có thể thấp hơn độ phân giải bạn đã chọn trong cài đặt **Image quality (Chất lượng ảnh)**. Nếu bạn

muốn giới hạn khoảng zoom và mức giảm độ phân giải ít hơn, chọn **Off (Tắt)**.

Show captured img. (Hiển thị ảnh đã chụp) — Chọn **On (Bật)** để xem hình đã chụp sau khi chụp, hoặc **Off (Tắt)** để tiếp tục chụp hình ngay.

Default image name (Tên ảnh mặc định) — Chọn **Date (Ngày)** hoặc **Text (Văn bản)**.

Shutter tone (Âm chụp) — Chọn âm bạn muốn nghe khi chụp ảnh.

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Chọn nơi lưu hình ảnh.

Chỉnh sửa hình ảnh

Để chỉnh sửa ảnh bạn vừa chụp, chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Để chỉnh sửa các ảnh khác, chọn ảnh từ **Gallery (Bộ sưu tập)**.

Chọn **Options (Tùy chọn) > Apply effect (Áp dụng hiệu ứng)** để cắt và xoay hình; hiệu chỉnh màu sắc, mức độ nén, và độ phân giải; và thêm hiệu ứng, văn bản, hình nghệ thuật, hoặc khung vào hình.

Để cắt hình theo cách thủ công, chọn **Options (Tùy chọn) > Apply effect (Áp dụng hiệu ứng) > Crop (Cắt) > Manual (Thủ công)**. Một hình chữ nhật cho biết vùng cắt sẽ hiển thị. Di chuyển để xác định điểm

bắt đầu để cắt ở phía trên bên trái, và chọn **Set (Cài)**. Di chuyển đến điểm dưới cùng bên phải của vùng sẽ cắt, và chọn **Crop (Cắt)**.

Để giảm hiện tượng mắt đỏ trong một hình, chọn **Options (Tùy chọn) > Apply effect (Áp dụng hiệu ứng) > Red eye reduction (Giảm hiện tượng mắt đỏ)**. Di chuyển dấu thập vào mắt, và bấm **[Enter]**. Một vòng tròn sẽ xuất hiện trên màn hình. Di chuyển để chỉnh lại kích thước của vòng tròn cho vừa với kích cỡ mắt. Bấm **[Enter]** để giảm hiện tượng mắt đỏ.

Để thêm hình nghệ thuật vào một hình, chọn **Options (Tùy chọn) > Apply effect (Áp dụng hiệu ứng) > Clip-art (Hình mẫu)**. Chọn mục bạn muốn thêm trong danh sách, và bấm **[Enter]**. Để di chuyển, xoay, và thay đổi kích thước của mục này, chọn **Options (Tùy chọn) > Move clip-art (Đời hình mẫu), Resize clip-art (Chỉnh kích thước hình mẫu), hoặc Rotate clip-art (Xoay hình mẫu)**.

Để thêm văn bản vào một hình, chọn **Options (Tùy chọn) > Apply effect (Áp dụng hiệu ứng) > Text (Văn bản)**. Nhập văn bản vào, và chọn **OK**. Để chỉnh sửa văn bản, chọn **Options (Tùy chọn) > Move text (Đời văn bản), Resize text (Chỉnh kích thước văn bản), Rotate text (Xoay văn bản), hoặc Select colour (Chọn màu)**.

Các phím tắt trong chế độ chỉnh sửa hình ảnh:

- Để xem một ảnh toàn màn hình, bấm *****. Để trở lại xem bình thường, bấm ***** một lần nữa.
- Để xoay một hình theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ, bấm **1** và **3**.
- Để phóng to hoặc thu nhỏ hình, bấm **5** và **0**.

Các mẹo nhỏ để chụp được ảnh đẹp

Chất lượng hình ảnh

Sử dụng chất lượng hình thích hợp. Camera có ba chế độ cài đặt chất lượng ảnh. Chọn High 2M **Print (In)** để in ảnh có kích thước tối đa 25x20 cm (10x8 inch), **E-mail** 0.5M để gửi e-mail và in ảnh có kích thước tối đa 15x10 cm (6x4 inch), hoặc **MMS** 0.3M để sử dụng trong tin nhắn đa phương tiện. Chất lượng hình ảnh càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ. Chất lượng của hình được điều chỉnh tỷ lệ sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh tỷ lệ. Để thay đổi chất lượng ảnh, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)**.

Nền

Sử dụng nền đơn giản — Đối với ảnh chân dung và các hình chụp người, tránh để các đối tượng của bạn lên trên một nền phức tạp và lộn xộn vì điều này có thể làm giảm sự chú ý lên đối tượng chính. Di chuyển máy chụp ảnh hoặc đối tượng khi không đáp ứng được các điều kiện này. Di chuyển camera đến gần đối tượng để chụp chân dung rõ hơn.

Chiều sâu

Khi chụp phong cảnh, thêm chiều sâu cho hình ảnh bằng cách đặt các đối tượng lên phía trước. Tuy nhiên, nếu đối tượng phía trước quá gần máy ảnh, nó có thể bị mờ.

Các điều kiện ánh sáng

Việc thay đổi nguồn, số lượng, và hướng của ánh sáng có thể thay đổi hình ảnh một cách rõ nét. Đây là một số điều khiển ánh sáng điển hình:

- Nguồn ánh sáng phía sau đối tượng — Tránh đặt đối tượng phía trước nguồn sáng mạnh. Nếu nguồn phía đằng sau đối tượng hoặc nhìn thấy trên màn hình, hình chụp sẽ có độ tương phản yếu, có thể sẽ quá tối, và có thể chứa những hiệu ứng ánh sáng không mong muốn. Bạn có thể sử

dụng đèn flash để thêm nhiều ánh sáng cho bóng. Xem phần "[Flash](#)", trên trang 12.

- Đối tượng xiên một bên — Nguồn sáng mạnh ở một bên sẽ cho hiệu ứng ấn tượng nhưng nếu quá chói sẽ làm cho hình ảnh có quá nhiều độ tương phản.
- Nguồn sáng ở phía trước đối tượng — Ánh nắng mặt trời chói có thể khiến cho đối tượng bị nheo mắt. Độ tương phản cũng có thể quá cao.
- Ánh sáng tối ưu — Được tìm thấy ở những nơi có nguồn sáng nhẹ và lan rộng; ví dụ như ngày có mây quang đãng hoặc trong một ngày nắng ấm dưới những tán cây.

Màn hình máy quay phim

Các chỉ báo máy quay phim cho biết các thông tin sau:

- Các chỉ báo bộ nhớ điện thoại (📶) và thẻ nhớ (💾) (1) cho biết nơi lưu trữ video.
- Chỉ báo chiều dài đoạn phim hiện thời (2) hiển thị thời gian đã dùng và thời gian còn lại.



- Chỉ báo micro (3) cho biết micro đã được tắt tiếng.
- Chỉ báo định dạng tập tin (4) cho biết định dạng của video clip.

Quay phim

Nếu camera đang ở chế độ hình ảnh, để chọn chế độ video, chọn **Options (Tùy chọn) > Video mode (Chế độ video)**.

Để chọn camera phụ (ví dụ để tự chụp), chọn **Options (Tùy chọn) > Use second. cam. (Sử dụng camera phụ)**. Để sử dụng lại camera chính, chọn **Options (Tùy chọn) > Use main camera (Sử dụng camera chính)**.

Chỉ báo zoom, hiển thị trên khung bên cạnh, cho biết mức zoom. Bấm  hoặc  để phóng to hoặc thu nhỏ.

- 1 Bấm  để bắt đầu quay phim. Biểu tượng ghi  sẽ hiển thị. Đèn LED sẽ sáng, và một âm thanh sẽ phát ra cho biết đối tượng đang được quay. Không có hiệu ứng flash nào trên ảnh sau khi quay.
- 2 Để tạm ngưng quay phim bất kỳ lúc nào, chọn **Pause (Tạm ngưng)**. Biểu tượng tạm ngưng  nhấp nháy trên màn hình. Quá trình quay phim tự động ngừng nếu quá trình quay được cài sang

trạng thái tạm ngưng và bạn không bấm phím nào trong khoảng một phút.

- 3 Chọn **Continue (Tiếp tục)** để tiếp tục quay phim.
- 4 Chọn **Stop (Ngừng)** ngừng quay phim. Video clip sẽ tự động lưu vào thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** của **Gallery (Bộ sưu tập)**. Xem phần "**Gallery (Bộ sưu tập)**", trên trang 20.

Để chọn chế độ chụp; cài đặt màu sắc và ánh sáng; hoặc giao diện **Last video clip (Video clip mới nhất)** trước khi quay phim, xem phần "**Cài đặt máy quay phim**", trên trang 18.

Sau khi quay xong một video clip, thực hiện các bước sau:

- Để phát lại ngay đoạn phim mà bạn vừa quay, chọn **Options (Tùy chọn) > Play (Phát)**.
- Nếu bạn không muốn giữ lại video này, chọn **Options (Tùy chọn) > Delete (Xóa)**.
- Để trở về chế độ kính ngắm để quay đoạn phim mới, bấm .
- Để gửi video **Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, **Via e-mail (Qua e-mail)**, hoặc **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**, **Via infrared (Qua hồng ngoại)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi)**. Để biết thêm thông tin, xem phần "**Messaging**", trên trang 32 và phần "**Kết nối Bluetooth**", trên trang 86. Tùy chọn này sẽ không có trong khi cuộc gọi đang diễn ra.

- Để gửi video clip cho một thành viên khác trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Send to caller (Gửi tới người gọi)**.
- Để chỉnh sửa video, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Edit (Chỉnh sửa)**. Xem thêm phần "**Chỉnh sửa video clip**", trên trang 22.

Cài đặt máy quay phim

Nếu kính ngắm đang mở, bấm  hoặc , hoặc chọn **Options (Tùy chọn)** > **Open setup (Mở cài đặt)**.

Bấm  hoặc  để chọn mục để xem hoặc hiệu chỉnh, và bấm . Các cài đặt có sẵn tùy thuộc vào camera được sử dụng.

Để kích hoạt lại kính ngắm, bấm **Cancel (Hủy)** hoặc .

Cài đặt này sẽ trở về cài đặt mặc định khi bạn đóng **Camera**.

Chế độ chụp ảnh

Cài đặt của mỗi chế độ chụp được đã được đặt theo một kiểu hoặc một môi trường nhất định.

Có các chế độ chụp sau đây: **Automatic (Tự động)**, hoặc **Night (Đêm)**.

Di chuyển đến chế độ chụp thích hợp để quay phim, và bấm .

Cân bằng trắng

Chọn cài đặt thích hợp với điều kiện ánh sáng hiện tại. Điều này cho phép camera tái hiện màu sắc trung thực hơn.

Di chuyển đến cài đặt bạn muốn và bấm .

Tông màu

Di chuyển đến cài đặt hiệu ứng màu bạn muốn và bấm .

Last video (Video clip mới nhất)

Để xem video mới quay, bấm .



Cài đặt video

Có hai kiểu cài đặt dành cho máy quay phim: cài đặt máy quay phim và cài đặt video. Để hiệu chỉnh cài đặt video, xem phần "[Cài đặt máy quay phim](#)", trên trang 18. Cài đặt của máy quay phim sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt video sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để thay đổi cài đặt video, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và chọn các tùy chọn sau:

Audio recording (Ghi âm) — Chọn **On (Bật)** nếu bạn muốn ghi cả hình và tiếng.

Video quality (Chất lượng video) — Cài chất lượng video clip là **High (Cao)**, **Normal (Bình thường)**, hoặc **Sharing (Chia sẻ)**. Nếu bạn chọn **High (Cao)** hoặc **Normal (Bình thường)**, thời gian quay sẽ giới hạn ở khoảng một giờ với không gian hiện có cho mỗi đoạn phim. Nếu bạn muốn xem video trên tivi hoặc máy PC tương thích, chọn chất lượng video **High (Cao)**, có độ phân giải CIF (352x288) và định dạng .mp4. Bạn không thể gửi các đoạn phim được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Nếu bạn muốn xem video clip trên những thiết bị di động tương thích, chọn **Normal (Bình thường)**, có độ phân giải QCIF (176x144) và định dạng .3gp. Để gửi video clip qua MMS, hoặc qua chức năng chia sẻ video, chọn

Sharing (Chia sẻ) (độ phân giải QCIF, định dạng .3gp). Xem phần "[Chia sẻ video \(dịch vụ mạng\)](#)", trên trang 52. Đoạn video clip được giới hạn trong khoảng 300 KB (thời lượng khoảng 20 giây), vì vậy rất thuận tiện khi bạn muốn gửi đến một thiết bị tương thích dưới dạng tin nhắn đa phương tiện. Tuy nhiên, một số mạng chỉ hỗ trợ gửi các tin nhắn đa phương tiện với kích thước tối đa 100 KB. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Add to album (Thêm vào album) — Chọn **Yes (Có)** để lưu video clip đã ghi trong một album cụ thể trong **Gallery (Bộ sưu tập)**.

Show captured video (Hiển thị video đã quay) — Chọn **Off (Tắt)** để quay một video clip khác ngay sau khi vừa quay xong video clip. Các video sẽ không được phát sau khi quay, và máy quay phim sẵn sàng để sử dụng tiếp.

Default video name (Tên video mặc định) — Chọn **Date (Ngày)** hoặc **Text (Văn bản)** làm tên mặc định cho các video bạn quay.

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Chọn bộ nhớ lưu trữ mặc định: bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ.

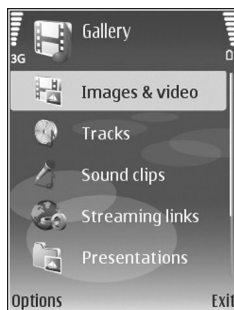


Gallery (Bộ sưu tập)

Để lưu và sắp xếp các hình ảnh, đoạn phim, đoạn âm thanh, danh mục bài hát, đường dẫn xem các nội dung phát trực tuyến, bấm , và chọn **Gallery (Bộ sưu tập)**. Để mở bộ sưu tập từ ứng dụng **Camera**, chọn **Options (Tùy chọn) > Go to Gallery (Đến Bộ sưu tập)**. Trong **Camera**, chỉ có thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** khả dụng.

 **Mẹo!** Để chuyển từ **Gallery (Bộ sưu tập)** sang **Camera**, chọn **Options (Tùy chọn) > Go to Camera (Chọn Camera)** từ giao diện **Images & video (Hình ảnh & video)**.

Chọn **Images & video (Hình ảnh & video)**, **Tracks (Đoạn nhạc)**, **Sound clips (Đoạn âm thanh)**, **Streaming links (Các đường dẫn đến nội dung trực tuyến)**, **Presentations (Diễn thuyết)**, hoặc **All files (Tất cả các tập tin)**, và bấm .



Bạn có thể trình duyệt và mở các thư mục, đánh dấu, sao chép, và chuyển các mục vào các thư mục và album. Các đoạn âm thanh Real, video clip, tập tin .ram, và các liên kết trực tuyến sẽ được mở và phát trong ứng dụng RealPlayer. Xem phần **"RealPlayer"**, trên trang 27. Bạn cũng có thể tạo album; và đánh dấu, sao chép và thêm các mục vào album. Xem phần **"Album"**, trên trang 25.

 **Mẹo!** Bạn có thể truyền hình ảnh từ điện thoại đến máy PC tương thích bằng trình Nokia Phone Browser hiện có trong phần mềm Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Bấm  để mở một tập tin. Video và đoạn nhạc Real sẽ mở ra trong ứng dụng **RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.)**, và nhạc mở ra trong máy nghe nhạc. Xem phần **"Xem hình ảnh và video clip"**, trên trang 21. Xem phần **"Máy nghe nhạc"**, trên trang 69.

Để sao chép hoặc dời các tập tin vào thẻ nhớ tương thích hoặc vào bộ nhớ trên máy, chọn một tập tin và chọn **Options (Tùy chọn) > Move and copy (Chuyển và sao chép) > Copy to memory card (Sao chép vào thẻ nhớ)**, **Move to memory card (Chuyển vào thẻ**

nhớ), Copy to phone mem. (Sao chép vào bộ nhớ điện thoại), hoặc Move to phone mem. (Đổi vào bộ nhớ điện thoại).

Các tập tin lưu trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng .

Các tập tin lưu trong bộ nhớ trên máy được chỉ báo bằng .

Để giảm kích cỡ của các tập tin hình ảnh, chọn **Options (Tùy chọn) > Shrink (Thu nhỏ)**. Để giảm kích thước các tập tin bạn đã sao chép sang các vị trí khác (ví dụ như một máy PC tương thích) và tăng chỗ trống trong bộ nhớ, trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)**, và chọn một tập tin và **Options (Tùy chọn) > Free memory (Bộ nhớ còn trống)**.

Để tải các tập tin về **Gallery (Bộ sưu tập)** trong một trong các thư mục chính bằng trình duyệt, chọn **Graphic downl. (Tải đồ họa xuống từ mạng), Video downl. (Video tải xuống), Track downl. (Đoạn nhạc tải xuống), hoặc Sound downl. (Âm thanh tải xuống)**. Trình duyệt sẽ mở ra và bạn có thể chọn một chỉ mục của trang sẽ tải về.

Xem hình ảnh và video clip

Hình chụp và các video clip được quay bằng camera sẽ được lưu trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong menu **Gallery (Bộ sưu tập)**. Bạn cũng

có thể nhận được hình ảnh và đoạn phim dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail, hoặc sử dụng kết nối Bluetooth. Để có thể xem một hình ảnh hoặc video clip nhận được trong **Gallery (Bộ sưu tập)** hoặc trong **RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.)**, bạn phải lưu hình hoặc video clip này vào bộ nhớ trên máy hoặc trên một thẻ nhớ tương thích.

Mở thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong menu **Gallery (Bộ sưu tập)**. Hình ảnh và video clip sẽ ở trong một vòng tròn và được sắp xếp theo ngày tháng. Để trình duyệt từng tập tin, bấm  hoặc . Để trình duyệt các tập tin theo nhóm, bấm  hoặc .

Để chỉnh sửa hình hoặc video clip, chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Chương trình chỉnh sửa hình ảnh hoặc video sẽ mở ra.

Để thêm hình hoặc video clip vào một album trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Albums (Album) > Add to album (Thêm vào album)**. Xem phần **"Album"**, trên trang 25.

Để tạo video clip tùy chỉnh, chọn một video clip hoặc một vài clip trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Xem phần **"Chỉnh sửa video clip"**, trên trang 22.

Để in hình ảnh trên một máy in tương thích được nối với điện thoại hoặc để lưu hình vào một thẻ nhớ tương thích để in, chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**. Xem phần "[In ảnh](#)", trên trang [25](#).

Để chỉnh tỷ lệ một hình đã mở, chọn **Options (Tùy chọn) > Zoom in (Phóng to)** hoặc **Zoom out (Thu nhỏ)**. Tỷ lệ phóng to/thu nhỏ sẽ hiển thị ở phía trên màn hình. Tỷ lệ sẽ không được lưu cố định.

Chỉnh sửa video clip

Bạn có thể chỉnh sửa video clip trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Xem phần "[Gallery \(Bộ sưu tập\)](#)", trên trang [20](#).

Để chỉnh sửa video clip và tạo video clip tùy chỉnh, di chuyển đến một video clip và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Bạn có thể tạo các video clip tùy chỉnh bằng cách kết hợp và cắt cảnh các video clip, và thêm hình ảnh, các đoạn âm thanh, đoạn chuyển cảnh, thêm hiệu ứng Chuyển cảnh là các hiệu ứng hình ảnh mà bạn có thể thêm vào đoạn đầu và đoạn cuối của video hoặc vào giữa các video clip.

Trong chế độ biên tập phim, bạn có thể thấy hai thanh thời gian: một dành cho đoạn phim và một dành cho đoạn âm thanh. Nếu bạn thêm hình ảnh, văn bản hoặc đoạn chuyển cảnh vào một đoạn

phim, chúng sẽ được hiển thị trên thanh thời gian của đoạn phim. Để chuyển đến thanh thời gian, bấm  hoặc . Để chuyển giữa hai thanh thời gian, bấm  hoặc .

Để tạo video clip tùy chỉnh, chọn một hoặc nhiều video clip, và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**.

Trong giao diện biên tập video, bạn có thể chèn các video clip để tạo đoạn phim tùy chỉnh và biên tập các đoạn phim bằng cách cắt cảnh và thêm hiệu ứng. Bạn có thể thêm hình ảnh và các tập tin âm thanh, thay đổi thời lượng cũng như thêm văn bản vào clip.

Để chỉnh sửa phim, chọn một trong các tùy chọn sau:

Edit video clip (Chỉnh sửa video clip):

Cut (Cắt) — Cắt đoạn phim trong giao diện cut video clip.

Add colour effect (Thêm hiệu ứng màu) — Chèn hiệu ứng màu vào video clip.

Use slow motion (Sử dụng quay chậm) — Giảm tốc độ của video clip.

Mute sound (Tắt âm) hoặc **Unmute sound (Bật âm)** — Tắt hoặc bật tiếng của video clip gốc.

Move (Di chuyển) — Dời video clip đến vị trí đã chọn trên thanh thời gian.

Remove (Xóa) — Xóa video clip khỏi video.

Duplicate (Nhân bản) — Để tạo bản sao của đoạn video clip được chọn.

Edit text (Chỉnh sửa văn bản) (chỉ hiển thị khi bạn đã thêm văn bản vào) — Để chuyển, xóa hoặc, hoặc nhân đôi văn bản; thay đổi màu và kiểu văn bản; xác định thời gian văn bản hiển thị trên màn hình; và thêm một số hiệu ứng cho văn bản.

Edit image (Chỉnh sửa hình) (chỉ hiển thị khi bạn đã thêm hình ảnh vào) — Để chuyển, xóa, hoặc nhân đôi hình; xác định thời gian hình sẽ hiển thị trên màn hình; và cài nền hoặc hiệu ứng màu cho hình ảnh.

Edit sound clip (Chỉnh sửa đoạn âm thanh):

Cut (Cắt) — Cắt đoạn âm thanh trong giao diện cut sound clip.

Move (Di chuyển) — Dời đoạn âm thanh đến vị trí đã chọn trên thanh thời gian.

Remove (Xóa) — Xóa đoạn âm thanh khỏi video.

Duplicate (Nhân bản) — Để tạo bản sao của đoạn âm thanh đã chọn.

Set duration (Cài thời lượng) — Thay đổi độ dài của đoạn âm thanh.

Edit transition (Chỉnh sửa đoạn chuyển cảnh) —

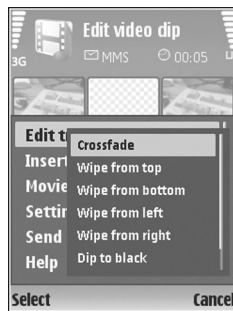
Có ba kiểu chuyển cảnh: ở đầu phim, ở cuối phim, và ở giữa các đoạn phim. Đoạn chuyển cảnh ở đầu video clip có thể được chọn khi phần chuyển cảnh đầu tiên của video clip đang được bật.

Insert (Chèn):

Video clip (Đoạn hình ảnh) — Chèn video clip đã chọn. Màn hình chính sẽ hiển thị một hình thu nhỏ ứng với đoạn phim. Hình thu nhỏ chính là cảnh phim có hình đầu tiên của đoạn phim đó. Tên và chiều dài của đoạn phim được chọn cũng được hiển thị.

Image (Hình ảnh) — Chèn hình ảnh đã chọn. Một hình thu nhỏ sẽ hiển thị trên màn hình chính.

Text (Văn bản) — Chèn văn bản vào video clip. Bạn có thể chèn tiêu đề, phụ đề hoặc danh sách những người đã thực hiện đoạn phim này.



Sound clip (Đoạn âm thanh) — Chèn đoạn âm thanh đã chọn. Tên và chiều dài của đoạn âm thanh được chọn cũng được hiển thị trong màn hình chính.

New sound clip (Đoạn âm thanh mới) — Ghi một đoạn âm thanh mới vào vị trí đã chọn.

Movie (Phim) — Để xem trước phim ở chế độ vừa màn hình hoặc dưới dạng hình thu nhỏ, hoặc lưu phim.

 **Mẹo!** Để chụp hình các cảnh trong một video clip, chọn **Options (Tùy chọn) > Take snapshot (Chụp cảnh)** trong giao diện cắt video.

Để lưu video, chọn **Options (Tùy chọn) > Movie (Phim) > Save (Lưu lại)**. Để chọn **Memory in use (Chọn bộ nhớ)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)**. Mặc định là bộ nhớ máy.

 **Mẹo!** Trong giao diện **Settings (Cài đặt)**, bạn có thể xác định **Default video name (Tên video mặc định)**, **Default sc. shot name (Tên cảnh mặc định)**, **Resolution (Độ phân giải)**, và **Memory in use (Chọn bộ nhớ)**.

Chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi) > Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, **Via e-mail (Qua e-mail)**, **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**, hoặc **Via infrared (Qua hồng ngoại)** nếu bạn muốn gửi video. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để biết

dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện có thể gửi đi được. Nếu video quá lớn không thể gửi đi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện,  sẽ hiển thị.

 **Mẹo!** Nếu muốn gửi một đoạn phim với dung lượng lớn hơn dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện được nhà cung cấp dịch vụ quy định, bạn có thể gửi qua kết nối Bluetooth. Xem phần **"Gửi dữ liệu"**, trên trang 88. Bạn cũng có thể chuyển video của bạn vào một máy PC tương thích sử dụng kết nối Bluetooth, hoặc bằng cách sử dụng đầu đọc thẻ nhớ tương thích (phụ kiện).

Trình chiếu

Để xem hình ảnh và video clip ở chế độ vừa màn hình, chọn **Options (Tùy chọn) > Slide show (Trình chiếu) > Start (Bắt đầu)**.

Bấm  (nhANH hơn) hoặc  (chẬM hơn) để hiệu chỉnh tốc độ hiển thị. Bấm  (kế tiếp) hoặc  (trước đó) để trình duyệt các hình thu nhỏ.

Để thêm âm thanh vào trình chiếu trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Slide show (Trình chiếu) > Settings (Cài đặt)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Music (Nhạc) — Chọn **On (Bật)**, hoặc **Off (Tắt)**

Track (Đoạn nhạc) — Chọn một tập tin nhạc trong danh sách

Volume (Âm lượng) — Bấm  giảm âm lượng tai nghe hoặc  để tăng âm lượng

Diễn thuyết

Với các bài diễn thuyết, bạn có thể xem các tập tin SVG (đồ họa vector có thể thay đổi tỷ lệ). Các hình ảnh SVG giữ nguyên hình dạng khi in và xem với các kích thước và độ phân giải màn hình khác nhau. Để xem các tập tin SVG, chọn thư mục **Presentations (Diễn thuyết)**, chọn một hình, và chọn **Options (Tùy chọn) > Play (Phát)**.

Album

Với album, bạn có thể quản lý hình ảnh và các video clip một cách thuận tiện. Để xem danh sách album, trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Albums (Album) > View albums (Xem album)**. Album sẽ được xếp theo thứ tự abc. Để xem nội dung của một album, bấm .

Để tạo một album mới, chọn **Options (Tùy chọn) > New album (Album mới)**. Đặt tên cho album, và chọn **OK**.

Để thêm ảnh hoặc video clip vào một album trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, di chuyển đến một hình hoặc video clip, và chọn **Options (Tùy chọn) > Albums (Album) > Add to album (Thêm vào album)**. Một danh sách các album sẽ mở ra. Chọn album bạn muốn thêm hình hoặc video clip vào, và bấm .

Để xóa một tập tin trong album, bấm . Tập tin đó sẽ vẫn còn trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong menu **Gallery (Bộ sưu tập)**.

In ảnh

Để in hình ảnh sử dụng cáp dữ liệu tương thích, kết nối Bluetooth, hoặc thẻ nhớ tương thích (nếu có), chọn hình ảnh bạn muốn in, và chọn tùy chọn in trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, **Camera**, trình chỉnh sửa hình ảnh, hoặc giao diện hình ảnh.

Bạn chỉ có thể in hình ảnh ở dạng jpg. Hình ảnh được chụp bằng camera sẽ tự động được lưu dưới dạng .jpg.



Lưu ý: Nối cáp dữ liệu với máy in có tính năng PictBridge, và chọn Pictbridge từ màn hình popup trên điện thoại trước khi in.

Chọn máy in

Khi bạn in lần đầu tiên, danh sách các máy in hiện có sẽ hiển thị sau khi chọn hình ảnh. Chọn một máy in. Máy in sẽ được cài làm máy in mặc định.

Nếu bạn đã kết nối một máy in tương thích với PictBridge sử dụng cáp CA-53, máy in sẽ tự động hiển thị.

Nếu máy in mặc định không có, danh sách các thiết bị in hiện có sẽ được hiển thị.

Để đổi máy in mặc định, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Default printer (Máy in mặc định)**.

Xem trước bản in

Giao diện xem trước khi in chỉ mở ra khi bạn bắt đầu in một hình ảnh trong bộ sưu tập.

Hình ảnh đã chọn sẽ được hiển thị theo bố cục đã định trước. Để thay đổi bố cục này, di chuyển sang trái và phải để duyệt qua các bố cục có sẵn ứng với máy in đã chọn. Nếu hình ảnh không vừa trên một trang, bấm  hoặc  để xem tiếp các trang khác.

Cài đặt in ấn

Các tùy chọn được hiển thị sẽ khác nhau tùy vào tính năng của thiết bị in mà bạn chọn.

Để đặt một máy in mặc định, chọn **Options (Tùy chọn) > Default printer (Máy in mặc định)**.

Để chọn khổ giấy, chọn **Paper size (Kích cỡ giấy)**, chọn khổ giấy trong danh sách, và **OK**. Chọn **Cancel (Hủy)** để quay về màn hình trước đó.

Các ứng dụng media



RealPlayer

Bấm , và chọn **Imaging (Hình ảnh) > RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.)**. Với **RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.)**, bạn có thể phát các đoạn video clip, sound clip và danh sách bài hát hoặc các tập tin media trực tuyến qua mạng. Bạn có thể kích hoạt liên kết trực tuyến khi trình duyệt các trang Web, hoặc lưu liên kết này vào bộ nhớ điện thoại hoặc một thẻ nhớ tương thích (nếu có).

RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.) hỗ trợ các tập tin .3gp, .mp4 hoặc .rm. Tuy nhiên, **RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.)** không nhất thiết hỗ trợ tất cả các định dạng hay biến thể của các dạng tập tin. Ví dụ: **RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.)** có thể phát các tập tin .mp4, nhưng một số tập tin .mp4 có thể chứa nội dung không tương thích với các chuẩn 3GPP, và vì vậy sẽ không được điện thoại hỗ trợ.

Phát video clip hoặc đoạn âm thanh

- 1 Để phát tập tin media được lưu trong bộ nhớ điện thoại, hoặc thẻ nhớ (nếu có), chọn **Options (Tùy chọn) > Open (Mở)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Most recent clips (Những đoạn nhạc mới nhất) — để phát một trong sáu tập tin cuối đã phát trong **RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.)**.

Saved clip (Đoạn nhạc đã lưu) — để phát tập tin được lưu trong **Gallery (Bộ sưu tập)**.

Xem phần "**Gallery (Bộ sưu tập)**", trên trang 20.

- 2 Di chuyển đến một tập tin, và bấm để phát tập tin này.



Mẹo! Để xem video clip ở chế độ toàn màn hình, bấm **2**. Bấm một lần nữa để trở về chế độ màn hình bình thường.

Các phím tắt khi phát ứng dụng media:

- Để tiến nhanh về trước, bấm và giữ .
- Để trở về điểm đầu của tập tin media, bấm và giữ .
- Để tắt tiếng, bấm và giữ cho tới khi sẽ hiển thị. Để bật tiếng, bấm và giữ cho tới khi bạn nhìn thấy .

Xem nội dung trực tuyến

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu bạn sử dụng điểm truy cập Internet (IAP) làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP.

Bạn có thể cấu hình các điểm truy cập khi bạn khởi động điện thoại lần đầu tiên.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

 **Lưu ý:** Trong **RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.)**, bạn chỉ có thể mở một địa chỉ `rtsp:// URL`. Tuy nhiên, **RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.)** có khả năng nhận dạng liên kết `http` với tập tin `.ram`.

Để xem các nội dung trực tuyến, chọn một đường dẫn đến nội dung trực tuyến trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, trên một trang Web, hoặc nhận đường dẫn trong tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện. Trước khi nội dung được phát trực tuyến, điện thoại của bạn sẽ kết nối với trang này và bắt đầu tải nội dung. Nội dung sẽ không được lưu vào điện thoại.

Nhận các thông số cài đặt RealPlayer

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt **RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.)** trong tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần **"Dữ liệu và các thông số cài đặt"**, trên trang 38. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Thay đổi các cài đặt của RealPlayer

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Video — để hiệu chỉnh độ tương phản của video, và để cài **RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.)** tự động phát lại các video clip sau khi phát xong các video clip này.

Connection (Kết nối) — để chọn sử dụng một server proxy, thay đổi điểm truy cập mặc định, và cài khoảng trị số cổng được dùng khi kết nối. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Proxy sett. (Cài đặt proxy):

Use proxy (Sử dụng proxy) — Để sử dụng server proxy, chọn **Yes (Có)**

Proxy serv. address (Địa chỉ server proxy) — Để nhập địa chỉ IP của server proxy

Proxy port number (Số cổng proxy) — Nhập số cổng của server proxy

 **Chú giải:** Các máy chủ proxy là các máy chủ trung gian giữa các máy chủ cung cấp nội dung media và người sử dụng chúng. Một số nhà cung cấp dịch vụ sử dụng chúng để cung cấp các tính năng bảo mật bổ sung hoặc tăng tốc độ truy cập các trang web chứa các đoạn âm thanh hoặc các video clip.

Netw. sett. (Cài đặt mạng):

Default access point (Điểm truy cập mặc định) — Di chuyển đến điểm truy cập bạn muốn sử dụng để kết nối vào Internet, và bấm .

Online time (Thời gian trực tuyến) — Đặt giờ để **RealPlyr. (Ứng dụng RealPlyr.)** ngắt kết nối với mạng khi bạn tạm ngưng phát một đoạn media qua một liên kết mạng. Chọn **User defined (Do người dùng tạo)**, và bấm . Nhập thời gian vào, và chọn **OK**.

Lowest UDP port (Cổng UDP thấp nhất) — Nhập trị số cổng thấp nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực tiểu là 1024.

Highest UDP port (Cổng UDP cao nhất) — Nhập trị số cổng cao nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực đại là 65535.

Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Advanced settings (Cài đặt nâng cao)** để hiệu chỉnh các giá trị bằng thông cho các mạng khác nhau.



Movie director (Đạo diễn phim)

Để tạo muvee, bấm , và chọn **Imaging (Hình ảnh)** > **Movie (Phim)**. Muvee là các đoạn phim ngắn, được biên tập có chứa phim, hình ảnh, nhạc, và văn bản. **Quick muvee (muvee nhanh)** được tự động tạo bởi **Movie director (Đạo diễn phim)** sau khi bạn chọn kiểu muvee. **Movie director (Đạo diễn phim)** sử dụng văn bản và âm nhạc mặc định kết hợp với kiểu đã chọn. Trong một **Custom muvee (Muvee tùy chỉnh)** bạn có thể chọn các video clip và các đoạn nhạc riêng, hình ảnh và kiểu thể hiện, đồng thời thêm phần thông điệp mở đầu và kết thúc. Bạn có thể gửi muvee qua MMS.

Mở **Movie (Phim)**, và bấm  hoặc  để chuyển qua lại giữa hai giao diện  và . Để trở về giao diện chính trong giao diện , chọn **Done (Xong)**.

Giao diện  có chứa một danh sách các video clip mà bạn có thể **Play (Phát)**, **Send (Gửi)**, **Rename (Đổi tên)**, và **Delete (Xóa)**.

Tạo quick muvee

- 1 Trong giao diện chính của **Movie director (Đạo diễn phim)**, chọn **Quick muvee (muvee nhanh)**.
- 2 Chọn một kiểu muvee trong danh sách. Muvee đã tạo được lưu trong danh sách muvee của **Movie director (Đạo diễn phim)**. Muvee sẽ tự động phát sau khi lưu lại.

Tạo custom muvee

- 1 Trong giao diện chính của **Movie director (Đạo diễn phim)**, chọn **Custom muvee (Muvee tùy chỉnh)**.
- 2 Chọn các đoạn phim bạn muốn đưa vào muvee trong **Video, Image (Hình ảnh), Style (Kiểu)**, hoặc **Music (Nhạc)**.

Sau khi bạn đã chọn các đoạn phim và hình ảnh, để xác định thứ tự mà các tập tin sẽ được phát trong muvee, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Advanced options (Tùy chọn nâng cao)**. Để chọn tập tin bạn muốn chuyển, bấm . Sau đó, di chuyển đến tập tin mà sau đó bạn muốn thay thế bằng tập tin được đánh dấu, và bấm .

Để cắt các video clip, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Select contents (Chọn nội dung)**. Xem phần **"Chọn nội dung"**, trên trang 31.

Trong **Message (Tin nhắn)** bạn có thể thêm đoạn văn bản mở đầu và kết thúc cho muvee.

- 3 Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Create muvee (Tạo muvee)** và chọn một trong các tùy chọn sau: **Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện)** — để tối ưu độ dài của muvee khi gửi MMS **Auto-select (Chọn tự động)** — để bao gồm tất cả các hình ảnh và video clip được chọn trong muvee **Same as music (Giống như nhạc)** — để cài thời lượng muvee giống như đoạn nhạc đã chọn **User defined (Do người dùng tạo)** — để xác định độ dài đoạn muvee
- 4 Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Save (Lưu lại)**.

Để xem trước muvee tùy chỉnh trước khi lưu, trong giao diện **Preview (Xem trước)**, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Play (Phát)**.

Để tạo một muvee tùy chỉnh mới bằng cách sử dụng cài đặt cùng loại, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Recreate (Tạo lại)**.

Chọn nội dung

Để chỉnh sửa các video clip đã chọn, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Advanced options (Tùy chọn nâng cao)** > **Options (Tùy chọn)** > **Select contents (Chọn nội dung)**. Bạn có thể chọn những phần của video clip nào sẽ được thêm vào hoặc loại ra trong muvee. Trong thanh trượt, màu xanh lá cây là phần được thêm vào, màu đỏ là phần được loại ra và màu xám là các phần trung lập.

Để thêm một phần của video clip vào muvee, di chuyển đến phần đó, và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Include (Thêm vào)**. Để loại bỏ một đoạn, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Exclude (Loại trừ)**. Để loại bỏ một cảnh, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Exclude shot (Loại trừ cảnh)**.

Để cho phép **Movie director (Đạo diễn phim)** thêm vào hoặc loại trừ ngẫu nhiên một hoặc nhiều phần của video clip, di chuyển đến phần đó, và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Mark as neutral (Đánh dấu là trung lập)** hoặc **Mark all as neutral (Đánh dấu tất cả là trung lập)**.

Cài đặt

Chọn **Settings (Cài đặt)** để chỉnh sửa chọn một trong các tùy chọn sau:

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Chọn nơi lưu muvee.

Resolution (Độ phân giải) — Chọn độ phân giải cho các đoạn muvee của bạn.

Default muvee name (Tên muvee mặc định) — Đặt tên mặc định cho các đoạn muvee.



Messaging

Bấm , và chọn **Messag. (Tin nhắn)**. Trong **Messag. (Tin nhắn)**, bạn có thể tạo, gửi, nhận, xem, biên tập, và sắp xếp các tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, tin nhắn e-mail và những tin nhắn văn bản đặc biệt có chứa dữ liệu. Bạn cũng có thể nhận tin nhắn và dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth hoặc hồng ngoại, nhận tin nhắn **Services (Dịch vụ)**, tin nhắn quảng bá, và gửi các lệnh dịch vụ.

Để tạo một tin nhắn mới, chọn **New message (Tin nhắn mới)**.

 **Lưu ý:** Chỉ những thiết bị có các tính năng tương thích mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Messag. (Tin nhắn) chứa các thư mục sau:

 **Inbox (Hộp thư đến)** — Chứa các tin nhắn đã nhận, ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá. E-mail sẽ được lưu trong **Mailbox (Hộp thư)**.

 **My folders (Thư mục riêng)** — Sắp xếp tin nhắn vào các thư mục.

 **Mẹo!** Bạn có thể sử dụng các văn bản trong thư mục mẫu để tránh phải viết lại những tin nhắn thường gửi.

 **Mailbox (Hộp thư)** — Kết nối vào hộp thư từ xa của bạn để tải về các tin e-mail mới hoặc xem các tin e-mail đã được tải về từ trước ở chế độ không trực tuyến. Xem phần **"E-mail"**, trên trang 44.

 **Drafts (Nháp)** — Các tin nhắn nháp chưa gửi sẽ được lưu ở đây.

 **Sent (Đã gửi)** — Chứa 20 tin nhắn mới nhất đã gửi, ngoại trừ các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Để thay đổi số lượng tin nhắn sẽ được lưu, xem phần **"Other settings (Cài đặt khác)"**, trên trang 47.

 **Outbox (Hộp thư đi)** — Tạm thời lưu các tin nhắn đang chờ để gửi.

 **Ví dụ:** Các tin nhắn sẽ được lưu trong hộp thư đi, ví dụ như trong trường hợp điện thoại bạn đang ở ngoài vùng phủ sóng. Bạn cũng có thể chỉ định thời điểm tin nhắn e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối kế tiếp với hộp thư từ xa.

 **Reports (Báo cáo)** (dịch vụ mạng) — Bạn có thể yêu cầu mạng gửi báo cáo tin nhắn văn bản và tin nhắn đa phương tiện mà bạn đã gửi. Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

 **Mẹo!** Khi bạn đã mở bất kỳ thư mục mặc định nào, để chuyển đổi giữa các thư mục, bấm  hoặc .

Để nhập và gửi các yêu cầu dịch vụ (còn gọi là lệnh USSD), ví dụ như các lệnh khởi động cho dịch vụ mạng, đến nhà cung cấp dịch vụ, chọn **Options (Tùy chọn) > Service command (Lệnh dịch vụ)** trong menu **Messag. (Tin nhắn)**.

Cell broadcast (Tin nhắn quảng bá) (dịch vụ mạng) cho phép bạn nhận tin nhắn về nhiều chủ đề khác nhau, ví dụ như thông tin thời tiết hoặc tình trạng giao thông, do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Để biết về các chủ đề có sẵn và các chủ đề thích hợp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. Trong giao diện chính của **Messaging (Nhắn tin)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Cell broadcast (Tin nhắn quảng bá)**. Trong giao diện chính này, bạn có thể thấy thông tin trạng thái của chủ đề, mã số của chủ đề, tên chủ đề và chủ đề có được đánh dấu (▶) theo dõi hay không.

Bạn không thể nhận các tin nhắn quảng bá qua mạng UMTS. Kết nối dữ liệu gói có thể ngăn không cho nhận tin nhắn quảng bá.

Viết văn bản

ABC, abc, và Abc cho biết kiểu nhập ký tự đã chọn. **123** cho biết kiểu nhập số.

Kiểu nhập văn bản truyền thống

 sẽ hiển thị khi bạn viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống.

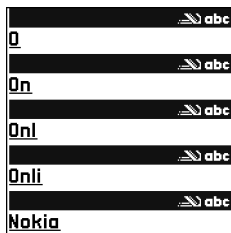
- Bấm một phím số (**1 – 9**) cho đến khi ký tự bạn cần sử dụng hiển thị. Điện thoại sẽ cung cấp nhiều ký tự ứng với một phím số hơn số ký tự được in trên mặt của phím số đó.
- Nếu chữ kế tiếp nằm cùng phím với chữ hiện tại, hãy đợi đến khi con trỏ hiển thị (hoặc bấm  để kết thúc khoảng thời gian nghỉ), và nhập chữ đó vào.
- Để thêm khoảng trắng, bấm **0**. Để di chuyển con trỏ đến dòng kế tiếp, bấm **0** ba lần.

Kiểu nhập tiên đoán

Bạn chỉ cần nhấn mỗi phím một lần để nhập bất kỳ ký tự nào. Kiểu nhập tiên đoán dựa trên một từ điển cài sẵn trong điện thoại mà bạn có thể thêm từ mới vào.  sẽ hiển thị khi bạn viết văn bản sử dụng kiểu nhập tiên đoán.

- Để kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm , và chọn **Predictive text on (Bật văn bản tiên đoán)**. Thao tác này sẽ kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên điện thoại.

- Để nhập từ bạn muốn, bấm các phím các phím **2 – 9**. Chỉ bấm mỗi phím một lần để nhập một chữ cái. Chẳng hạn để viết từ "Nokia" khi chọn từ điển tiếng Anh, bấm **6** để nhập N, **6** để nhập o, **5** để nhập k, **4** để nhập i, và **2** để nhập a.



- Từ định viết sẽ thay đổi sau mỗi lần bấm phím.
- Khi bạn viết đúng một từ, bấm  để xác nhận từ này, hoặc bấm  để thêm một khoảng trắng. Nếu từ đó không đúng, bấm ***** liên tục để xem từng từ thích hợp mà từ điển đã tìm thấy, hoặc

bấm , và chọn **Predictive text (Văn bản tiên đoán) > Matches (Các từ khác)**.

Nếu dấu **?** hiển thị sau từ đó, từ bạn định viết không có trong từ điển. Để thêm một từ vào từ điển, chọn **Spell (Thêm)**, nhập từ bằng kiểu nhập văn bản truyền thống và chọn **OK**. Từ này sẽ được thêm vào từ điển. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

- Bắt đầu viết từ kế tiếp.

Viết từ ghép

Viết phần đầu của từ ghép; để xác nhận phần này, bấm . Soạn phần sau của từ ghép. Để hoàn tất việc soạn từ ghép, bấm  để thêm một khoảng trắng.

Tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán

Để tắt kiểu nhập tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên máy, bấm , và chọn **Predictive text (Văn bản tiên đoán) > Off (Tắt)**.

 **Mẹo!** Để bật hoặc tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm nhanh **#** hai lần.

Mẹo khi nhập văn bản

Để chèn số khi ở chế độ nhập kiểu chữ, bấm và giữ phím số bạn cần.

Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ **#**.

Để chuyển giữa các kiểu chữ khác nhau, bấm #.

Để xóa một ký tự, bấm **C**. Để xóa nhiều ký tự, bấm và giữ **C**.

Để truy cập vào các dấu câu thông thường, bấm **1**.

Để mở danh sách các ký tự đặc biệt, bấm *.

 **Mẹo!** Để chèn một vài ký tự đặc biệt cùng lúc, bấm **5** khi bạn chọn mỗi ký tự.

Soạn và gửi tin nhắn

Hình thức của tin nhắn đa phương tiện có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Trước khi bạn có thể soạn tin nhắn đa phương tiện hoặc viết e-mail, bạn phải có thông số cài đặt kết nối phù hợp. Xem phần "[Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail](#)", trên trang 37 và phần "[E-mail](#)", trên trang 44.

Mạng vô tuyến có thể giới hạn kích thước của tin nhắn MMS. Nếu hình được chèn vào vượt quá giới hạn này, điện thoại có thể giảm hình này xuống nhỏ hơn để có thể gửi qua tin nhắn MMS.

- 1 Chọn **New message (Tin nhắn mới)** và một trong các tùy chọn sau:
Text message (Tin nhắn văn bản) — để gửi tin nhắn văn bản

Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện) — để gửi tin nhắn đa phương tiện (MMS)

E-mail — để gửi e-mail

Nếu bạn chưa thiết lập tài khoản e-mail, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start (Bắt đầu)**.

- 2 Trong trường **To (Tới)**, bấm  để chọn người hoặc nhóm người nhận trong danh bạ, hoặc nhập số điện thoại hoặc địa chỉ e-mail của người nhận vào. Để thêm một dấu chấm phẩy (;) phân cách những người nhận, bấm *. Bạn cũng có thể sao chép và dán số điện thoại hoặc địa chỉ trong clipboard.



- 3 Trong trường **Subject (Chủ đề)**, nhập chủ đề cho một tin nhắn đa phương hoặc e-mail. Để thay đổi các trường bạn nhìn thấy, chọn **Options (Tùy chọn) > Address fields (Các trường địa chỉ)**.
- 4 Trong trường tin nhắn, viết tin nhắn. Để chèn một mẫu, chọn **Options (Tùy chọn) > Insert (Chèn) hoặc Insert object (Chèn đối tượng) > Template (Mẫu)**.

- 5 Để thêm một đối tượng media vào tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn) > Insert object (Chèn đối tượng) > Image (Hình ảnh), Sound clip (Đoạn âm thanh), hoặc Video clip (Đoạn hình ảnh)**. Khi âm thanh được thêm vào,  sẽ hiển thị.
Bạn không thể gửi các đoạn phim được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Để thay đổi định dạng của các phim đã lưu, xem phần "[Cài đặt video](#)", trên trang 19.
 - 6 Để chụp một hình hoặc ghi một đoạn ghi âm hoặc video mới cho một tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn) > Insert new (Chèn mới) > Image (Hình ảnh), Sound clip (Đoạn âm thanh), hoặc Video clip (Đoạn hình ảnh)**. Để chèn một trang mới vào tin nhắn, chọn **Slide (Trang)**. Để xem trước tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn) > Preview (Xem trước)**.
 - 7 Để chèn tập tin đính kèm vào e-mail, chọn **Options (Tùy chọn) > Insert (Chèn) > Image (Hình ảnh), Sound clip (Đoạn âm thanh), Video clip (Đoạn hình ảnh), hoặc Note (Ghi chú)**. Các phần đính kèm với e-mail được chỉ báo bởi biểu tượng .
-  **Mẹo!** Để đính kèm các loại tập tin khác, mở ứng dụng tương ứng, và chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi) > Via e-mail (Qua e-mail)** nếu có.

- 8 Để gửi tin nhắn, chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi)**, hoặc bấm .

Điện thoại hỗ trợ gửi tin nhắn văn bản không quá giới hạn ký tự của một tin nhắn đơn. Các tin nhắn dài hơn được gửi dưới dạng một chuỗi gồm hai hoặc nhiều tin nhắn. Nhà cung cấp dịch vụ có thể tính phí. Các ký tự sử dụng dấu trọng âm hoặc các ký hiệu khác và các ký tự trong một số tùy chọn ngôn ngữ như Tiếng Hoa, sẽ vượt quá số ký tự tối đa có thể được gửi trong một tin nhắn đơn. Trên thanh di chuyển, bạn có thể nhìn thấy chỉ báo độ dài tin nhắn đếm lùi. Ví dụ, 10(2) nghĩa là bạn vẫn có thể thêm 10 ký tự cho văn bản để gửi đi thành hai tin nhắn.

Các tin nhắn e-mail sẽ được tự động lưu tạm trong **Outbox (Hộp thư đi)** trước khi gửi. Nếu không gửi được tin e-mail, tin này sẽ được giữ lại trong thư mục **Outbox (Hộp thư đi)** với trạng thái **Failed (Không gửi được)**.

 **Mẹo!** Bạn có thể kết hợp các hình ảnh, video, âm thanh, và văn bản vào một diễn thuyết và gửi diễn thuyết này trong một tin nhắn đa phương tiện. Bắt đầu tạo một tin nhắn đa phương tiện, và chọn **Options (Tùy chọn) > Create presentation (Tạo phần trình bày)**. Tùy chọn này chỉ hiển thị nếu **MMS creation mode (Chế độ tạo MMS)** được cài là **Guided (Được hướng dẫn)** hoặc **Free (Bộ nhớ còn trống)**. Xem phần "[Tin nhắn đa phương tiện](#)", trên trang 42.

Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail

Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)", trên trang [38](#).

Nhập các thông số cài đặt MMS bằng tay:

- 1 Bấm , chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Connection (Kết nối) > Access points (Điểm truy cập)**, và xác định cài đặt cho điểm truy cập tin nhắn đa phương tiện. Xem phần "[Connection \(Kết nối\)](#)", trên trang [97](#).
- 2 Bấm , và chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Multimedia message (Tin đa phương tiện) > Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng)** và điểm truy cập bạn đã tạo làm kết nối ưu tiên. Xem thêm phần "[Tin nhắn đa phương tiện](#)", trên trang [42](#).

Để có thể gửi, nhận, tải về, trả lời, và gửi chuyển tiếp e-mail, bạn cần phải thực hiện các thao tác sau:

- Cấu hình đúng Điểm Truy cập Internet (IAP). Xem phần "[Connection \(Kết nối\)](#)", trên trang [97](#).

- Xác định đúng thông số cài đặt e-mail. Nếu bạn chọn **Mailbox (Hộp thư)** trong giao diện **Messag. (Tin nhắn)** chính và bạn chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start (Bắt đầu)**. Xem phần also "[E-mail](#)", trên trang [44](#).

Bạn cần phải có tài khoản e-mail riêng. Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và từ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP).



Hộp thư đến—nhận tin nhắn

Trong thư mục **Inbox (Hộp thư đến)**,  cho biết tin nhắn văn bản chưa đọc,  cho biết có tin nhắn đa phương tiện chưa đọc,  cho biết đã nhận dữ liệu qua cổng hồng ngoại, và  cho biết đã nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth.

Khi bạn nhận một tin nhắn, chỉ báo  và **1 new message (1 tin nhắn mới)** sẽ hiển thị ở chế độ chờ. Để mở tin nhắn, chọn **Show (Hiển thị)**. Để mở tin nhắn trong **Inbox (Hộp thư đến)**, di chuyển đến tin nhắn, và bấm .

Để trả lời một tin nhắn đã nhận, chọn **Options (Tùy chọn) > Reply (Trả lời)**.

Để in văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện trên một máy in được trang bị cấu hình in cơ bản (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**.

Tin nhắn đa phương tiện

 **Chú ý:** Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các chủ đề tin nhắn đa phương tiện có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC.

Bạn có thể nhận được một thông báo rằng tin nhắn đa phương tiện đang chờ ở trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Để kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về điện thoại, chọn **Options (Tùy chọn) > Retrieve (Tải tin)**.

Khi mở một tin nhắn đa phương tiện () , bạn có thể thấy một hình ảnh và một tin nhắn.  sẽ hiển thị nếu có âm thanh hoặc  nếu có video. Để phát âm thanh hoặc video, chọn biểu tượng được hiển thị.

Để xem các đối tượng media có trong tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn) > Objects (Đối tượng)**.

Nếu tin nhắn có một diễn thuyết đa phương tiện, biểu tượng  sẽ hiển thị. Để phát diễn thuyết này, chọn biểu tượng được hiển thị.

Dữ liệu và các thông số cài đặt

Điện thoại có thể nhận nhiều loại tin nhắn có chứa dữ liệu ():

Configuration message (Tin nhắn cấu hình) — Bạn có thể nhận các thông số cài đặt e-mail từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc từ bộ phận quản lý thông tin của công ty dưới dạng một tin nhắn cấu hình. Để lưu cài đặt, chọn **Options (Tùy chọn) > Save all (Lưu tất cả)**.

Business card (Danh thiếp) — Để lưu thông tin vào **Contacts (Danh bạ)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Save business card (Lưu danh thiếp)**. Các chứng chỉ hoặc tập tin âm thanh được đính kèm với danh thiếp sẽ không được lưu.

Ringtone (Kiểu chuông) — Để lưu kiểu chuông, chọn **Options (Tùy chọn) > Save (Lưu lại)**.

Operat. logo (Logo mạng) — Để hiển thị logo mạng ở chế độ chờ thay cho tên nhận dạng nhà điều hành, chọn **Options (Tùy chọn) > Save (Lưu lại)**.

Calen. entry (Mục nhập lịch) — Để lưu lời mời, chọn **Options (Tùy chọn) > Save to Calendar (Lưu sang lịch)**.

Web message (Tin nhắn Web) — Để chỉ mục vào danh sách chỉ mục trong **Services (Dịch vụ)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Add to bookmarks (Thêm**

vào chỉ mục). Nếu tin nhắn có chứa cài đặt điểm truy cập và chỉ mục, để lưu dữ liệu, chọn **Options (Tùy chọn) > Save all (Lưu tất cả)**.

E-mail notif. (Thông báo E-mail) — Ghi chú cho bạn biết có bao nhiêu e-mail mới đã nhận được trong hộp thư từ xa. Phần thông báo mở rộng có thể liệt kê nhiều thông tin chi tiết hơn.

Tin nhắn dịch vụ

Tin nhắn dịch vụ (📧) là những thông báo văn tắt (ví dụ như tiêu đề tin tức) và có thể chứa tin nhắn văn bản hoặc liên kết. Để biết tính khả dụng và thuê bao, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.



Mailbox

Nếu bạn chọn **Mailbox (Hộp thư)** và chưa thiết lập tài khoản e-mail, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start (Bắt đầu)**. Xem phần **"E-mail"**, trên trang 44.

Khi bạn tạo một hộp thư mới, tên mà bạn đặt cho hộp thư sẽ thay thế **Mailbox (Hộp thư)** trong menu **Messaging (Nhắn tin)**. Bạn có thể tạo tối đa sáu hộp thư.

Mở hộp thư

Khi bạn mở hộp thư, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn kết nối với hộp thư không (**Connect to mailbox? (Kết nối vào hộp thư?)**).

Để kết nối với hộp thư của bạn và tải về các phần tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn mới, chọn **Yes (Có)**. Khi bạn xem tin nhắn trực tuyến, bạn phải kết nối thường trực tới một hộp thư từ xa bằng cách sử dụng một kết nối truyền dữ liệu. Xem phần also **"Connection (Kết nối)"**, trên trang 97.

Để xem các tin nhắn e-mail đã tải về trước đó ở trạng thái không trực tuyến, chọn **No (Không)**. Khi bạn xem tin nhắn e-mail ở trạng thái không trực tuyến, điện thoại sẽ không kết nối với hộp thư từ xa.

Retrieve e-mail messages (Tải các tin nhắn e-mail)

Nếu bạn chưa kết nối vào mạng, chọn **Options (Tùy chọn) > Connect (Kết nối)** để kết nối với hộp thư từ xa.



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các tin nhắn e-mail có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC của bạn.

- 1 Khi bạn đang có một kết nối với hộp thư từ xa, chọn **Options (Tùy chọn) > Retrieve e-mail (Tải e-mail)** và chọn một trong các tùy chọn sau: **New (Mới)** — để tải tất cả các tin e-mail mới **Selected (Đã chọn)** — để chỉ tải về các e-mail đã được đánh dấu **All (Tất cả)** — để tải về tất cả tin nhắn trong hộp thư
Để ngừng việc tải tin nhắn về, chọn **Cancel (Hủy)**.
- 2 Sau khi tải tin nhắn e-mail, bạn có thể xem tin nhắn đó trực tuyến, hoặc chọn **Options (Tùy chọn) > Disconnect (Ngắt kết nối)** để đóng kết nối và để xem các tin nhắn e-mail ở trạng thái không trực tuyến.
Các chỉ báo tình trạng e-mail:
 E-mail mới (trạng thái không trực tuyến hoặc trực tuyến) chưa được tải về điện thoại.
 E-mail đã được tải về điện thoại.
 E-mail đã đọc, và chưa được tải về điện thoại.
 Tin nhắn e-mail đã đọc.
 E-mail có tiêu đề đã đọc và nội dung tin nhắn đã bị xóa khỏi điện thoại.
- 3 Để mở một tin e-mail, bấm . Nếu tin nhắn e-mail chưa được tải về và bạn chưa kết nối vào mạng, bạn sẽ được hỏi xem bạn có muốn tải tin nhắn này về từ hộp thư không.

Xem e-mail đính kèm, mở một tin nhắn có chỉ báo đính kèm , và chọn **Options (Tùy chọn) > Attachments (Tập tin đính kèm)**. Nếu chỉ báo đính kèm bị mờ, có nghĩa là nội dung đó chưa được tải về điện thoại; chọn **Options (Tùy chọn) > Retrieve (Tải tin)**.

Để in tin e-mail trên một máy in được trang bị cấu hình in cơ bản (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**.

Tự động tải tin nhắn e-mail

Để tự động tải tin nhắn về, chọn **Options (Tùy chọn) > E-mail settings (Cài đặt e-mail) > Automatic retrieval (Nhận tự động) > Header retrieval (Nhận tiêu đề) > Always enabled (Luôn bật)** hoặc **Only in home net. (Chỉ trong mạng chủ)**, và xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về từ hộp thư.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

Xóa các tin nhắn e-mail

Để xóa nội dung của e-mail khỏi điện thoại nhưng vẫn giữ lại nội dung đó trên hộp thư từ xa, chọn **Options (Tùy chọn) > Delete (Xóa)**. Trong **Delete msg. from: (Xóa tin nhắn trong:)**, chọn **Phone only (Chỉ trên máy)**.

Điện thoại sẽ sao lại tiêu đề e-mail trong hộp thư từ xa. Mặc dù bạn đã xóa nội dung tin nhắn, tiêu đề e-mail vẫn còn lưu trong điện thoại. Nếu bạn muốn xóa cả tiêu đề, bạn phải xóa tin nhắn e-mail từ hộp thư từ xa, sau đó kết nối điện thoại với hộp thư từ xa lại để cập nhật tình trạng.

Để xóa e-mail trong cả điện thoại và hộp thư từ xa, chọn **Options (Tùy chọn) > Delete (Xóa)**. Trong **Delete msg. from: (Xóa tin nhắn trong:)**, chọn **Phone and server (Điện thoại và server)**.

Nếu bạn chưa kết nối vào mạng, e-mail trong điện thoại sẽ bị xóa. Trong lần kết nối kế tiếp vào hộp thư từ xa, e-mail sẽ được xóa tự động khỏi hộp thư từ xa. Nếu bạn đang sử dụng giao thức POP3, tin nhắn được đánh dấu xóa sẽ bị xóa chỉ sau khi bạn đã ngắt kết nối với hộp thư từ xa.

Để hủy việc xóa e-mail trong cả điện thoại và server, di chuyển đến một e-mail đã được đánh dấu xóa trong lần kết nối kế tiếp (☒), và chọn **Options (Tùy chọn) > Undelete (Hủy xóa)**.

Ngắt kết nối khỏi hộp thư

Khi bạn đang ở trạng thái trực tuyến, để ngắt kết nối dữ liệu với hộp thư từ xa, chọn **Options (Tùy chọn) > Disconnect (Ngắt kết nối)**.

Xem tin nhắn trên thẻ SIM

Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải sao chép các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại.

- 1 Trong giao diện **Messag. (Tin nhắn)** chính, chọn **Options (Tùy chọn) > SIM messages (Tin nhắn trên thẻ SIM)**.
- 2 Chọn **Options (Tùy chọn) > Mark/Unmark (Đánh dấu/Bỏ đánh dấu) > Mark (Chọn) hoặc Mark all (Đánh dấu tất cả)** để đánh dấu các tin nhắn.
- 3 Chọn **Options (Tùy chọn) > Copy**. Một danh sách các thư mục sẽ được mở ra.
- 4 Để bắt đầu sao chép, chọn một thư mục và chọn **OK**. Để xem các tin, mở thư mục này.

Cài đặt nhắn tin

Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng thông báo **Must be defined (Phải được xác định)** hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Bạn cũng có

thể nhận cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn cấu hình.

Một số hoặc tất cả các trung tâm nhắn tin hoặc các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

Tin nhắn văn bản

Bấm , và chọn **Message. (Tin nhắn) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Text message (Tin nhắn văn bản)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Message centres (Trung tâm nhắn tin) — Xem danh sách gồm tất cả các trung tâm nhắn tin đã được xác định.

Msg. centre in use (Trung tâm nhắn tin đang sử dụng) — Chọn trung tâm nhắn tin sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản.

Character encoding (Mã hóa ký tự) — Để sử dụng chuyển đổi ký tự sang một hệ thống mã hóa khác, nếu có, chọn **Reduced support (Hỗ trợ giới hạn)**.

Receive report (Nhận báo cáo) — Chọn yêu cầu mạng gửi hoặc không gửi báo cáo kết quả về tin nhắn của bạn (dịch vụ mạng).

Message validity (Thời hạn lưu tin) — Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành công (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.

Message sent as (Tin nhắn được gửi dưới dạng) — Chỉ thay đổi tùy chọn này khi bạn chắc chắn rằng trung tâm nhắn tin có thể chuyển đổi tin nhắn văn bản thành các định dạng khác. Liên hệ với nhà điều hành mạng.

Preferred conn. (Kết nối ưu tiên) — Chọn kết nối sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản: Mạng GSM hoặc dữ liệu gói, nếu mạng hỗ trợ. Xem phần "[Connection \(Kết nối\)](#)", trên trang 97.

Reply via same ctr. (Trả lời qua cùng trung tâm nhắn tin) — Chọn nếu bạn muốn trả lời tin nhắn sử dụng cùng số trung tâm dịch vụ nhắn tin văn bản (dịch vụ mạng).

Tin nhắn đa phương tiện

Bấm , và chọn **Message. (Tin nhắn) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Image size (Kích cỡ hình) — Xác định kích thước của tin nhắn đa phương tiện: **Original (Gốc)** (chỉ hiển thị khi **MMS creation mode (Chế độ tạo MMS)** được cài là **Guided (Được hướng dẫn)** hoặc **Free (Bỏ nhớ còn trống)**), **Small (Nhỏ)**, hoặc **Large (Lớn)**.

MMS creation mode (Chế độ tạo MMS) — Nếu bạn chọn **Guided (Được hướng dẫn)**, điện thoại sẽ báo cho bạn biết nếu bạn tìm cách gửi một tin nhắn có thể không được hỗ trợ bởi người nhận. Chọn **Restricted (Bị hạn chế)**; điện thoại sẽ ngăn bạn gửi các tin nhắn không được hỗ trợ.

Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng) — Chọn điểm truy cập nào sẽ được sử dụng làm kết nối ưu tiên cho trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Multimedia retrieval (Nhận nội dung đa phương tiện) — Chọn cách bạn muốn nhận tin nhắn đa phương tiện. Để tự động nhận tin nhắn đa phương tiện về khi ở trong mạng chủ, chọn **Auto. In home network (Tự động trong mạng chủ)**. Khi ở bên ngoài mạng chủ, bạn sẽ nhận được thông báo có tin nhắn đa phương tiện mới có thể tải về từ trung tâm tin nhắn đa phương tiện.

Khi bạn đang ở ngoài mạng chủ, cước phí cho việc gửi và nhận các tin nhắn đa phương tiện có thể cao hơn.

Nếu bạn chọn **Multimedia retrieval (Nhận nội dung đa phương tiện)** > **Always automatic (Luôn tự động)**, điện thoại sẽ tự động tạo kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về cả khi ở trong và ngoài mạng chủ.

Allow anon. msgs. (Cho phép tin nhắn nặc danh) — Chọn từ chối hoặc chấp nhận các tin nhắn từ một người gửi nặc danh.

Receive adverts (Nhận tin nhắn quảng cáo) — Xác định xem bạn có muốn nhận tin nhắn quảng cáo đa phương tiện hay không.

Receive report (Nhận báo cáo) — Chọn hiển thị hoặc không hiển thị tình trạng các tin đã gửi trong nhật ký (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

Deny report sending (Từ chối gửi báo cáo) — Chọn từ chối hoặc cho phép điện thoại gửi báo cáo đã nhận tin nhắn đa phương tiện.

Message validity (Thời hạn lưu tin) — Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.

E-mail

Bấm , và chọn **Messag. (Tin nhắn) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > E-mail** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Mailboxes (Hộp thư) — Chọn một hộp thư để thay đổi **Connection settings (Cài đặt kết nối)**, **User settings (Cài đặt người dùng)**, **Retrieval settings (Cài đặt nhận)**, và **Automatic retrieval (Nhận tự động)**.

Mailbox in use (Hộp thư thoại đang dùng) — Chọn hộp thư bạn muốn sử dụng để gửi e-mail.

Để tạo một hộp thư mới, chọn **Options (Tùy chọn) > New mailbox (Hộp thư mới)** trong giao diện chính của hộp thư.

Connection settings (Cài đặt kết nối)

Để kích hoạt cài đặt dành cho e-mail bạn nhận, chọn **Incoming e-mail (E-mail đến)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

User name (Tên thuê bao) — Nhập tên thuê bao do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Password (Mật mã) — Nhập mật mã của bạn vào. Nếu bạn để trống trường này, bạn sẽ được nhắc nhập mật mã khi bạn tìm cách kết nối với hộp thư từ xa.

Incoming mail serv. (Server thư đến) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của server mail sẽ nhận e-mail của bạn.

Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng) — Chọn điểm truy cập Internet (IAP). Xem phần "**Connection (Kết nối)**", trên trang 97.

Mailbox name (Tên hộp thư) — Nhập tên cho hộp thư.

Mailbox type (Loại hộp thư) — Xác nhận giao thức e-mail được nhà cung cấp dịch vụ khuyến nghị. Các tùy chọn là **POP3** và **IMAP4**. Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư. Nếu sử dụng giao thức POP3, e-mail sẽ không được cập nhật tự động khi bạn đang trực tuyến. Để xem các tin nhắn e-mail mới nhất, bạn phải ngắt kết nối và kết nối lại vào hộp thư của bạn.

Security (ports) (Bảo mật (cổng)) — Chọn tùy chọn bảo mật được sử dụng để giữ an toàn cho kết nối đến hộp thư từ xa.

Port (Cổng) — Xác định cổng cho kết nối.

APOP secure login (Đăng nhập APOP an toàn) (chỉ cho POP3) — Sử dụng giao thức POP3 để mã hóa việc gửi mật mã tới server e-mail từ xa trong khi kết nối với hộp thư.

Để kích hoạt cài đặt dành cho e-mail bạn gửi, chọn **Outgoing e-mail (E-mail đi)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

My e-mail address (Địa chỉ e-mail riêng) — Nhập địa chỉ e-mail được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.

Outgoing mail serv. (Server thư đi) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của server mail sẽ gửi e-mail của bạn. Bạn chỉ có thể sử dụng server gửi thư của nhà điều hành mạng của bạn. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng) — Chọn điểm truy cập Internet (IAP). Xem phần **"Connection (Kết nối)"**, trên trang 97.

Thông số cài đặt cho **User name (Tên thuê bao)**, **Password (Mật mã)**, **Security (ports) (Bảo mật (cổng))**, và **Port (Cổng)** tương tự như những thông số cài đặt trong **Incoming e-mail (E-mail đến)**.

User settings (Cài đặt người dùng)

My name (Tên thuê bao) — Nhập tên riêng của bạn. Tên của bạn sẽ được hiển thị trên điện thoại của người nhận thay thế cho địa chỉ e-mail của bạn trong trường hợp điện thoại người nhận hỗ trợ chức năng này.

Send message (Gửi tin nhắn) — Xác định cách gửi e-mail từ điện thoại. Chọn **Immediately (Ngay lập tức)** để điện thoại kết nối với hộp thư khi bạn chọn **Send message (Gửi tin nhắn)**. Nếu bạn chọn **During next conn. (Trong lần kết nối tiếp theo)**, e-mail sẽ được gửi khi việc kết nối đến hộp thư từ xa đã sẵn sàng.

Send copy to self (Gửi bản sao cho chính mình) — Chọn lưu hoặc không lưu bản sao của e-mail vào hộp thư từ xa, đồng thời lưu vào địa chỉ đã được xác định trong **My e-mail address (Địa chỉ e-mail riêng)**.

Include signature (Có chữ ký) — Chọn đính kèm hoặc không đính kèm chữ ký vào các tin nhắn e-mail.

New e-mail alerts (Các thông báo e-mail mới) — Chọn nhận hoặc không nhận các chỉ báo e-mail, như âm báo hoặc ghi chú, khi tài thư mới về hộp thư.

Default encoding (Chế độ mã hóa mặc định) — Chọn chế độ mã hóa khác theo ngôn ngữ.

Retrieval settings (Cài đặt nhận)

E-mail to retrieve (E-mail sẽ tải về) — Xác định những thành phần nào của e-mail sẽ được tải về: **Headers only (Chỉ tiêu đề)**, **Size limit (Giới hạn kích cỡ)**, **Messages (Tin nhắn)** (chỉ cho IMAP4), hoặc **Msgs. & attachs. (Thư và tập tin đính kèm)**.

Retrieval amount (Số lượng sẽ nhận) — Xác định số tin e-mail mới sẽ được nhận về hộp thư.

IMAP4 folder path (Đường dẫn thư mục IMAP4) (chỉ IMAP4) — Xác định đường dẫn cho những thư mục sẽ được đăng ký.

Folder subscriptions (Các đăng ký thư mục) (chỉ IMAP4) — Đăng ký các thư mục khác trong hộp thư từ xa và nhận nội dung từ các thư mục này.

Automatic retrieval (Nhận tự động)

E-mail notifications (Thông báo e-mail) — Chọn nhận hoặc không nhận các thông báo khi nhận được e-mail mới trong hộp thư từ xa.

Không thể kích hoạt thông báo e-mail và nhận tiêu đề cùng lúc.

Header retrieval (Nhận tiêu đề) — Chọn để điện thoại tự động nhận hoặc không nhận e-mail mới. Bạn có thể xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về từ hộp thư.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

Tin dịch vụ

Bấm , và chọn **Messaging (Nhắn tin)** > **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)** > **Service message (Tin dịch vụ)**. Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn dịch vụ. Nếu bạn muốn điện thoại tự động kích hoạt trình duyệt và bắt đầu kết nối mạng để tải nội dung khi nhận tin nhắn dịch vụ, chọn **Download messages (Tải tin nhắn xuống)** > **Automatically (Tự động)**.

Tin nhắn quảng bá

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết các chủ đề hiện có và mã số chủ đề liên quan. Bấm , và chọn **Messaging (Nhắn tin)** > **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)** > **Cell broadcast (Tin nhắn quảng bá)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Reception (Nhận) — Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn quảng bá.

Language (Ngôn ngữ) — Chọn ngôn ngữ để nhận các tin nhắn: **All (Tất cả)**, **Selected (Đã chọn)**, hoặc **Other (Khác)**.

Topic detection (Dò chủ đề) — Chọn để điện thoại tự động hoặc không tự động tìm kiếm các mã số chủ đề mới, và lưu những mã số mới không có tên vào danh sách chủ đề.

Other settings (Cài đặt khác)

Bấm , và chọn **Messaging (Nhắn tin)** > **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)** > **Other (Khác)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Save sent messages (Lưu tin nhắn đã gửi) — Chọn lưu hoặc không lưu bản sao của các tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, hoặc e-mail mà bạn đã gửi vào thư mục **Sent (Đã gửi)**.

No. of saved msgs. (Số lượng tin nhắn đã lưu) — Xác định số tin nhắn đã gửi sẽ được lưu trong thư mục **Sent (Đã gửi)** tại một thời điểm. Giới hạn mặc định là 20 tin nhắn. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Nếu đã lắp một thẻ nhớ tương thích vào điện thoại, chọn bộ nhớ để lưu các tin nhắn: **Phone memory (Bộ nhớ điện thoại)** hoặc **Memory card (Thẻ nhớ)**.

Gọi điện

Cuộc gọi thoại

 **Mẹo!** Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi gọi, bấm  hoặc . Nếu bạn đã cài âm lượng là **Mute (Tắt âm)**, bạn không thể điều chỉnh âm lượng bằng  hoặc .

Để điều chỉnh âm lượng, chọn **Unmute (Bật âm)**, và bấm  hoặc .

- 1 Khi ở chế độ chờ, nhập số điện thoại, bao gồm cả mã vùng. Để xóa một số, bấm .
Để gọi điện quốc tế, bấm * hai lần cho ký tự + (thay thế mã truy cập quốc tế), và nhập mã quốc gia, mã vùng (bỏ số 0 đầu nếu cần) và số điện thoại.
- 2 Bấm  để gọi số điện thoại đó.
- 3 Bấm  để ngừng cuộc gọi (hoặc để hủy cuộc gọi).

Bấm  sẽ luôn kết thúc cuộc gọi, cho dù có một ứng dụng khác đang được kích hoạt. Để kết thúc cuộc gọi khi nắp mở, và không có tai nghe tương thích cắm vào điện thoại, đóng nắp lại.

Để thực hiện một cuộc gọi từ **Contacts (Danh bạ)**, bấm , và chọn **Contacts (Danh bạ)**. Di chuyển đến tên bạn muốn, hoặc nhập các ký tự đầu tiên của tên đó vào trường tìm. Các số liên lạc tương ứng sẽ được liệt kê. Để gọi, bấm . Chọn kiểu cuộc gọi **Voice call (Cuộc gọi thoại)**.

Bạn phải sao chép các số liên lạc từ thẻ SIM vào **Contacts (Danh bạ)** trước khi có thể thực hiện cuộc gọi theo cách này. Xem phần "[Sao chép số liên lạc](#)", trên trang 61.

Để gọi hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1** khi ở chế độ chờ. Xem thêm phần "[Call divert \(Chuyển hướng cuộc gọi\)](#)", trên trang 103.

 **Mẹo!** Để thay đổi số của hộp thư thoại, bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Voic. mail (Thư thoại) > Options (Tùy chọn) > Change number (Đổi số)**. Nhập số vào (nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp cho bạn số này) và chọn **OK**.

Để gọi tới một số mới gọi gần đây ở chế độ chờ, bấm . Di chuyển đến số điện thoại bạn muốn và bấm  để gọi số điện thoại đó.

Gọi điện hội nghị

- 1 Gọi điện cho thành viên thứ nhất.
- 2 Để gọi điện cho thành viên khác, chọn **Options (Tùy chọn) > New call (Cuộc gọi mới)** và nhập số điện thoại vào. Cuộc gọi đầu sẽ tự động ở trạng thái giữ.
- 3 Khi cuộc gọi mới được trả lời, để nối thành viên thứ nhất vào cuộc gọi hội nghị, chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị)**.
Để thêm một thành viên mới vào cuộc gọi, chọn **Options (Tùy chọn) > New call (Cuộc gọi mới)** và nhập số điện thoại vào. Chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị) > Add to conference (Thêm vào cuộc gọi)**. Điện thoại hỗ trợ các cuộc gọi hội nghị với tối đa sáu thành viên tham gia, kể cả bạn.
Để trò chuyện riêng với một trong các thành viên, chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị) > Private (Riêng)**. Chọn một thành viên, và chọn **Private (Riêng)**. Cuộc gọi hội nghị sẽ được chuyển sang trạng thái giữ. Những thành viên khác vẫn có thể tiếp tục cuộc gọi hội nghị. Khi bạn đã kết thúc cuộc gọi riêng, chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị) > Add to conference (Thêm vào cuộc gọi)** để trở về cuộc gọi hội nghị.

Để loại bớt một thành viên, chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị) > Drop participant (Ngắt kết nối thành viên)**, di chuyển đến thành viên và chọn **Drop (Ngắt kết nối)**.

- 4 Để kết thúc cuộc gọi hội nghị, bấm **⏏**.

Quay nhanh một số điện thoại

Để kích hoạt chức năng quay số nhanh, bấm **⚙**, và chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Call (Gọi) > Speed dialling (Quay số nhanh) > On (Bật)**.

Để gán một số điện thoại cho một trong các phím quay số nhanh (**2 – 9**), bấm **⚙**, và chọn **Tools (Công cụ) > Spd. dial (Quay số nhanh)**. Di chuyển đến phím bạn muốn gán số điện thoại này, và chọn **Options (Tùy chọn) > Assign (Gán) 1** được dành cho hộp thư thoại.

Để gọi điện ở chế độ chờ, bấm phím quay số nhanh và **⏏**.

Quay số bằng khẩu lệnh

Điện thoại của bạn hỗ trợ các lệnh thoại được cải tiến. Lệnh thoại cải tiến không tùy thuộc vào giọng người nói, vì vậy người sử dụng không cần phải ghi âm khẩu lệnh trước. Thay vào đó, điện thoại sẽ tạo một khẩu lệnh dành cho các mục trong danh bạ và

so sánh khẩu lệnh được nói với khẩu lệnh này. Bộ phận nhận dạng giọng nói trong điện thoại sẽ phân tích tiếng nói của người dùng chính để nhận dạng lệnh thoại tốt hơn.

Khẩu lệnh cho một số liên lạc là tên hoặc biệt danh được lưu trên thẻ liên lạc. Để nghe khẩu lệnh được tổng hợp, mở thẻ liên lạc, và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Play voice tag (Phát khẩu lệnh)**.

Gọi bằng khẩu lệnh



Lưu ý: Sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Khi bạn sử dụng chức năng quay số bằng khẩu lệnh, loa sẽ được sử dụng. Giữ điện thoại ở khoảng cách gần khi phát âm khẩu lệnh.

- Để sử dụng chức năng quay số bằng khẩu lệnh, bấm và giữ phím thoại. Nếu bạn đang sử dụng tai nghe tương thích có phím tai nghe, bấm và giữ phím tai nghe để bắt đầu quay số bằng khẩu lệnh.
- Điện thoại sẽ phát một âm ngắn, và thông báo **Speak now (Xin mời nói)** sẽ hiển thị. Đọc rõ tên hoặc biệt hiệu đã được lưu cho thẻ liên lạc.

- Điện thoại sẽ phát khẩu lệnh tổng hợp ứng với số liên lạc được nhận dạng bằng ngôn ngữ được chọn trong điện thoại, đồng thời hiển thị tên và số điện thoại của số liên lạc đó. Sau khoảng 1,5 giây chờ, điện thoại sẽ quay số điện thoại đó. Nếu số liên lạc được nhận dạng không đúng, chọn **Next (Kế tiếp)** để xem danh sách các số liên lạc tương ứng khác hoặc **Quit (Thoát)** để hủy chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

Nếu một tên có nhiều số điện thoại, máy sẽ chọn số mặc định nếu số này đã được cài. Nếu không, điện thoại sẽ chọn số điện thoại đầu tiên theo thứ tự sau: **Mobile (Di động)**, **Mobile (home) (Di động (nhà))**, **Mobile (business) (Di động (cơ quan))**, **Telephone (Điện thoại)**, **Tel. (home) (Điện thoại (nhà riêng))**, và **Tel. (business) (Điện thoại (cơ quan))**.

Cuộc gọi video (dịch vụ mạng)

Khi bạn thực hiện cuộc gọi video, bạn có thể nhìn thấy hình ảnh hai chiều trong thời gian đàm thoại giữa bạn và người nhận cuộc gọi. Hình ảnh video trực tuyến, hoặc hình ảnh video được quay bằng camera trên điện thoại sẽ hiển thị trên điện thoại của người nhận trong cuộc gọi video.

Để thực hiện cuộc gọi video, bạn phải có thẻ USIM và trong vùng phủ sóng của mạng UMTS. Để biết

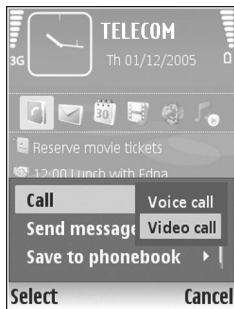
tính khả dụng và thuê bao dịch vụ cuộc gọi video, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Cuộc gọi video chỉ có thể được thực hiện được giữa hai thành viên. Cuộc gọi video có thể được áp dụng để gọi đến điện thoại di động tương thích hoặc thuê bao ISDN. Cuộc gọi video không thể thực hiện được trong khi đang có cuộc gọi thoại, cuộc gọi video hoặc quá trình trao đổi dữ liệu đang diễn ra.

Biểu tượng:

 Bạn không nhận được video (người nhận không gửi hoặc mạng không chuyển video).

 Bạn đã từ chối gửi tin hiệu hình ảnh từ điện thoại của bạn. Để gửi hình ảnh vào đó, xem phần "**Call settings (Cài đặt cuộc gọi)**", trên trang 96.

- Để thực hiện cuộc gọi video, mở nắp, nhập số điện thoại ở chế độ chờ, hoặc chọn **Contacts (Danh bạ)** và chọn một số liên lạc.
- Chọn **Options (Tùy chọn) > Call (Gọi) > Video call (Cuộc gọi video)**.



3 Kích hoạt camera sau khi người nhận trả lời cuộc gọi.

Thời gian để khởi động một cuộc gọi video có thể kéo dài **Waiting for video image (Đang chờ video)** sẽ hiển thị. Nếu cuộc gọi không thực hiện được (ví dụ như mạng không hỗ trợ cuộc gọi video, hoặc thiết bị nhận không tương thích), điện thoại sẽ yêu cầu bạn thực hiện cuộc gọi thông thường hoặc gọi tin nhắn văn bản thay vì dùng cuộc gọi video.

Cuộc gọi video hoạt động khi bạn nhìn thấy ảnh video của hai bên và nghe thấy âm thanh qua loa. Người nhận cuộc gọi có thể từ chối gửi hình ảnh () , trong trường hợp này, bạn sẽ chỉ nghe thấy tiếng và có thể nhìn thấy một hình ảnh tĩnh hoặc một hình nền màu xám.

 **Mẹo!** Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi gọi, di chuyển sang trái hoặc phải.

Để đổi giữa chế độ hiển thị video hoặc chỉ nghe tiếng, chọn **Enable (Bật)** hoặc **Disable (Vô hiệu) > Sending video (Đang gửi video)**, **Sending audio (Đang gửi âm thanh)** hoặc **Sending audio & video (Đang gửi âm thanh & video)**.

Để truyền trực tiếp hình ảnh video của chính bạn, chọn **Use primary camera (Sử dụng camera chính)** để bật camera phụ. Để cho thành viên khác thấy hình ảnh có thể nhìn thấy từ camera phía sau, chọn **Use primary camera (Sử dụng camera chính)**.

Để chỉnh tỷ lệ hình ảnh của chính bạn, chọn **Zoom in (Phóng to)** hoặc **Zoom out (Thu nhỏ)**. Chỉ báo phóng to/thu nhỏ sẽ được hiển thị ở phía trên màn hình.

Để chuyển đổi vị trí của các hình ảnh video đã gửi trên màn hình, chọn **Change image order (Đổi thứ tự hình ảnh)**.



Lưu ý: Ngay cả khi bạn từ chối gửi tín hiệu video trong cuộc gọi video, cuộc gọi này vẫn bị tính cước như là cuộc gọi video. Kiểm tra cách tính phí với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Để kết thúc cuộc gọi video, bấm **⏏**.

Chia sẻ video (dịch vụ mạng)

Chọn **Video sharing (Chia sẻ video)** để gửi video thực hoặc một đoạn video clip từ điện thoại di động của bạn đến một thiết bị di động tương thích trong cuộc gọi thoại. Đơn giản, bạn chỉ cần mời người nhận cuộc gọi xem phim thực hoặc một video clip mà bạn muốn chia sẻ. Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời và bạn kích hoạt chế độ thích hợp. Xem phần **"Chia sẻ video"**, trên trang 53.

Yêu cầu chia sẻ hình ảnh

Vì **Video sharing (Chia sẻ video)** yêu cầu kết nối UMTS, khả năng sử dụng **Video sharing (Chia sẻ video)** tùy thuộc vào tính khả dụng của mạng UMTS. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết khả năng đáp ứng của mạng và chi phí liên quan đến việc sử dụng ứng dụng này. Để sử dụng **Video sharing (Chia sẻ video)** bạn phải thực hiện như sau:

- Bảo đảm điện thoại đã được thiết lập các kết nối một chiều. Xem phần **"Cài đặt"**, trên trang 53.
- Bảo đảm bạn có một kết nối UMTS đang hoạt động và đang trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS. Xem phần **"Cài đặt"**, trên trang 53. Nếu bạn khởi động phiên dịch vụ chia sẻ trong khi đang ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS và đang trong quá trình kết nối mạng GSM, phiên dịch vụ chia sẻ sẽ bị ngừng lại, cuộc gọi thoại của bạn vẫn tiếp tục.
- Bảo đảm cả người gửi và người nhận đã đăng ký mạng UMTS. Nếu bạn mời một người tham gia phiên dịch vụ chia sẻ và điện thoại của người đó tắt, hoặc người đó không nằm trong phạm vi mạng UMTS, người đó sẽ không biết bạn gửi lời mời đến họ. Tuy nhiên, bạn sẽ nhận được một thông báo cho biết người nhận không thể nhận lời mời.

Cài đặt

Cài đặt kết nối một chiều

Kết nối một chiều còn được biết là kết nối session initiation protocol (SIP). Thông số cài đặt cấu hình SIP phải được cấu hình trong điện thoại trước khi bạn có thể sử dụng chức năng **Video sharing (Chia sẻ video)**. Việc thiết lập cấu hình SIP cho phép bạn thiết lập kết nối một chiều đến một điện thoại tương thích khác. Cấu hình SIP cũng phải được thiết lập để nhận phiên chia sẻ dữ liệu.

Liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ để có được thông số cài đặt cấu hình SIP và lưu các thông số này vào điện thoại của bạn. Nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể gửi các thông số cài đặt qua mạng.

Nếu bạn biết địa chỉ SIP của người nhận, bạn có thể nhập địa chỉ này vào thẻ liên lạc của người đó. Chọn **Contacts (Danh bạ)** từ menu chính, và mở thẻ liên lạc (hoặc tạo một thẻ liên lạc mới cho người đó). Chọn **Options (Tùy chọn) > Add detail (Thêm chi tiết) > Web address (Địa chỉ web)**. Nhập địa chỉ SIP theo định dạng sau đây: sip:tên thuê bao@tên miền (bạn có thể sử dụng địa chỉ IP thay cho tên miền).

Cài đặt kết nối UMTS

Để thiết lập kết nối UMTS, theo các bước sau:

- Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để thỏa thuận sử dụng dịch vụ mạng UMTS.
- Bảo đảm thông số cài đặt kết nối điểm truy cập UMTS được cấu hình đúng. Để được trợ giúp, xem phần **"Connection (Kết nối)"**, trên trang 97.

Chia sẻ video

Để nhận một phiên chia sẻ dữ liệu, người nhận phải cài đặt chức năng **Video sharing (Chia sẻ video)** và cấu hình các thông số cài đặt theo yêu cầu trên điện thoại di động của họ. Cả bạn và người nhận phải đăng ký dịch vụ trước khi có thể chia sẻ dữ liệu.

Để nhận lời mời chia sẻ, bạn phải đăng ký dịch vụ chia sẻ, đã kết nối vào mạng UMTS, và phải ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS.

Video thực

- 1 Khi đang có cuộc gọi thoại, chọn **Options (Tùy chọn) > Share video (Chia sẻ video) > Live (Trực tiếp)**.
- 2 Điện thoại sẽ gửi lời mời đến địa chỉ SIP mà bạn đã thêm vào thẻ liên lạc của người nhận. Nếu người nhận có nhiều địa chỉ SIP trong thẻ liên lạc, chọn địa chỉ SIP mà bạn muốn gửi lời mời. **Select (Chọn)** để gửi lời mời. Nếu không có địa chỉ SIP của người nhận, nhập địa chỉ SIP vào. Chọn **OK** để gửi lời mời.

- 3 Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời.
Loa đã được kích hoạt. Bạn cũng có thể sử dụng tai nghe tương thích để tiếp tục cuộc gọi thoại trong khi truyền video trực tuyến.
- 4 Chọn **Pause (Tạm ngưng)** để tạm ngưng phiên chia sẻ dữ liệu. Chọn **Continue (Tiếp tục)** để tiếp tục lại phiên chia sẻ dữ liệu.
- 5 Để kết thúc phiên chia sẻ, chọn **Stop (Ngừng)**. Để kết thúc cuộc gọi thoại, bấm **⏏**.

Đoạn hình ảnh

- 1 Khi đang có cuộc gọi thoại, chọn **Options (Tùy chọn) > Share video (Chia sẻ video) > Clip (Đoạn)**.
Một danh sách các đoạn video clip sẽ mở ra.
- 2 Chọn video clip bạn muốn chia sẻ. Màn hình xem trước sẽ mở ra. Để xem trước video clip, chọn **Options (Tùy chọn) > Play (Phát)**.
- 3 Chọn **Options (Tùy chọn) > Invite (Mời)**.
Bạn cần phải chuyển đoạn video clip sang định dạng thích hợp để có thể chia sẻ được. **Clip must be converted for sharing. Continue? (Đoạn phải được chuyển đổi để chia sẻ. Tiếp tục?)** sẽ hiển thị. Chọn **OK**.
Điện thoại sẽ gửi lời mời đến địa chỉ SIP mà bạn đã thêm vào thẻ liên lạc của người nhận.

Trong trường hợp người nhận có nhiều địa chỉ SIP trong thẻ liên lạc, chọn địa chỉ SIP mà bạn muốn gửi lời mời. **Select (Chọn)** để gửi lời mời. Nếu không có địa chỉ SIP của người nhận, nhập địa chỉ SIP vào. Chọn **OK** để gửi lời mời.

- 4 Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời.
- 5 Chọn **Pause (Tạm ngưng)** để tạm ngưng phiên chia sẻ dữ liệu. Chọn **Options (Tùy chọn) > Continue (Tiếp tục)** để tiếp tục lại phiên chia sẻ dữ liệu.
- 6 Để kết thúc phiên chia sẻ, chọn **Stop (Ngừng)**. Để kết thúc cuộc gọi thoại, bấm **⏏**.

Nhận một lời mời

Khi có một người gửi cho bạn lời mời chia sẻ dữ liệu, một thông báo mời sẽ hiển thị cho biết tên hoặc địa chỉ SIP của người gửi. Nếu điện thoại không được cài là **Silent (Im lặng)**, điện thoại sẽ đổ chuông khi bạn nhận được lời mời.

Nếu một người nào đó gửi cho bạn lời mời chia sẻ và bạn không ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS, bạn sẽ không biết mình nhận được lời mời.

Khi nhận được lời mời, chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Accept (Nhận)** để bắt đầu phiên chia sẻ dữ liệu. Nếu người gửi muốn chia sẻ video trực tuyến, khởi động camera.
- **Reject (Từ chối)** để từ chối lời mời. Người nhận sẽ nhận được thông báo cho biết bạn từ chối lời mời. Bạn cũng có thể bấm  để từ chối phiên chia sẻ và ngắt kết nối với cuộc gọi thoại.

Để kết thúc phiên chia sẻ, chọn **Stop (Ngừng)**. Nếu bạn chia sẻ một video clip, chọn **Exit (Thoát)**. **Video sharing ended (Chia sẻ video đã kết thúc)** sẽ hiển thị.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi

Để trả lời một cuộc gọi khi nắp mở, bấm . Nếu nắp đóng, mở nắp, và cuộc gọi sẽ tự động được trả lời. Xem phần "**Cài đặt màn hình phụ**", trên trang 95.

Để tắt âm chuông báo khi có cuộc gọi đến, chọn **Silence (Im lặng)**. Nếu nắp mở đóng, bấm phím trên để chọn **Silence (Im lặng)**.

 **Mẹo!** Nếu tai nghe tương thích được nối với điện thoại, bấm phím tai nghe để trả lời và kết thúc cuộc gọi.

Nếu nắp đang mở, và bạn không muốn trả lời cuộc gọi, bấm  hoặc đóng nắp lại để từ chối cuộc gọi, nếu không có tai nghe tương thích nối vào điện

thoại. Nếu nắp đang đóng, bấm phím trên nắp để tắt chuông, và bấm lại một lần nữa để từ chối cuộc gọi. Người gọi sẽ nghe âm báo bận máy. Nếu bạn đã kích hoạt chức năng **Call divert (Chuyển hướng) > If busy (Nếu bận)** để chuyển hướng cuộc gọi, việc từ chối cuộc gọi đến cũng sẽ chuyển hướng cuộc gọi này. Xem phần "**Call divert (Chuyển hướng cuộc gọi)**", trên trang 103.

Khi từ chối một cuộc gọi đến, bạn cũng có thể gửi tin nhắn văn bản cho người gọi để báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Chọn **Options (Tùy chọn) > Send text message (Gửi tin nhắn văn bản)**. Bạn có thể chỉnh sửa văn bản trước khi gửi. Để cài đặt tùy chọn này và viết một tin nhắn văn bản chuẩn, xem phần "**Call settings (Cài đặt cuộc gọi)**", trên trang 96.

Nếu bạn trả lời một cuộc gọi thoại khi đang có một cuộc gọi video, cuộc gọi video sẽ bị ngắt. **Call waiting (Cuộc gọi chờ)** sẽ không có trong cuộc gọi video.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi video

Khi có cuộc gọi video, biểu tượng  sẽ hiển thị.

- 1 Bấm  để trả lời cuộc gọi video này. **Allow video image to be sent to caller? (Cho phép gửi hình ảnh video tới người gọi?)** sẽ hiển thị.

Nếu bạn chọn **Yes (Có)**, hình ảnh được chụp bằng camera của điện thoại sẽ hiển thị trên máy

người gọi. Nếu bạn chọn **No (Không)**, hoặc không thực hiện thao tác nào, video sẽ không được gửi và bạn sẽ nghe thấy một âm báo. Một màn hình màu xanh sẽ hiển thị thay thế cho hình ảnh phim. Để thay thế màn hình xám này bằng một hình tĩnh, xem phần "**Call settings (Cài đặt cuộc gọi)**", trên trang 96.

2 Để kết thúc cuộc gọi video, bấm **⏏**.

Call waiting (Cuộc gọi chờ) (dịch vụ mạng)

Bạn có thể nhận một cuộc gọi trong khi đang có một cuộc gọi khác nếu bạn đã kích hoạt chức năng **Call waiting (Cuộc gọi chờ)** trong **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Call (Gọi) > Call waiting (Cuộc gọi chờ)**.

 **Mẹo!** Để thay đổi nhạc chuông của điện thoại được sử dụng trong các môi trường và sự kiện khác nhau (ví dụ, khi bạn muốn tắt âm thanh của điện thoại), xem phần "**Profiles (Cấu hình)—cài đặt âm**", trên trang 83.

Để trả lời cuộc gọi chờ, bấm **⏏**. Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ.

Để chuyển qua lại giữa hai cuộc gọi, chọn **Swap (Hoán đổi)**. Để kết nối một cuộc gọi đến hoặc một cuộc gọi đang giữ với cuộc gọi hiện tại và tách bạn ra khỏi hai cuộc gọi này, chọn **Options (Tùy chọn) > Transfer (Nối chuyển)**. Để kết thúc cuộc gọi hiện tại, bấm **⏏**. Để kết thúc cả hai cuộc gọi, chọn **Options (Tùy chọn) > End all calls (Kết thúc tất cả các cuộc gọi)**.

Các tùy chọn trong khi gọi

Nhiều tùy chọn mà bạn có thể sử dụng trong khi gọi là các dịch vụ mạng. Chọn **Options (Tùy chọn)** khi đang gọi cho một số tùy chọn sau đây: **Mute (Tắt âm)** hoặc **Unmute (Bật âm)**, **Answer (Trả lời)**, **Reject (Từ chối)**, **Swap (Hoán đổi)**, **Hold (Giữ)** hoặc **Unhold (Nhả)**, **Activate handset (Bật chế độ điện thoại)**, **Activate loudsp. (Bật loa)**, hoặc **Activate handsfree (Bật chức năng nói chuyện trực tiếp qua loa)** (nếu một tai nghe tương thích sử dụng kết nối Bluetooth được nối vào), **End active call (Kết thúc cuộc gọi hiện tại)** hoặc **End all calls (Kết thúc tất cả các cuộc gọi)**, **New call (Cuộc gọi mới)**, **Conference (Hội nghị)**, và **Transfer (Nối chuyển)**. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Replace (Thay thế) — Để kết thúc cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đang chờ.

Send MMS (Gửi MMS) (chỉ trong mạng UMTS) — Để gửi một hình ảnh hoặc một video trong tin nhắn đa phương tiện cho thành viên khác trong cuộc gọi. Bạn có thể chỉnh sửa tin nhắn và thay đổi người nhận trước khi gửi. Bấm  để gửi tập tin đến một thiết bị tương thích (dịch vụ mạng).

Send DTMF (Gửi DTMF) — Để gửi các chuỗi âm DTMF, ví dụ mật mã. Nhập chuỗi DTMF hoặc tìm trong **Contacts (Danh bạ)**. Để nhập một ký tự chờ (**w**) hoặc ký tự ngưng (**p**), bấm * liên tục. Chọn **OK** để gửi âm.

 **Mẹo!** Bạn có thể thêm các âm DTMF vào **Phone number (Số điện thoại)** hoặc **DTMF** vào thẻ liên lạc.

 **Mẹo!** Nếu bạn chọn **Activate loudsp. (Bật loa)**, bạn có thể đóng nắp lại và tiếp tục cuộc gọi.

Các tùy chọn trong khi gọi video

Chọn **Options (Tùy chọn)** khi đang gọi video cho một số tùy chọn sau đây: **Enable (Bật)** hoặc **Disable (Vô hiệu)**, **Activate handset (Bật chế độ điện thoại)** (nếu một tai nghe tương thích sử dụng kết nối Bluetooth được nối vào), **Activate loudsp. (Bật loa)**, hoặc **Activate handsfree (Bật chức năng nói chuyện**

trực tiếp qua loa) (chỉ ở chế độ nắp gập mở, và nếu một tai nghe tương thích sử dụng kết nối Bluetooth được nối vào), **End active call (Kết thúc cuộc gọi hiện tại)**, **Change image order (Đổi thứ tự hình ảnh)**, **Zoom in (Phóng to)/Zoom out (Thu nhỏ)**, và **Help (Trợ giúp)**.



Log (Nhật ký)

Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)

Để xem các số điện thoại của các cuộc gọi bị nhớ, đã nhận, và đã gọi, bấm , và chọn **My own (Cá nhân)** > **Log (Nhật ký)** > **Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)**. Điện thoại chỉ ghi lại các cuộc gọi bị nhớ và các cuộc gọi vừa nhận khi mạng hỗ trợ các chức năng này, khi điện thoại được bật, và đang trong vùng phủ sóng.

 **Mẹo!** Khi bạn thấy thông báo về các cuộc gọi bị nhớ ở chế độ chờ, chọn **Show (Hiển thị)** để truy cập danh sách các cuộc gọi bị nhớ. Để gọi lại, di chuyển đến một tên hoặc số và bấm .

Để xóa tất cả danh sách cuộc gọi mới nhất, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Clear recent calls (Xóa các cuộc gọi gần đây)** trong giao diện các cuộc gọi mới

nhất. Để xóa một trong các nhật ký cuộc gọi, mở nhật ký bạn muốn xóa, và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Clear list (Xóa danh sách)**. Để xóa một sự kiện, mở một nhật ký, di chuyển đến sự kiện đó và bấm **⌵**.

Call duration (Thời lượng cuộc gọi)

Để xem thời gian của các cuộc gọi đến và các cuộc gọi đi, bấm **⌵**, và chọn **My own (Cá nhân)** > **Log (Nhật ký)** > **Call duration (Thời lượng cuộc gọi)**.

Để cài màn hình hiển thị thời lượng cuộc gọi trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **My own (Cá nhân)** > **Log (Nhật ký)** > **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)** > **Show call duration (Hiển thị thời lượng cuộc gọi)** > **Yes (Có)** hoặc **No (Không)**.

 **Lưu ý:** Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v.

Để xóa các bộ báo giờ gọi, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Clear timers (Xóa bộ đếm giờ)**. Để thực hiện được, bạn cần phải có mã khóa, xem phần **"Security (Bảo mật)"**, trên trang 100 và **"Phone and SIM (Máy và thẻ SIM)"**, trên trang 100.

Packet data (Dữ liệu gói)

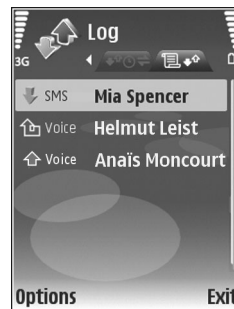
Để kiểm tra lượng dữ liệu đã gửi và nhận trong các kết nối dữ liệu gói, bấm **⌵**, và chọn **My own (Cá nhân)** > **Log (Nhật ký)** > **Packet data (Dữ liệu gói)**. Ví dụ, bạn có thể phải trả phí cho những kết nối dữ liệu gói trên cơ sở lượng dữ liệu đã gửi và nhận.

Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc

Các biểu tượng trong **Log (Nhật ký)**:

-  Sự kiện đến
-  Sự kiện đi
-  Các sự kiện liên lạc bị nhiễu

Để kiểm soát tất cả các cuộc gọi, tin nhắn văn bản hoặc kết nối dữ liệu đã được điện thoại ghi lại, bấm **⌵**, chọn **My own (Cá nhân)** > **Log (Nhật ký)**, và bấm **⌵** để mở nhật ký chung. Đối với từng sự kiện liên lạc, bạn có thể xem tên của người gửi hoặc nhận, số điện thoại, tên nhà cung cấp dịch vụ, hoặc điểm truy cập. Bạn



có thể lọc nhật ký chung để chỉ xem một loại sự kiện và tạo các thẻ liên lạc mới dựa trên thông tin được lưu lại.

 **Mẹo!** Để xem thời lượng của một cuộc gọi thoại trên màn hình chính trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Show call duration (Hiển thị thời lượng cuộc gọi) > Yes (Có)**.

 **Mẹo!** Để xem danh sách các tin nhắn đã gửi, bấm , và chọn **Messaging (Nhắn tin) > Sent (Đã gửi)**.

Các sự kiện phụ, ví dụ như tin nhắn văn bản đã được gửi thành nhiều phần và nhiều phiên kết nối dữ liệu, sẽ được ghi lại dưới dạng sự kiện liên lạc. Các kết nối vào hộp thư thoại, trung tâm nhắn tin đa phương tiện hoặc trang Web sẽ được hiển thị dưới dạng các phiên kết nối dữ liệu gói.

Để lọc nhật ký, chọn **Options (Tùy chọn) > Filter (Lọc)** và chọn một bộ lọc.

Để xóa vĩnh viễn nội dung của nhật ký, nhật ký cuộc gọi gần đây, và các báo cáo gửi tin nhắn, chọn **Options (Tùy chọn) > Clear log (Xóa nhật ký)**. Chọn **Yes (Có)** để xác nhận. Để xóa một sự kiện đơn lẻ khỏi nhật ký, bấm .

Để cài **Log duration (Thời lượng nhật ký)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Log duration (Thời lượng nhật ký)**. Các sự kiện sẽ được lưu giữ trong bộ nhớ điện thoại trong một số ngày nhất định, sau đó chúng sẽ bị xóa để làm trống bộ nhớ. Nếu bạn chọn **No log (Không có nhật ký)**, tất cả các nội dung nhật ký, nhật ký cuộc gọi mới nhất và báo cáo gửi tin nhắn sẽ bị xóa vĩnh viễn.

Để xem các chi tiết của một sự kiện liên lạc, trong giao diện nhật ký chung, di chuyển đến một sự kiện, và bấm .

 **Mẹo!** Trong giao diện chi tiết, để sao chép một số điện thoại và dán vào một tin nhắn văn bản, chọn **Options (Tùy chọn) > Copy number (Sao chép số)**.

Bộ đếm dữ liệu gói và thời gian kết nối: Để xem dung lượng bộ nhớ, tính theo kb, được chuyển và thời lượng của phiên kết nối dữ liệu gói nhất định, di chuyển đến một sự kiện đến hoặc đi được chỉ báo bằng **Pack. (Gói)**, và chọn **Options (Tùy chọn) > View details (Xem chi tiết)**.



Danh bạ (danh bạ điện thoại)

Bấm , và chọn **Contacts (Danh bạ)**. Trong **Contacts (Danh bạ)** bạn có thể thêm một kiểu chuông riêng hoặc một hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào một thẻ liên lạc. Bạn cũng có thể tạo các nhóm liên lạc, nhóm này cho phép bạn gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail tới nhiều người nhận cùng lúc. Bạn có thể thêm các thông tin liên lạc đã nhận được (danh thiếp) vào danh bạ. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)", trên trang 38. Bạn chỉ có thể gửi hoặc nhận thông tin về số liên lạc từ các thiết bị tương thích.

Lưu tên và số điện thoại

- 1 Chọn **Options (Tùy chọn) > New contact (Số liên lạc mới)**.
- 2 Điền vào các trường theo ý bạn, và chọn **Done (Xong)**.

Để chỉnh sửa thẻ liên lạc trong **Contacts (Danh bạ)**, di chuyển đến thẻ liên lạc bạn muốn chỉnh sửa, và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**.

Mẹo! Để in thẻ liên lạc trên một máy in được trang bị cầu hình in cơ bản (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**.

Để xóa một thẻ liên lạc trong **Contacts (Danh bạ)**, chọn thẻ liên lạc, và bấm . Để xóa nhiều thẻ liên lạc cùng lúc, bấm và để chọn thẻ liên lạc, và bấm để xóa.

Mẹo! Để tạo thêm và hiệu chỉnh các thẻ liên lạc, sử dụng ứng dụng Nokia Contacts Editor trong Nokia PC Suite.

Để đính kèm hình ảnh thu nhỏ vào một thẻ liên lạc, mở thẻ liên lạc, và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa) > Options (Tùy chọn) > Add thumbnail (Thêm hình nhỏ)**. Hình ảnh dạng thu nhỏ sẽ được hiển thị khi có người gọi cho bạn.

Mẹo! Quay số nhanh là một cách nhanh chóng để gọi đến các số điện thoại thường được sử dụng. Bạn có thể gán các phím quay số nhanh cho tám số điện thoại. Xem phần "[Quay nhanh một số điện thoại](#)", trên trang 49.

 **Mẹo!** Để gửi thông tin về số liên lạc, chọn thẻ bạn muốn gửi. Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Send (Gửi)** > **Via text message (Dưới dạng tin nhắn văn bản)**, **Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**, hoặc **Via infrared (Qua hồng ngoại)**. Xem phần "**Messaging**", trên trang 32 và phần "**Gửi dữ liệu**", trên trang 88.

Để thêm một số liên lạc vào một nhóm, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Add to group: (Thêm vào nhóm:)** (chỉ hiển thị nếu bạn đã tạo một nhóm). Xem phần "**Tạo các nhóm liên lạc**", trên trang 63.

Để xem lượng bộ nhớ đã sử dụng cho các số liên lạc, nhóm, và bộ nhớ còn trống trong **Contacts (Danh bạ)**, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Contacts info (Thông tin liên lạc)**.

Các số điện thoại và địa chỉ mặc định

Bạn có thể gán các số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định vào một thẻ liên lạc. Theo cách này nếu một số liên lạc có nhiều số điện thoại hoặc nhiều địa chỉ, bạn có thể dễ dàng gọi hoặc gửi tin nhắn tới số liên lạc này theo một số điện thoại hoặc một địa chỉ nhất định. Số mặc định cũng được sử dụng trong chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

- 1 Trong **Contacts (Danh bạ)**, chọn một số liên lạc, và bấm .
- 2 Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Defaults (Mặc định)**.
- 3 Chọn một mục mặc định mà bạn sẽ thêm số điện thoại hoặc địa chỉ vào, và chọn **Assign (Gán)**.
- 4 Chọn một số điện thoại hoặc địa chỉ để cài làm giá trị mặc định.

Số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định được gạch chân trong thẻ liên lạc.

Sao chép số liên lạc

Để sao chép tên và số điện thoại từ thẻ SIM sang điện thoại, bấm , và chọn **Contacts (Danh bạ)** > **Options (Tùy chọn)** > **SIM contacts (Các số liên lạc trên SIM)** > **SIM directory (Thư mục thẻ SIM)**. Chọn những tên bạn muốn sao chép và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Copy to Contacts (Sao chép vào Danh bạ)**.

Để sao chép các số liên lạc vào thẻ SIM, bấm , và chọn **Contacts (Danh bạ)**. Chọn những tên bạn muốn sao chép và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Copy to SIM direct. (Sao chép vào thư mục thẻ SIM)**; hoặc chọn **Options (Tùy chọn)** > **Copy** > **To SIM directory (Tới thư mục thẻ SIM)**. Chỉ những trường thẻ liên lạc được thẻ SIM hỗ trợ mới được sao chép.

 **Mẹo!** Bạn có thể đồng bộ các số liên lạc với máy PC tương thích bằng Nokia PC Suite.

SIM directory (Thư mục thẻ SIM) và các dịch vụ SIM

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Bấm , và chọn **Contacts (Danh bạ) > Options (Tùy chọn) > SIM contacts (Các số liên lạc trên SIM) > SIM directory (Thư mục thẻ SIM)** để xem tên và các số điện thoại được lưu trong thẻ SIM. Trong thư mục thẻ SIM bạn có thể thêm, chỉnh sửa, hoặc sao chép các số điện thoại vào các số liên lạc, và có thể thực hiện các cuộc gọi.

Để xem danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options (Tùy chọn) > SIM contacts (Các số liên lạc trên SIM) > Fixed dialling contacts (Các số liên lạc quay số ẩn định)**. Cài đặt này chỉ hiển thị nếu được thẻ SIM hỗ trợ.

Để hạn chế các cuộc gọi từ điện thoại đến các số điện thoại đã chọn, chọn **Options (Tùy chọn) > Activ. fixed dialling (Kích hoạt gọi số ẩn định)**. Để thêm số mới vào danh sách số gọi ẩn định, chọn **Options (Tùy chọn) > New SIM contact (Số liên lạc mới trên SIM)**. Bạn phải nhập mã PIN2 cho các chức năng này.

Khi bạn sử dụng chức năng **Fixed dialling (Gọi số ẩn định)**, bạn có thể sẽ không thực hiện được các kết nối dữ liệu gói, ngoại trừ việc gửi tin nhắn văn bản qua kết nối dữ liệu gói. Trong trường hợp này, số trung tâm nhắn tin và số điện thoại của người nhận phải có trong danh sách số gọi ẩn định.

Khi chức năng gọi số ẩn định được kích hoạt, bạn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Gán nhạc chuông cho các số liên lạc

Khi số liên lạc hoặc thành viên của nhóm đó gọi cho bạn, điện thoại sẽ phát kiểu chuông được chọn (nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này).

- 1 Bấm  để mở thẻ liên lạc hoặc vào danh sách nhóm và chọn một nhóm liên lạc.
- 2 Chọn **Options (Tùy chọn) > Ringing tone (Kiểu chuông)**. Danh sách các kiểu chuông sẽ mở ra.
- 3 Chọn kiểu chuông bạn muốn sử dụng cho số liên lạc riêng hoặc nhóm được chọn.

Tạo các nhóm liên lạc

- 1 Trong **Contacts (Danh bạ)**, bấm  để mở danh sách các nhóm.
- 2 Chọn **Options (Tùy chọn) > New group (Nhóm mới)**.
- 3 Nhập tên cho nhóm hoặc sử dụng tên mặc định **Group (Nhóm)** (trong đó là số nhóm), và chọn **OK**.
- 4 Mở nhóm, và chọn **Options (Tùy chọn) > Add members (Thêm thành viên)**.
- 5 Di chuyển đến một số liên lạc và bấm  để chọn nó. Để thêm cùng lúc nhiều thành viên, lặp lại thao tác này với tất cả các số liên lạc bạn muốn.
- 6 Chọn **OK** để thêm các số liên lạc vào nhóm.

Để đổi tên một nhóm, chọn **Options (Tùy chọn) > Rename (Đổi tên)**, nhập tên mới vào, và chọn **OK**.

Xóa thành viên khỏi nhóm

- 1 Trong danh sách nhóm, mở nhóm bạn muốn sửa đổi.
- 2 Di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options (Tùy chọn) > Remove from group (Xóa khỏi nhóm)**.
- 3 Chọn **Yes (Có)** để xóa số liên lạc ra khỏi nhóm.

 **Mẹo!** Để kiểm tra xem một số liên lạc đang thuộc nhóm nào, di chuyển đến số liên lạc này, và chọn **Options (Tùy chọn) > Belongs to groups (Thuộc các nhóm)**.



Dịch vụ

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ thường có các trang web được thiết kế đặc biệt để dùng trên các thiết bị di động. Những trang Web này sử dụng ngôn ngữ đánh dấu không dây (WML), ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng (XHTML), hoặc ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML).

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả, và các loại phí của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Bấm , và chọn **Services (Dịch vụ)**.

 **Phím tắt:** Để kết nối, bấm và giữ  khi ở chế độ chờ.

Điểm truy cập Dịch vụ

Để truy cập các trang, bạn cần các cài đặt dịch vụ cho trang bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn dạng văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp trang Web. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)", trên trang 38. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

 **Mẹo!** Các cài đặt có thể được đăng tải sẵn trên trang Web của nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhập cài đặt theo cách thủ công

- 1 Bấm , chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Connection (Kết nối) > Access points (Điểm truy cập)**, và xác định cài đặt cho điểm truy cập. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Xem phần "[Connection \(Kết nối\)](#)", trên trang 97.
- 2 Bấm , và chọn **Services (Dịch vụ) > Options (Tùy chọn) > Bookmark manager (Quản lý chỉ mục) > Add bookmark (Lưu chỉ mục)**. Đặt một tên cho chỉ mục và địa chỉ của trang trình duyệt xác định điểm truy cập hiện tại.
- 3 Để cài điểm truy cập đã tạo làm điểm truy cập mặc định, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Access point (Điểm truy cập)**.

Giao diện chỉ mục

Màn hình chỉ mục mở khi bạn mở **Services (Dịch vụ)**.

Điện thoại của bạn có một số chỉ mục dẫn đến một số trang không liên kết với Nokia. Nokia sẽ không chúng nhận hoặc chấp thuận các trang này. Nếu

muốn truy cập các trang này, bạn nên đề phòng về an toàn hoặc nội dung như ở bất kỳ trang Internet nào.

 cho biết trang bắt đầu được xác định cho điểm truy cập mặc định.

Kết nối an toàn

Nếu chỉ báo an toàn  hiển thị trong quá trình kết nối, việc truyền dữ liệu giữa thiết bị và cổng Internet hoặc server được mã hóa.

Biểu tượng an toàn không chỉ báo việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn (hoặc nơi lưu nội dung nguồn yêu cầu) được bảo vệ. Nhà cung cấp dịch vụ bảo vệ việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn.

Chọn **Options (Tùy chọn) > Details (Chi tiết) > Security (Bảo mật)** để xem các thông tin chi tiết về tình trạng kết nối, trạng thái mã hóa, thông tin về server và việc xác nhận dành cho người sử dụng.

Các chứng chỉ bảo mật có thể được yêu cầu cho một số dịch vụ, ví dụ như các dịch vụ ngân hàng. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn. Xem phần also "**Certif. management (Quản lý chứng chỉ)**", trên trang 101.

Trình duyệt

 **Chú ý:** Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Để tải xuống một trang, chọn một chỉ mục hoặc điền địa chỉ vào trường .

Để mở các đường dẫn và đánh dấu các hộp chọn, bấm .

Để trở về trang trước trong khi trình duyệt, chọn **Back (Trở về)**. Nếu lệnh **Back (Trở về)** không có, chọn **Options (Tùy chọn) > Navigation options (Tùy chọn điều hướng) > History (Nhật ký)** để xem tổng quan cỡ nhỏ của các trang đã truy cập (hoặc danh sách các trang đã truy cập) trong một phiên trình duyệt.

Để tải về nội dung mới nhất từ server, chọn **Options (Tùy chọn) > Navigation options (Tùy chọn điều hướng) > Reload (Tải lại)**.

Để lưu chỉ mục, chọn **Options (Tùy chọn) > Save as bookmark (Lưu làm chỉ mục)**.

 **Mẹo!** Để truy cập vào giao diện chỉ mục trong khi đang trình duyệt, bấm và giữ . Để trở về cửa sổ trình duyệt, chọn **Options (Tùy chọn) > Back to page (Trở về trang)**.

Để lưu một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced options (Tùy chọn nâng cao) > Save page (Lưu trang)** (tùy chọn này có thể không khả dụng). Bạn có thể lưu các trang vào bộ nhớ của máy hoặc thẻ nhớ tương thích (nếu được lắp), và xem lại các trang này không cần kết nối mạng. Để truy cập vào các trang này sau, bấm  trong giao diện chỉ mục, để mở giao diện **Saved pages (Những trang đã lưu)**.

Để nhập một địa chỉ URL mới, chọn **Options (Tùy chọn) > Navigation options (Tùy chọn điều hướng) > Go to web address (Tới địa chỉ web)**.

Bạn có thể tải về các tập tin không được hiển thị trên trang trình duyệt, ví dụ như kiểu chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề và đoạn phim. Để tải xuống, di chuyển đến liên kết tương ứng và bấm .

Khi bạn bắt đầu tải xuống, danh sách các tải xuống đang tiếp tục, tạm dừng, và đã hoàn tất từ phiên trình duyệt hiện thời sẽ được hiển thị. Để xem danh sách, chọn **Options (Tùy chọn) > Tools (Công cụ) > Downloads (Tải xuống)**. Trong danh sách này, di chuyển đến một mục, và bấm **Options (Tùy chọn)** để tạm dừng, tiếp tục lại, hoặc hủy các tải xuống đang diễn ra, hoặc mở, lưu, hoặc xóa những tải xuống đã hoàn tất.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

 **Chú ý:** Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các mục

Bạn có thể tải xuống các mục như nhạc chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và các đoạn phim. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí hoặc bạn có thể mua chúng. Các mục tải xuống được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng của chúng trong điện thoại. Ví dụ, một ảnh tải xuống được lưu trong **Gallery (Bộ sưu tập)**.

 **Chú ý:** Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

- 1 Để tải xuống, di chuyển đến đường dẫn tương ứng và bấm .
- 2 Chọn tùy chọn thích hợp để mua mục này.

- 3 Đọc cẩn thận tất cả thông tin được cung cấp.
Để tiếp tục việc tải xuống, chọn **Accept (Nhận)**.
Để hủy việc tải xuống, chọn **Cancel (Hủy)**.

Ngưng kết nối

Để ngắt kết nối và xem trang trình duyệt không trực tuyến, chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced options (Tùy chọn nâng cao) > Disconnect (Ngắt kết nối)**.
Để ngưng kết nối và đóng trình duyệt, chọn **Options (Tùy chọn) > Exit (Thoát)**.

Dọn cache

Thông tin hoặc dịch vụ bạn vừa truy cập được lưu trong bộ nhớ cache của điện thoại.

Cache là một vị trí bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu bạn thử truy cập hoặc đã truy cập các thông tin bảo mật cần đến mật mã, làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Thông tin hoặc dịch vụ mà bạn đã truy cập sẽ được lưu trong bộ nhớ cache. Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced options (Tùy chọn nâng cao) > Clear cache (Xóa bộ nhớ cache)**.

Cài đặt dịch vụ

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Access point (Điểm truy cập) — Để thay đổi điểm truy cập mặc định. Xem phần "**Connection (Kết nối)**", trên trang 97. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

Load imgs. & sounds (Tải hình ảnh & âm thanh) — Chọn hoặc không chọn tải hình trong khi trình duyệt. Nếu bạn chọn **No (Không)**, để tải hình ảnh sau trong khi trình duyệt, chọn **Options (Tùy chọn) > Show images (Hiển thị hình ảnh)**.

Font size (Cỡ chữ) — Chọn cỡ chữ.

Default encoding (Chế độ mã hóa mặc định) — Nếu các ký tự văn bản không hiển thị đúng, bạn có thể chọn cách mã hóa khác tùy theo ngôn ngữ.

Auto. bookmarks (Tự thu thập chỉ mục) — Bật hoặc tắt tính năng thu thập chỉ mục tự động. Nếu bạn muốn tiếp tục thu thập các chỉ mục tự động nhưng ẩn giấu thư mục khỏi giao diện chỉ mục, chọn **Hide folder (Ẩn thư mục)**.

Screen size (Kích thước màn hình) — Để chọn nội dung hiển thị khi bạn đang trình duyệt: **Select. keys only (Chỉ những phím đã chọn)** hoặc **Full screen (Toàn màn hình)**.

Homepage (Trang chủ) — Chọn trang chủ.

Search page (Tìm trang) — Xác định trang Web sẽ được tải xuống khi bạn chọn **Navigation options (Tùy chọn điều hướng)** > **Open search page (Mở tìm kiếm web)** trong giao diện chỉ mục, hoặc khi trình duyệt.

Volume (Âm lượng) — Nếu bạn muốn trình duyệt để phát các âm thanh được nhúng trong các trang web, hãy chọn một mức âm lượng.

Rendering (Hiển thị) — Nếu bạn muốn bố cục trang được hiển thị chính xác nhất có thể khi ở chế độ

Small screen (Màn hình nhỏ), chọn **By quality (Theo chất lượng)**. Nếu bạn không muốn tải về các bảng chứa thuộc tính trình bày xếp tầng mở rộng, chọn **By speed (Theo tốc độ)**.

Cookies (Cookie) — Để cho phép hoặc không cho phép nhận và gửi các cookie.

Java/ECMA script (Mã script Java/ECMA) — Cho phép hoặc không cho phép sử dụng các đoạn mã script.

Security warnings (Cảnh báo bảo mật) — Ẩn hoặc hiện các chỉ báo bảo mật.

Conf. DTMF sending (Đang gửi DTMF cấu hình) — Chọn xem bạn có muốn xác nhận trước khi điện thoại gửi âm bấm phím trong khi đang có cuộc gọi thoại hay không. Xem thêm phần "[Các tùy chọn trong khi gọi](#)", trên trang 56.

My own (Cá nhân)



Máy nghe nhạc

Bấm , và chọn **My own (Cá nhân) > Music player (Máy nghe nhạc)**. Với máy nghe nhạc, bạn có thể nghe các tập tin nhạc, tạo và nghe các danh sách nhạc.



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn. Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Thêm nhạc

Khi bạn mở máy nghe nhạc lần đầu tiên, máy nghe nhạc sẽ tìm kiếm các tập tin nhạc trong bộ nhớ trên máy để tạo một thư viện nhạc.

Sau khi thêm hoặc xóa các tập tin nhạc trong điện thoại, hãy cập nhật thư viện nhạc của bạn. Chọn **Options (Tùy chọn) > Music library (Thư viện nhạc) > Options (Tùy chọn) > Update Music library (Cập nhật Thư viện nhạc)**.



Mẹo! Bạn có thể chuyển các tập tin nhạc từ điện thoại vào thẻ nhớ tương thích (nếu có) bằng ứng dụng Nokia PC Suite.

Phát nhạc

Khi mở máy nghe nhạc, bài nhạc hoặc danh sách nhạc được phát trước đó sẽ được hiển thị. Để xem thư viện nhạc, chọn **Options (Tùy chọn) > Music library (Thư viện nhạc)** và chọn danh sách bài hát bạn muốn. Để bắt đầu phát các bài hát trong giao diện, chọn **Options (Tùy chọn) > Play (Phát)**.

Khi một bài hát đang được phát, để thay đổi giữa phát và tạm dừng, bấm  và .

Để dừng bài hát, bấm . Để tiến nhanh về trước hoặc tua lại, bấm và giữ  hoặc . Để phát bài hát kế tiếp hoặc bài hát trước đó, bấm  hoặc .

Để lưu danh sách bài hát làm danh sách nhạc, chọn **Options (Tùy chọn) > Add to track list (Thêm vào danh sách nhạc)**, và tạo một danh sách nhạc mới, hoặc chọn một danh sách đã lưu.

Để điều chỉnh âm lượng, bấm  hoặc .

Để chọn thay đổi giữa chế độ phát ngẫu nhiên và phát bình thường, chọn **Options (Tùy chọn) > Random play (Phát ngẫu nhiên)**. Để chọn ngừng phát ở cuối danh sách nhạc hoặc bắt đầu lại từ đầu danh sách nhạc, chọn **Options (Tùy chọn) > Loop (Lặp lại)**.

Các biểu tượng trong **Music player (Máy nghe nhạc)**:  — Lặp lại;  — Ngẫu nhiên;  — Lặp lại và ngẫu nhiên; và  — Tắt loa.

 **Mẹo!** Để thoát khỏi một ứng dụng đang mở và máy nghe nhạc đang chạy ẩn, bấm  để trở về chế độ chờ. Để trở về ứng dụng, bấm , và chọn **Music player (Máy nghe nhạc)**.

Để mở các chỉ mục Web để tải nhạc xuống, chọn **Options (Tùy chọn) > Track downloads (Đoạn nhạc tải xuống)**.

Để trở về chế độ chờ và vẫn giữ máy nghe nhạc chạy ẩn, chọn **Options (Tùy chọn) > Play in background (Chạy ẩn)**.

Thư viện nhạc

Để xem thư viện nhạc, chọn **Options (Tùy chọn) > Music library (Thư viện nhạc)** **All tracks (Tất cả các đoạn nhạc)** liệt kê tất cả các bài nhạc. Để xem các bài hát theo thứ tự, chọn **Artists (Nghệ sĩ)**, **Albums (Album)**, **Genres (Thể loại)**, hoặc **Composers**

(Nhạc sĩ). Thông tin về album, nghệ sĩ, thể loại và nhạc sĩ này được thu thập từ các tag ID3 hoặc M4A của các tập tin bài hát, nếu có.

Để thêm bài hát, album, nghệ sĩ, thể loại, hoặc nhạc sĩ vào danh sách nhạc, chọn các mục và chọn **Options (Tùy chọn) > Add to track list (Thêm vào danh sách nhạc)**. Bạn có thể tạo danh sách bài hát mới hoặc thêm vào một danh sách hiện có.

Để xem các danh sách nhạc, chọn **Track lists (Danh sách đoạn nhạc)**. Để tạo một danh sách nhạc mới, chọn **Options (Tùy chọn) > New track list (Danh sách đoạn nhạc mới)**. Khi đang xem một danh sách nhạc do bạn tự tạo, để thêm bài hát, chọn **Options (Tùy chọn) > Add tracks (Thêm các đoạn nhạc)**.

Để xóa danh sách nhạc, bấm . Việc xóa danh sách bài hát chỉ có thể xóa danh sách bài hát, không xóa được các tập tin nhạc trong đó.



Visual Radio (dịch vụ mạng)

Bạn có thể sử dụng ứng dụng Visual Radio như một đài FM thông thường với chức năng dò đài tự động và các kênh đã lưu. Nếu bạn muốn chính đến những đài cung cấp dịch vụ Visual Radio, bạn có thể xem thông tin trực quan trên màn hình liên quan đến chương

trình radio này. Các dịch vụ Visual Radio sử dụng dữ liệu gói (dịch vụ mạng). Bạn có thể nghe đài FM trong khi sử dụng các ứng dụng khác trên điện thoại.

Để sử dụng dịch vụ Visual Radio, phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Điện thoại phải được bật lên.
- Điện thoại phải có một thẻ SIM hợp lệ.
- Đài bạn chọn nghe và nhà điều hành mạng phải hỗ trợ dịch vụ này.
- Điểm truy nhập Internet của bạn phải được xác định để truy nhập đến server visual radio của nhà điều hành. Xem phần "[Access points \(Điểm truy cập\)](#)", trên trang 97.
- Kênh radio phải có số ID dịch vụ Visual Radio đúng và có hỗ trợ dịch vụ Visual Radio. Xem phần "[Các kênh đã lưu](#)", trên trang 73.

Nếu bạn không có điểm truy cập vào dịch vụ Visual Radio, các nhà điều hành và trạm phát radio tại khu vực của bạn có thể không hỗ trợ dịch vụ này. Dịch vụ Visual Radio có thể không có tại tất cả các khu vực và quốc gia.

Chất lượng nghe Radio FM không phụ thuộc vào ăng-ten vô tuyến của điện thoại mà tùy thuộc vào ăng-ten radio. Bạn phải gắn tai nghe hoặc phụ kiện tương thích với điện thoại để đài FM hoạt động đúng.

Bạn có thể nghe radio bằng loa tích hợp hoặc tai nghe tương thích. Khi sử dụng loa, phải cắm tai nghe vào điện thoại. Dây dẫn của bộ tai nghe có chức năng như một ăng-ten radio, vì vậy không để dây xoắn lại.



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn. Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Bạn có thể gọi hoặc trả lời cuộc gọi đến trong khi đang nghe radio. Radio sẽ tắt khi có cuộc gọi, và sẽ tự động khởi động lại khi cuộc gọi này kết thúc.

Radio chọn băng tần dựa trên thông tin nhận được từ mạng.

Có thể sử dụng dịch vụ Visual Radio để nghe khi nắp điện thoại đóng. Thông tin kênh có thể được hiển thị trên màn hình phụ. Để tắt hoặc bật radio, bấm phím trên nắp.

Nghe radio

Lưu ý chất lượng phát sóng radio phụ thuộc mức độ phủ sóng của đài phát thanh ở từng khu vực cụ thể.

Nối một tai nghe tương thích với điện thoại. Dây dẫn của bộ tai nghe có chức năng như một ăng-ten radio, vì vậy không nên để dây xoắn lại. Bấm , và chọn **My own (Cá nhân) > Radio (Đài FM)**.

Để bắt đầu tìm kênh, chọn  hoặc . Việc tìm kiếm sẽ kết thúc khi đã dò đúng kênh. Để thay đổi tần số theo cách thủ công, chọn **Options (Tùy chọn) > Manual tuning (Dò đài thủ công)**.

Nếu bạn đã lưu kênh radio trước đó, chọn  hoặc  để di chuyển đến kênh đã lưu trước đó hoặc kế tiếp. Để chọn vị trí bộ nhớ kênh, bấm phím số tương ứng

Để điều chỉnh âm lượng, bấm  hoặc . Để nghe radio bằng loa, chọn **Options (Tùy chọn) > Activate loudspeaker (Bật loa)**.

Để xem các kênh hiện có theo vị trí, chọn **Options (Tùy chọn) > Station directory (Danh mục kênh)** (dịch vụ mạng).

Để lưu kênh đã dò vào danh sách, chọn **Options (Tùy chọn) > Save station (Lưu kênh)**. Để mở danh sách các kênh đã lưu, chọn **Options (Tùy chọn) > Stations (Kênh)**. Xem phần "Các kênh đã lưu", trên trang 73.



Để trở về chế độ chờ và vẫn giữ đài FM chạy ẩn, chọn **Options (Tùy chọn) > Play in background (Chạy ẩn)**.

Xem nội dung trực quan

Để kiểm tra tính khả dụng và mức cước phí cũng như cách thức đăng ký thuê bao dịch vụ, xin liên hệ nhà điều hành mạng và nhà cung cấp dịch vụ.

Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh đã dò, chọn  hoặc **Options (Tùy chọn) > Start visual service (Khởi động dịch vụ trực quan)**. Nếu mã ID dịch vụ trực quan cho kênh chưa được lưu, nhập mã này vào, hoặc chọn **Retrieve (Tải tin)** để tìm trong danh mục kênh (dịch vụ mạng).

Khi kết nối dịch vụ trực quan được thiết lập, màn hình sẽ hiển thị nội dung trực quan hiện tại do nhà cung cấp nội dung thiết kế.

Để hiệu chỉnh cài đặt hiển thị cho giao diện nội dung trực quan, chọn **Options (Tùy chọn) > Display settings (Cài đặt hiển thị) > Lighting (Ánh sáng)** hoặc **Power saver time-out (Thời gian chờ của chế độ tiết kiệm điện)**.

Các kênh đã lưu

Bạn có thể lưu tối đa 20 kênh radio trong Visual Radio. Để mở danh sách kênh, chọn **Options (Tùy chọn) > Stations (Kênh)**.

Để nghe kênh đã lưu, chọn **Options (Tùy chọn) > Station (Kênh) > Listen (Nghe)**.

Để thay đổi chi tiết kênh, chọn **Options (Tùy chọn) > Station (Kênh) > Edit (Chỉnh sửa)**.

Cài đặt

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Start-up tone (Âm khởi động) — Để chọn âm sẽ phát khi khởi động ứng dụng.

Auto-start service (Tự khởi động dịch vụ) — Để dịch vụ Visual Radio tự khởi động khi bạn chọn kênh đã lưu có cung cấp dịch vụ trực quan, chọn **Yes (Có)**.

Access point (Điểm truy cập) — Để chọn điểm truy cập dùng để kết nối dữ liệu. Bạn không cần phải có điểm truy cập để sử dụng ứng dụng như một đài FM thông thường.



Inhắn tin trò chuyện (dịch vụ mạng)

Bấm **g**, và chọn **My own (Cá nhân) > IM**.

Nhắn tin trò chuyện (IM) cho phép bạn trò chuyện với người sử dụng tin nhắn trò chuyện và tham gia và diễn đàn (các nhóm IM) với các chủ đề khác nhau. Các nhà cung cấp dịch vụ khác nhau vận hành các máy chủ IM mà bạn có thể đăng nhập vào sau khi đăng ký dịch vụ IM. Các chức năng được hỗ trợ bởi mỗi nhà cung cấp dịch vụ có thể khác nhau.

Chọn **Conversations (Cuộc trò chuyện)** để bắt đầu hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện với người sử dụng IM; **IM contacts (Sổ liên lạc IM)** để tạo, chỉnh sửa, hoặc xem trạng thái trực tuyến của các sổ liên lạc IM; **IM groups (Các nhóm IM)** để bắt đầu hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện với nhiều người sử dụng IM; hoặc **Record. chats (Cuộc trò chuyện đã ghi)** để xem phiên IM đã lưu lại trước đó.

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả, hướng dẫn, và các loại phí của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhận thông số cài đặt

Bạn phải lưu các thông số cài đặt để truy cập dịch vụ mà bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ IM. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)", trên trang 38. Bạn cũng có thể nhập các thông số cài đặt theo cách thủ công. Xem phần "[Cài đặt server trò chuyện](#)", trên trang 77.

Kết nối với server IM

- Để kết nối với server IM hiện đang sử dụng, mở menu **IM**, và chọn **Options (Tùy chọn) > Login (Đăng nhập)**. Để thay đổi server IM đang sử dụng và lưu server IM mới, xem phần "[Cài đặt server trò chuyện](#)", trên trang 77.
- Nhập tên thuê bao và mật mã, và bấm  để đăng nhập. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp cho bạn mã thuê bao và mật mã dùng cho server IM.
- Để thoát ra, chọn **Options (Tùy chọn) > Logout (Thoát)**.

Chỉnh sửa cài đặt IM

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > IM settings (Cài đặt IM)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Use screen name (Tên hiển thị) (chỉ hiển thị nếu server hỗ trợ các nhóm IM) — Để nhập biệt hiệu, chọn **Yes (Có)**.

IM presence (Hiện diện IM) — Để cho phép những người khác thấy bạn đang trực tuyến, chọn **Active for all (Hoạt động cho tất cả)**.

Allow messages from (Cho phép tin nhắn từ) — Để cho phép các tin nhắn từ tất cả, chọn **All (Tất cả)**.

Allow invitations from (Cho phép lời mời từ) — Để chỉ cho phép nhận những lời mời từ các số liên lạc trong danh bạ IM, chọn **IM contacts only (Chỉ các số liên lạc IM)**. Các lời mời IM sẽ được gửi bởi các số liên lạc IM, những người muốn bạn tham gia vào các nhóm của họ, đến bạn.

Msg. scrolling speed (Tốc độ hiển thị tin nhắn) — Để chọn tốc độ tin nhắn mới sẽ được hiển thị.

Sort IM contacts (Sắp xếp số liên lạc IM) —

Để chọn cách sắp xếp các số liên lạc IM.

Alphabetically (Theo thứ tự trong bảng chữ cái) hoặc **By online status (Theo trạng thái trực tuyến)**.

Availabil. reloading (Cập nhật trạng thái khả dụng) —

Để chọn cách cập nhật thông tin về tình trạng trực tuyến hay không trực tuyến của các liên lạc IM, chọn **Automatic (Tự động)** hoặc **Manual (Thủ công)**.

Offline contacts (Các số liên lạc không trực tuyến) —

Chọn hiển thị hoặc không hiển thị các số liên lạc IM có trạng thái không trực tuyến trong danh sách các số liên lạc IM.

Tìm kiếm nhóm và người dùng IM

Để tìm nhóm, trong giao diện **IM groups (Các nhóm IM)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Search (Tìm)**. Bạn có thể tìm theo **Group name (Tên nhóm)**, **Topic (Chủ đề)**, và **Members (Thành viên)** (mã thuê bao).

Để tìm người sử dụng, trong giao diện **IM contacts (Số liên lạc IM)**, chọn **Options (Tùy chọn) > New IM contact (Số liên lạc IM mới) > Search from server (Tìm từ server)**. Bạn có thể tìm theo **User's name (Tên người dùng)**, **User ID (Mã thuê bao)**, **Phone number (Số điện thoại)**, và **E-mail address (Địa chỉ e-mail)**.

Tham gia vào các nhóm IM

Thư mục **IM groups (Các nhóm IM)** sẽ hiển thị danh sách các nhóm IM mà bạn đã lưu hay đang tham gia vào.

Để tham gia vào một nhóm IM đã lưu, bấm .

Để tham gia vào nhóm IM không có trong danh sách, nhưng bạn biết mã ID của nhóm này, chọn **Options (Tùy chọn) > Join new group (Tham gia nhóm mới)**.

Để thoát khỏi nhóm IM này, chọn **Options (Tùy chọn) > Leave IM group (Rời nhóm IM)**.

Trò chuyện

Sau khi tham gia vào một nhóm IM, bạn có thể xem các tin nhắn được trao đổi trong nhóm và gửi các tin nhắn của riêng bạn.

Để gửi tin nhắn, soạn tin nhắn trong trường soạn thảo tin nhắn, và bấm .

Để gửi một tin nhắn riêng tới một thành viên, chọn **Options (Tùy chọn) > Send private msg. (Gửi tin nhắn riêng)**.

Để trả lời tin nhắn riêng gửi cho bạn, chọn tin nhắn này và chọn **Options (Tùy chọn) > Reply (Trả lời)**.

Để mời các số liên lạc IM đang trực tuyến tham gia vào nhóm IM, chọn **Options (Tùy chọn) > Send invitation (Gửi lời mời)**.

Để ngăn không nhận các tin nhắn từ một số thành viên nào đó, chọn **Options (Tùy chọn) > Blocking options (Tùy chọn chặn)** và chọn tùy chọn theo ý muốn.

Ghi cuộc trò chuyện

Để ghi lại những tin nhắn được trao đổi trong một cuộc trò chuyện hoặc trong khi bạn tham gia vào một nhóm IM, chọn **Options (Tùy chọn) > Record chat (Ghi cuộc trò chuyện)**. Để ngừng ghi âm, bấm **Options (Tùy chọn) > Stop recording (Ngừng ghi)**. Để xem những cuộc trò chuyện đã ghi lại, trong màn hình chính, chọn **Record. chats (Cuộc trò chuyện đã ghi)**.

Xem và bắt đầu cuộc trò chuyện

Giao diện **Conversations (Cuộc trò chuyện)** sẽ hiển thị danh sách những cá nhân tham gia mà bạn đang trò chuyện với họ. Cuộc trò chuyện hiện thời sẽ tự đóng lại khi bạn thoát khỏi **IM**.

Để bắt đầu cuộc trò chuyện, di chuyển đến một nhóm, và bấm **■**.

Để tiếp tục cuộc trò chuyện, viết tin nhắn của bạn và bấm **■**.

Để trở về danh sách cuộc trò chuyện mà không đóng cuộc trò chuyện hiện tại, chọn **Back (Trở về)**. Để đóng cuộc trò chuyện, chọn **Options (Tùy chọn) > End conversation (Kết thúc cuộc trò chuyện)**.

Để bắt đầu cuộc trò chuyện mới, chọn **Options (Tùy chọn) > New conversation (Cuộc trò chuyện mới)**.

Để lưu một thành viên vào danh bạ IM, chọn **Options (Tùy chọn) > Add to IM contacts (Thêm vào danh bạ IM)**.

Để tự gửi tin trả lời cho tin nhắn gửi đến, chọn **Options (Tùy chọn) > Set auto reply on (Bật tự động trả lời)**. Bạn vẫn có thể nhận các tin nhắn.

Số liên lạc IM

Trong giao diện **IM contacts (Số liên lạc IM)**, bạn có thể nhận các danh sách liên lạc trò chuyện từ server, hoặc thêm một số liên lạc trò chuyện mới vào danh sách liên lạc. Khi bạn đăng nhập vào máy chủ, danh sách trò chuyện đã sử dụng trước đó đã được tự động tải về từ máy chủ.

Cài đặt server trò chuyện

Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)** > **Server settings (Cài đặt server)**. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ trò chuyện. Bạn sẽ nhận Mã thuê bao và mật mã từ nhà cung cấp dịch vụ khi bạn đăng ký dịch vụ này. Nếu bạn không biết Mã thuê hoặc mật mã, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Servers (Các máy chủ) — Xem danh sách tất cả các server IM đã được xác định.

Default server (Server mặc định) — Thay đổi server IM bạn muốn kết nối.

IM login type (Loại đăng nhập IM) — Để tự động đăng nhập khi bạn kích hoạt IM, chọn **On app. start-up (Khi khởi động ứng dụng)**.

Để thêm một server mới vào danh sách server IM, chọn **Servers (Các máy chủ)** > **Options (Tùy chọn)** > **New server (Server mới)**. Nhập các cài đặt sau:

Server name (Tên server) — tên của server trò chuyện

Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng) — điểm truy cập bạn muốn sử dụng cho server này

Web address (Địa chỉ web) — địa chỉ URL của server IM

User ID (Mã thuê bao) — mã ID thuê bao

Password (Mật mã) — mật mã đăng nhập của bạn



Go to (Chọn)—
gán phím tắt

Bấm , và chọn **My own (Cá nhân)** > **Go to (Chọn)**.

Các phím tắt mặc định bao gồm:  mở **Calendar (Lịch)**,  mở Inbox, và **Inbox (Hộp thư đến)**, and  mở **Notes**.

Trò chơi

Bấm , và chọn **My own (Cá nhân)** và chọn một trò chơi. Để biết hướng dẫn về cách chơi trò chơi, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Help (Trợ giúp)**.



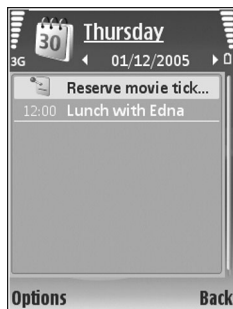
Lịch

Sử dụng **Calendar (Lịch)** để nhắc bạn về những cuộc họp, ngày kỷ niệm, và theo dõi công việc và các ghi chú khác.

Tạo các mục nhập lịch

☀ Phím tắt: Trong giao diện ngày, tuần, hoặc tháng, bấm phím bất kỳ (**1 – 0**). Mục cuộc hẹn sẽ được mở và các ký tự mà bạn đã nhập vào sẽ được thêm vào trường **Subject (Chủ đề)**.

- Bấm **☿**, và chọn **Calendar (Lịch)** > **Options (Tùy chọn)** > **New entry (Mục nhập mới)** và một trong các tùy chọn sau:
Meeting (Họp) — để nhắc bạn ngày và giờ cụ thể của cuộc hẹn
Memo (Ghi nhớ) — để viết một mục chung trong ngày



Anniversary (Ngày kỷ niệm) — để nhắc bạn về ngày sinh nhật và các ngày đặc biệt (các mục nhập được lặp lại hàng năm)

To-do (Công việc) — để nhắc bạn về một công việc cần làm trước một ngày cụ thể.

- Điền thông tin vào các trường cho sẵn. Để cài giờ báo thức, chọn **Alarm (Báo thức)** > **On (Bật)**, và nhập **Alarm time (Giờ báo thức)** và **Alarm date (Ngày báo thức)**.

Để thêm mô tả cho một cuộc họp, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Add description (Thêm mô tả)**.

- Để lưu mục nhập, chọn **Done (Xong)**.

Khi âm báo lịch phát, chọn **Silence (Im lặng)** để tắt âm báo lịch. Vẫn bản nhắc nhở vẫn còn ở trên màn hình. Để tắt âm báo lịch, chọn **Stop (Ngừng)**. Để cài phát lại âm báo, chọn **Snooze (Báo lại)**.

☀ Mẹo! Bạn có thể đồng bộ hóa lịch với một máy PC tương thích sử dụng bộ Nokia PC Suite. Khi tạo một mục nhập lịch, cài tùy chọn **Synchronisation (Đồng bộ)** bạn muốn.

Xem lịch

 **Mẹo!** Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)** để thay đổi ngày đầu tuần hoặc giao diện để hiển thị khi bạn mở lịch.

Trong chế độ xem tháng, những ngày có ghi chú lịch sẽ được đánh dấu bằng một hình tam giác nhỏ ở góc phải bên dưới. Trong giao diện tuần, các ghi nhớ và ngày kỷ niệm được đặt trước 8 giờ. Để chuyển giữa giao diện tháng, tuần, ngày và giao diện công việc, bấm *.

Để vào một ngày cụ thể, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Go to date (Chọn ngày)**. Để chuyển nhanh về ngày hôm nay, bấm #.

Để gửi ghi chú lịch tới một thiết bị tương thích, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Send (Gửi)**.

Để in các mục nhập lịch trên một máy in được trang bị cấu hình in cơ bản (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options (Tùy chọn)** > **Print (In)**.

Quản lý các mục nhập lịch của bạn

Việc xóa các mục cũ trong **Calendar (Lịch)** sẽ tiết kiệm bộ nhớ của điện thoại.

Để xóa nhiều sự kiện cùng một lúc, hãy vào giao diện tháng, và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Delete entry (Xóa mục nhập)** > **Before date (Trước ngày)** hoặc **All entries (Tất cả các mục nhập)**.

Để đánh dấu một công việc là đã hoàn tất, di chuyển đến công việc này trong giao diện công việc, và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Mark as done (Đánh dấu đã hoàn thành)**.

Cài đặt lịch

Để chỉnh sửa **Calendar alarm tone (Âm báo lịch)**, **Default view (Giao diện mặc định)**, **Week starts on (Tuần bắt đầu vào)**, và **Week view title (Tiêu đề giao diện tuần)**, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)**.

Các ứng dụng văn phòng



Máy tính

Để cộng, trừ, nhân, chia, và tính căn bậc hai và tỷ lệ phần trăm, bấm **fx**, và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Calculator (Máy tính)**.



Lưu ý: Máy tính có độ chính xác giới hạn và được thiết kế để thực hiện các phép tính đơn giản.



Bộ chuyển đổi

Để chuyển đổi các số đo từ một đơn vị về một đơn vị khác, bấm **fx**, và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Converter (Bộ chuyển đổi)**.

Converter (Bộ chuyển đổi) có độ chính xác giới hạn, và có thể có các lỗi làm tròn.

- 1 Trong trường **Type (Loại)**, chọn số đo bạn muốn sử dụng.

- 2 Trong trường **Unit (Đơn vị)** đầu tiên, chọn đơn vị bạn muốn chuyển đổi. Trong trường **Unit (Đơn vị)** kế tiếp, chọn đơn vị bạn muốn chuyển đổi ra.
- 3 Trong trường **Amount (Số tiền)** đầu tiên, nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Trường **Amount (Số tiền)** còn lại sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị chuyển đổi.

Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi

Chọn **Type (Loại) > Currency (Tiền tệ) > Options (Tùy chọn) > Currency rates (Tỷ giá chuyển đổi)**.

Trước khi thực hiện chuyển đổi tiền tệ, bạn cần chọn một loại tiền tệ cơ sở và thêm các tỉ giá chuyển đổi. Tỷ giá của tiền tệ gốc luôn luôn là 1.



Lưu ý: Khi bạn thay đổi tiền tệ gốc, bạn phải nhập tỉ giá mới vào vì tất cả các tỉ giá trước đó đã được chuyển về 0.



Ghi chú

Để viết ghi chú, bấm , và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Notes (Ghi chú)**. Bạn có thể gửi ghi chú đến các thiết bị tương thích, và lưu các tập tin văn bản đơn giản (dạng .txt) nhận được vào **Notes (Ghi chú)**.

Để in một ghi chú trên một máy in được trang bị cấu hình in cơ bản (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**.



Máy ghi âm

Để ghi một memo thoại, bấm , và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Recorder (Máy ghi âm)**. Để ghi một cuộc trò chuyện điện thoại, mở **Recorder (Máy ghi âm)** trong khi gọi. Cả người gọi và người nhận sẽ nghe một âm báo mỗi 5 giây khi ghi âm.

Bạn không thể sử dụng máy ghi âm khi đang có một cuộc gọi dữ liệu hoặc một kết nối GPRS đang hoạt động.

Cài đặt riêng điện thoại

Các ứng dụng đang mở và các thư mục có ứng dụng đang mở được chỉ báo bằng một biểu tượng nhỏ trong menu chính.

- Để sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh đến các ứng dụng được sử dụng thường xuyên, xem phần "[Active standby mode \(Chế độ active standby\)](#)", trên trang 84.
- Để thay đổi hình nền ở chế độ chờ hoặc nội dung hiển thị trong màn hình riêng, xem phần "[Thay đổi giao diện điện thoại](#)", trên trang 84.
- Để cài đặt riêng kiểu chuông, xem phần "[Profiles \(Cấu hình\)—cài đặt âm](#)", trên trang 83 và phần "[Gán nhạc chuông cho các số liên lạc](#)", trên trang 62.
- Để thay đổi các phím tắt được gán cho các hướng di chuyển khác nhau của phím di chuyển và các phím chọn khi ở chế độ chờ, xem phần



"[Standby mode \(Chế độ active standby\)](#)", trên trang 95.

- Để đặt cấu hình cho màn hình phụ, xem phần "[Cài đặt màn hình phụ](#)", trên trang 95.
- Để thay đổi cách hiển thị đồng hồ ở chế độ chờ, bấm , và chọn **Clock (Đồng hồ)** > **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)** > **Clock type (Kiểu đồng hồ)** > **Analogue (Đồng hồ cổ điển)** hoặc **Digital (Đồng hồ số)**.
- Để thay lời chào bằng một hình ảnh, bấm , và chọn **Tools (Công cụ)** > **Settings (Cài đặt)** > **Phone (Trên máy)** > **General (Bình thường)** > **Welcome note / logo (Lời chào / logo)**.
- Để thay đổi giao diện menu chính, trong menu chính, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Change view (Đổi giao diện)** > **Grid (Đường kẻ ô)** hoặc **List (Danh sách)**.
- Để sắp xếp lại menu chính, trong menu chính, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Move (Di chuyển)**, **Move to folder (Đời đến thư mục)**, hoặc **New folder (Thư mục mới)**. Bạn có thể di chuyển các ứng dụng ít sử dụng vào trong các thư mục và sắp xếp các ứng dụng thường dùng vào menu chính.



Profiles (Cấu hình)— cài đặt âm

Để cài đặt và tùy chỉnh nhạc chuông, âm báo có tin nhắn, và các điệu nhạc khác nhau cho các sự kiện, môi trường, hoặc nhóm người gọi đến khác nhau, bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Profiles (Cấu hình)**.

Để thay đổi cấu hình, bấm  khi ở chế độ chờ. Di chuyển đến cấu hình bạn muốn kích hoạt và chọn **OK**.

 **Mẹo!** Ở chế độ nắp gấp đóng, bấm  liên tục cho tới khi chế độ bạn chọn xuất hiện trong màn hình phụ, và bấm phím trên nắp.

Để chỉnh sửa một cấu hình, bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Profiles (Cấu hình)**. Di chuyển đến cấu hình, và chọn **Options (Tùy chọn) > Personalise (Cài đặt riêng)**. Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi, và bấm  để mở các tùy chọn. Nhạc chuông lưu trữ trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng . Bạn có thể xem qua danh sách nhạc chuông và nghe từng giai điệu trước khi quyết định chọn. Bấm phím bất kỳ để ngừng âm báo.

Khi bạn chọn một kiểu chuông, **Tone downloads (Nhạc âm tải về)** sẽ mở danh sách các chỉ mục. Bạn có thể chọn một chỉ mục và bắt đầu kết nối với trang Web để tải các kiểu chuông đó về.

Nếu bạn muốn điện thoại đọc tên người gọi khi có chuông, chọn **Options (Tùy chọn) > Personalise (Cài đặt riêng) > Say caller's name (Đọc tên người gọi) > On (Bật)**. Tên người gọi phải được lưu trong **Contacts (Danh bạ)**.

Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options (Tùy chọn) > Create new (Tạo hình mới)**.

Cấu hình không trực tuyến

Cấu hình **Offline (Không trực tuyến)** cho phép bạn sử dụng điện thoại mà không cần kết nối với mạng không dây. Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**, kết nối với mạng không dây sẽ bị ngắt, như được chỉ báo bởi biểu tượng  trong vùng chỉ báo cường độ tín hiệu. Tất cả tín hiệu điện thoại vô tuyến đi và đến điện thoại của bạn đều bị cấm. Nếu bạn cố gửi tin nhắn, chúng sẽ được đưa vào hộp thư đi để gửi sau.



Cảnh báo: Trong cấu hình offline, bạn không thể thực hiện hoặc nhận các cuộc gọi hoặc sử dụng những tính năng có yêu cầu vùng phủ sóng của mạng, ngoại trừ các cuộc gọi đến các số khẩn cấp nhất định. Để gọi điện, bạn phải kích hoạt chức năng của điện thoại trước bằng cách thay đổi các cấu hình. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã khóa vào.

Để thoát khỏi cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**, bấm **(1)**, và chọn một cấu hình khác. Điện thoại sẽ kích hoạt lại các phiên truyền vô tuyến (với điều kiện cường độ tín hiệu đủ mạnh). Nếu một kết nối Bluetooth được kích hoạt trước khi vào cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**, kết nối này sẽ bị ngắt. Kết nối Bluetooth sẽ tự động được kích hoạt trở lại sau khi thoát khỏi cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**. Xem phần "**Cài đặt**", trên trang 87.



Thay đổi giao diện điện thoại

Để thay đổi giao diện màn hình, ví dụ như hình nền và các biểu tượng, bấm **⚙**, và chọn **Tools (Công cụ)** > **Themes (Chủ đề)**. Chủ đề hiện hành được chỉ báo bằng **✓**. Trong **Themes (Chủ đề)** bạn có thể nhóm các phần tử từ các chủ đề khác hoặc chọn các hình ảnh trong **Gallery (Bộ sưu tập)** để cá nhân

hóa chủ đề hơn nữa. Các chủ đề trên thẻ nhớ (nếu có) được chỉ báo bằng biểu tượng **📁**. Các chủ đề trên thẻ nhớ sẽ không khả dụng khi thẻ nhớ không được lắp vào điện thoại. Nếu bạn muốn sử dụng các chủ đề được lưu trong thẻ nhớ mà không cần đến thẻ nhớ, lưu các chủ đề này vào bộ nhớ điện thoại trước.

Để mở một kết nối trình duyệt và tải về thêm nhiều chủ đề, chọn **Theme downloads (Chủ đề tải xuống)**.

Để kích hoạt một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó, và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Apply (Áp dụng)**. Để xem một chủ đề trước khi kích hoạt, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Preview (Xem trước)**.

Để chỉnh sửa các chủ đề, di chuyển đến một chủ đề, và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Edit (Chỉnh sửa)** để thay đổi cài đặt **Wallpaper (Hình nền)** và **Power saver (Trình tiết kiệm điện)**.

Để khôi phục chủ đề được chọn trở về cài đặt gốc, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Restore orig. theme (Khôi phục chủ đề gốc)** khi chỉnh sửa một chủ đề.

Active standby mode (Chế độ active standby)

Sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh vào các ứng dụng bạn thường sử dụng. Theo mặc định, chế độ active standby sẽ được bật.

Bấm , chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Phone (Trên máy) > Standby mode (Chế độ chờ) > Active standby mode (Chế độ active standby)**, và bấm  để bật hoặc tắt chế độ chờ.

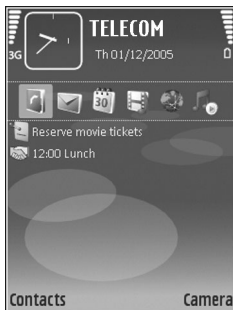
Màn hình chờ sẽ được hiển thị với các ứng dụng mặc định và lịch, ghi chú việc, và các sự kiện được liệt kê bên dưới.

Di chuyển đến một ứng dụng hoặc sự kiện và bấm .

Bạn không thể sử dụng các phím tắt của phím di chuyển chuẩn ở chế độ chờ khi chế độ active standby đang được kích hoạt.

Để thay đổi các phím tắt các ứng dụng mặc định, bấm , chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Phone (Trên máy) > Standby mode (Chế độ chờ) > Active standby apps. (Ứng dụng ở chế độ chờ)**, và bấm .

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.



Kết nối



Kết nối Bluetooth

Bạn có thể kết nối vô tuyến đến các thiết bị tương thích khác qua công nghệ không dây Bluetooth. Các thiết bị tương thích có thể là điện thoại di động, máy vi tính và phụ kiện nâng cấp như tai nghe và bộ phụ kiện trên xe. Bạn có thể sử dụng kết nối Bluetooth để gửi hình ảnh, video clip, nhạc và đoạn âm thanh, và ghi chú; để kết nối không dây với máy PC tương thích (ví dụ để truyền dữ liệu); và để kết nối với một máy in tương thích để in hình ảnh bằng chức năng **Image print (In ảnh)**. Xem phần "[In ảnh](#)", trên trang 25.

Vì các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau không quá 10 mét (33 bộ), tuy nhiên kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác.

Thiết bị này tuân theo Thông số Bluetooth 1.2 hỗ trợ các cấu hình sau: in cơ bản, truy cập chung, cổng song song, mạng quay số, tai nghe, rảnh tay, trao đổi đối tượng chung, đẩy đối tượng, truyền tập tin,

hình ảnh cơ bản, truy cập SIM, và thiết bị giao diện cá nhân. Để đảm bảo khả năng tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ công nghệ Bluetooth, hãy sử dụng các phụ kiện được Nokia phê chuẩn cho kiểu điện thoại này. Hãy kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích với thiết bị này.



Chú giải: Một cấu hình sẽ tương ứng với một dịch vụ hoặc một chức năng, và xác định cách thức các thiết bị khác có thể kết nối. Ví dụ, cấu hình loa nói trực tiếp được sử dụng giữa một thiết bị loa nói trực tiếp và điện thoại. Để các thiết bị tương thích với nhau, chúng phải hỗ trợ cấu hình giống nhau.

Có thể có các hạn chế khi sử dụng công nghệ Bluetooth ở một số nơi. Hãy kiểm tra với nhà chức trách địa phương hay nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Các tính năng sử dụng công nghệ Bluetooth hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm tuổi thọ của pin.

Khi điện thoại khóa, bạn không thể sử dụng kết nối Bluetooth. Xem phần "[Security \(Bảo mật\)](#)", trên trang [100](#) để biết thêm thông tin về cách khóa thiết bị.

Cài đặt

Bấm , và chọn **Connect (Kết nối) > Bluetooth**. Khi bạn mở ứng dụng lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu xác định tên thiết bị. Sau khi bạn đã kết nối Bluetooth và đổi **My phone's visibility (Phạm vi kết nối)** thành **Shown to all (Hiển thị tất cả)**, những người dùng khác có thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth có thể nhìn thấy điện thoại và tên này.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Bluetooth — Để kết nối không dây với một thiết bị tương thích khác, cài kết nối Bluetooth **On (Bật)**, sau đó thiết lập kết nối.

My phone's visibility (Phạm vi kết nối) — Để cho phép các thiết bị khác có công nghệ Bluetooth nhận thấy điện thoại của bạn, chọn **Shown to all (Hiển thị tất cả)**. Để giấu không cho các thiết bị khác nhìn thấy, chọn **Hidden (Ẩn)**.

My phone's name (Tên điện thoại) — Chính sửa tên điện thoại của bạn.

Remote SIM mode (Chế độ sử dụng SIM từ xa) — Để cho phép một thiết bị khác, chẳng hạn như bộ phụ kiện tương thích sử dụng trên xe, sử dụng thẻ SIM trong điện thoại để kết nối vào mạng, chọn **On (Bật)**.

Chế độ sử dụng SIM từ xa

Để sử dụng chế độ sử dụng SIM từ xa với một bộ phụ kiện tương thích sử dụng trên xe, bật kết nối Bluetooth, và cho phép sử dụng chế độ sử dụng SIM từ xa cùng với điện thoại của bạn. Trước khi có thể kích hoạt chế độ này, hai thiết bị phải được ghép với nhau và việc ghép được khởi tạo từ phụ kiện. Khi ghép, sử dụng mật mã gồm 16 chữ số, và cài phụ kiện là được phép. Xem phần "[Ghép nối thiết bị](#)", trên trang [89](#). Kích hoạt chế độ sử dụng SIM từ xa từ phụ kiện.

Khi bật chế độ sử dụng SIM từ xa trong điện thoại Nokia N71, **Remote SIM (SIM từ xa)** sẽ hiển thị ở chế độ chờ. Kết nối với mạng không dây sẽ bị ngắt, như được chỉ báo bởi biểu tượng  trong vùng chỉ báo cường độ tín hiệu, và bạn không thể sử dụng các dịch vụ thẻ SIM hay các chức năng đòi hỏi điện thoại nằm trong vùng phủ sóng.

Khi điện thoại ở chế độ sử dụng SIM từ xa, bạn chỉ có thể sử dụng một phụ kiện tương thích được kết nối, chẳng hạn như bộ phụ kiện sử dụng trên xe, để thực hiện hoặc nhận cuộc gọi. Điện thoại của bạn sẽ không thể gọi đi, trừ khi gọi cho những số khẩn cấp được lập trình trên máy, khi ở chế độ này. Để gọi đi từ điện thoại, trước tiên bạn phải tắt chế độ sử dụng SIM từ xa. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã để mở khóa trước.

Để tắt chế độ sử dụng SIM từ xa, bấm **(i)**, và chọn **Exit rem. (Thoát chế độ từ xa) SIM mode (Chế độ sử dụng SIM từ xa.)**.

Các mẹo bảo mật

Khi bạn không sử dụng kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off (Tắt)** hoặc **My phone's visibility (Phạm vi kết nối) > Hidden (Ẩn)**.

Không ghép nối với thiết bị lạ.

Gửi dữ liệu

Có thể sử dụng nhiều kết nối Bluetooth cùng lúc. Ví dụ, nếu bạn kết nối với một tai nghe tương thích, bạn cũng có thể truyền dữ liệu đến thiết bị tương thích khác cùng lúc.

Chỉ báo kết nối Bluetooth

- Khi  hiển thị ở chế độ chờ, có nghĩa là kết nối Bluetooth được bật.
- Khi  nhấp nháy, điện thoại của bạn đang tìm cách kết nối với thiết bị khác.
- Khi  hiển thị liên tục, dữ liệu đang được truyền.

 **Mẹo!** Để gửi văn bản, mở **Notes (Ghi chú)**, viết văn bản, và chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi) > Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**.

- 1 Mở ứng dụng có lưu mục bạn muốn gửi. Ví dụ, để gửi một hình ảnh đến một thiết bị tương thích khác, mở **Gallery (Bộ sưu tập)**.
- 2 Chọn mục và **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi) > Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**. Các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth trong phạm vi kết nối bắt đầu xuất hiện trên màn hình.
Các biểu tượng thiết bị:  — máy tính,  — điện thoại,  — thiết bị âm thanh hoặc video, và  — thiết bị khác.

Để hủy bỏ việc dò tìm, chọn **Stop (Ngừng)**.

- 3 Chọn thiết bị bạn muốn kết nối đến.
- 4 Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi có thể truyền dữ liệu, một âm báo sẽ phát ra, và bạn được yêu cầu nhập mã khóa. Xem phần **"Ghép nối thiết bị"**, trên trang **89**.

5 Khi kết nối đã được thiết lập, **Sending data (Đang gửi dữ liệu)** sẽ hiển thị.

Thư mục **Sent (Đã gửi)** trong menu **Messag. (Tin nhắn)** sẽ không lưu các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Khi đang dò tìm thiết bị, một vài thiết bị chỉ có thể hiển thị địa chỉ duy nhất (địa chỉ thiết bị). Để tìm địa chỉ duy nhất của điện thoại, nhập mã số vào ***#2820#** khi ở chế độ chờ.

Ghép nối thiết bị

Để mở giao diện các thiết bị đã ghép nối (, , ), trong giao diện chính của ứng dụng **Bluetooth**, bấm .

Trước khi ghép nối, tạo mã khóa cho riêng bạn (1–16 số) và thỏa thuận với người dùng thiết bị khác để sử dụng cùng mã khóa. Những thiết bị không có giao diện người dùng có một mã khóa được cài trước. Mật mã chỉ có thể sử dụng một lần.

Để ghép nối một thiết bị, chọn **Options (Tùy chọn) > New paired device (Thiết bị ghép nối mới)**. Các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth trong phạm vi kết nối bắt đầu xuất hiện trên màn hình. Chọn thiết bị và nhập mã khóa vào. Bạn cũng cần nhập mã khóa này vào thiết bị kia. Sau khi ghép nối, thiết bị sẽ được lưu vào giao diện các thiết bị ghép nối.

Các thiết bị đã ghép được chỉ báo bởi  trong mục tìm kiếm thiết bị.

Để gán hoặc không gán quyền cho thiết bị, di chuyển đến một thiết bị, và chọn **Options (Tùy chọn) >**

Set as authorised (Gán quyền) — Các kết nối giữa điện thoại và thiết bị này có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc gán quyền. Sử dụng quyền kết nối này cho thiết bị của riêng bạn, ví dụ tai nghe hoặc máy PC tương tự.  cho biết các thiết bị được gán quyền trong giao diện thiết bị ghép nối.

Set as authorised (Gán quyền) — Yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận tuần tự.

Để hủy một ghép nối, di chuyển đến thiết bị, và chọn **Options (Tùy chọn) > Delete (Xóa)**. Nếu bạn muốn hủy tất cả các ghép nối, chọn **Options (Tùy chọn) > Delete all (Xóa tất cả)**.

 **Mẹo!** Nếu bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ được xóa ngay và kết nối sẽ bị ngừng.

Nhận dữ liệu

Khi bạn nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth, một âm báo sẽ phát ra và máy sẽ hỏi bạn có muốn nhận tin nhắn không. Nếu bạn chấp nhận,  sẽ hiển thị, và mục này sẽ được vào vào thư mục **Inbox (Hộp thư đến)** trong menu **Messag. (Tin nhắn)**. Các tin nhắn nhận được qua Bluetooth được chỉ báo bằng . Xem phần "**Hộp thư đến—nhận tin nhắn**", trên trang 37.

Tắt kết nối Bluetooth

Để tắt kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off (Tắt)**.

Kết nối hồng ngoại

Qua hồng ngoại (IR), bạn có thể truyền dữ liệu như danh thiếp, ghi chú lịch, và các tập tin media với một thiết bị tương thích.

Không nên hướng tia IR vào mắt hoặc làm nhiễu sóng các thiết bị hồng ngoại khác. Thiết bị này là sản phẩm laser Cấp 1.

Gửi và nhận dữ liệu:

- 1 Bảo đảm rằng cổng hồng ngoại của các thiết bị gửi và nhận đang hướng vào nhau, và không có vật cản nào giữa các thiết bị. Khoảng cách tối ưu giữa hai thiết bị tối đa là 1 mét (3 bộ).
- 2 Người nhận sẽ kích hoạt cổng hồng ngoại. Để khởi động cổng hồng ngoại của điện thoại để nhận dữ liệu, bấm , và chọn **Connect (Kết nối) > Infrared (Hồng ngoại)**.
- 3 Người gửi sẽ chọn chức năng hồng ngoại theo ý muốn để bắt đầu truyền dữ liệu. Để gửi dữ liệu, tìm tập tin muốn gửi trong một ứng dụng hoặc trình quản lý tập tin, và chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi) > Via infrared (Qua hồng ngoại)**.

Nếu việc truyền dữ liệu không bắt đầu trong vòng 1 phút sau khi khởi động cổng hồng ngoại, việc kết nối sẽ bị hủy và phải bắt đầu lại.

Tất cả các mục nhận được qua cổng hồng ngoại được lưu trong thư mục **Inbox (Hộp thư đến)** trong menu **Messaging (Nhắn tin)**. Tin nhắn hồng ngoại mới được chỉ báo bằng .

Khi  nhấp nháy, điện thoại sẽ tìm cách kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.

Khi  hiển thị liên tục, kết nối IR sẽ được khởi động, và điện thoại sẵn sàng để gửi và nhận dữ liệu qua cổng IR.



Data cbl. (Cáp dữ liệu)

Để chọn chức năng sẽ sử dụng cáp dữ liệu USB, bấm , và chọn **Connect (Kết nối) > Data cbl. (Cáp dữ liệu) > Ask on connection (Hỏi khi kết nối), PC Suite** hoặc **Data transfer (Truyền dữ liệu)**.

Kết nối PC

Bạn có thể sử dụng điện thoại với các chương trình ứng dụng đa dạng của các truyền thông dữ liệu và kết nối với máy PC. Ví dụ, với bộ Nokia PC Suite bạn có thể chuyển hình ảnh giữa điện thoại và một máy PC tương thích.

Luôn tạo kết nối từ máy PC để đồng bộ dữ liệu với điện thoại.

Điện thoại của bạn như một modem

Bạn có thể sử dụng điện thoại làm modem để gửi và nhận e-mail, hoặc để kết nối vào Internet qua một máy PC tương thích bằng cách sử dụng một kết nối Bluetooth, hồng ngoại, hoặc cáp dữ liệu USB. Bạn có thể tìm thấy các hướng dẫn cài đặt chi tiết trong hướng dẫn sử dụng dành cho Nokia PC Suite.



Mẹo! Để kết nối điện thoại và máy PC tương thích và để sử dụng Nokia PC Suite trong lần kết nối đầu tiên, hãy sử dụng chức năng Nokia PC Suite wizard hiện có trong Nokia PC Suite.



Connection manager

Bấm , và chọn **Connect (Kết nối) > Conn mgr. (Quản lý kết nối)**. Để xem tình trạng của các kết nối dữ liệu hoặc ngừng các kết nối trong mạng GSM và UMTS, chọn **Act. data conn. (Kích hoạt kết nối dữ liệu)**.

Kết nối dữ liệu

Trong giao diện các kết nối hoạt động, bạn có thể xem các kết nối dữ liệu mở: cuộc gọi dữ liệu (**D**) và kết nối dữ liệu gói (**3G** và **2G**).



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v.

Để ngắt một kết nối, chọn **Options (Tùy chọn) > Disconnect (Ngắt kết nối)**. Để đóng tất cả các kết nối đang mở, chọn **Options (Tùy chọn) > Disconnect all (Ngắt tất cả kết nối)**.

Để xem chi tiết của một phiên kết nối, chọn **Options (Tùy chọn) > Details (Chi tiết)**. Các chi tiết được hiển thị tùy thuộc vào loại kết nối.



Đồng bộ hóa

Bấm , và chọn **Connect (Kết nối) > Sync (Đồng bộ)**. **Sync (Đồng bộ)** cho phép bạn đồng bộ ghi chú, lịch, danh bạ, hoặc e-mail với các ứng dụng lịch và danh bạ tương thích khác nhau trên máy tính tương thích hoặc trên Internet. Bạn cũng có thể tạo hoặc chỉnh sửa các cài đặt đồng bộ hóa.

Ứng dụng đồng bộ sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ. Để biết thêm thông tin về tính tương thích SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu của điện thoại.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt đồng bộ dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt. Xem phần "**Dữ liệu và các thông số cài đặt**", trên trang 38.

Đồng bộ dữ liệu

Trong giao diện chính của **Sync (Đồng bộ)**, bạn có thể thấy các cấu hình đồng bộ khác nhau.

- 1 Chọn một cấu hình đồng bộ và **Options (Tùy chọn) > Synchronise (Đồng bộ)**. Tình trạng đồng bộ sẽ hiển thị trên màn hình. Để hủy quá trình đồng bộ trước khi kết thúc, chọn **Cancel (Hủy)**. Bạn sẽ được thông báo khi quá trình đồng bộ hoàn tất.
- 2 Để xem tập tin báo cáo cho biết tình trạng đồng bộ và số mục nhập đã được thêm vào, cập nhật, xóa, hoặc hủy (không đồng bộ) trong điện thoại của bạn hoặc trên server, chọn **Yes (Có)**.



Trình quản lý thiết bị

Bấm , và chọn **Connect (Kết nối) > Dev. mgr. (Quản lý thiết bị)**. Bạn có thể nhận các cấu hình khác nhau từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ hoặc bộ phận quản lý thông tin của công ty. Các thông số cài đặt cấu hình này có thể bao gồm các cài đặt điểm truy cập để kết nối dữ liệu và các cài đặt khác được sử dụng bởi các ứng dụng khác trong điện thoại.

Để kết nối với một server và nhận thông số cài đặt cấu hình cho điện thoại, di chuyển đến một cấu hình, và chọn **Options (Tùy chọn) > Start configuration (Khởi động cấu hình)**.

Để cho phép nhận hoặc từ chối các thông số cài đặt cấu hình từ nhà cung cấp dịch vụ, chọn **Options (Tùy chọn) > Enable config. (Bật cấu hình)** hoặc **Disable config. (Tắt cấu hình)**.

Cài đặt cấu hình server

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Server name (Tên server) — Nhập tên cho cấu hình.

Server ID (Mã ID server) — Nhập ID riêng để nhận dạng server cấu hình.

Server password (Mật mã server) — Nhập mật mã để nhận dạng điện thoại với server.

Access point (Điểm truy cập) — Chọn một điểm truy cập sẽ được sử dụng khi kết nối với server này.

Host address (Địa chỉ máy chủ) — Nhập địa chỉ URL của server.

Port (Cổng) — Nhập số cổng của server.

User name (Tên thuê bao) và **Password (Mật mã)** — Nhập tên thuê bao và mật mã.

Allow configuration (Cho phép cấu hình) — Để nhận thông số cài đặt cấu hình từ server, chọn **Yes (Có)**.

Auto-accept all reqs. (Tự động chấp nhận tất cả yêu cầu) — Nếu bạn muốn điện thoại hỏi xác nhận trước khi chấp nhận một cấu hình từ server, chọn **No (Không)**.

Network authentic. (Xác thực mạng) — Nếu bạn muốn điện thoại sử dụng xác thực mạng, chọn **Yes (Có)**.

Tools (Công cụ)



Settings (Cài đặt)

Để thay đổi cài đặt, bấm , và chọn **Tools (Công cụ)** > **Settings (Cài đặt)**. Để mở một nhóm cài đặt, bấm . Di chuyển đến một cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm .

Nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể cài sẵn một số cài đặt cho điện thoại, và có khả năng bạn không thể thay đổi các cài đặt này.



Phone sett. (Cài đặt cho máy)

General (Bình thường)

Phone language (Ngôn ngữ điện thoại) — Việc thay đổi ngôn ngữ của văn bản hiển thị trên điện thoại cũng sẽ ảnh hưởng đến dạng hiển thị ngày giờ và các dấu phân cách được sử dụng, ví dụ như trong các phép tính. **Automatic (Tự động)** chọn ngôn ngữ theo thông tin trên thẻ SIM. Sau khi thay đổi ngôn văn bản hiển thị, điện thoại sẽ khởi động lại.

Thay đổi cài đặt cho **Phone language (Ngôn ngữ điện thoại)** hoặc **Writing language (Ngôn ngữ viết)** sẽ ảnh hưởng đến từng ứng dụng trong điện thoại, và thay đổi này được duy trì cho đến khi bạn thay đổi các thông số cài đặt này lần nữa.

Writing language (Ngôn ngữ viết) — Việc thay đổi ngôn ngữ cũng tác động đến các ký tự và ký tự đặc biệt được sử dụng khi soạn thảo văn bản cũng như khi sử dụng từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán.

Predictive text (Văn bản tiên đoán) — Cài kiểu nhập tiên đoán **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)** cho tắt cả các chương trình chỉnh sửa trên điện thoại. Từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ không có sẵn cho tất cả ngôn ngữ.

Welcome note / logo (Lời chào / logo) — Biểu tượng chào hoặc lời chào sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bạn bật điện thoại. Chọn **Default (Mặc định)** để sử dụng hình mặc định, **Text (Văn bản)** để viết lời chào, hoặc **Image (Hình ảnh)** để chọn một hình trong **Gallery (Bộ sưu tập)**.

Orig. phone settings (Cài đặt gốc cho máy) —

Bạn có thể cài lại một số cài đặt trở về giá trị ban đầu. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần "[Security \(Bảo mật\)](#)", trên trang [100](#), "[Phone and SIM \(Máy và thẻ SIM\)](#)", trên trang [101](#). Sau khi cài đặt lại, điện thoại có thể khởi động lâu hơn. Các tài liệu và tập tin sẽ không bị ảnh hưởng.

Voice key (Phím thoại) — Xác định cách sử dụng phím bên cho các lệnh thoại hoặc PTT.

Standby mode (Chế độ active standby)**Active standby mode (Chế độ active standby)** —

Sử dụng các phím tắt tới các ứng dụng ở chế độ chờ. Xem phần "[Active standby mode \(Chế độ active standby\)](#)", trên trang [84](#).

Left selection key (Phím chọn trái) — Gán một phím tắt cho (↵) ở ở chế độ chờ.

Right selection key (Phím chọn phải) — Gán một phím tắt cho (↵) ở ở chế độ chờ.

Active standby apps. (Ứng dụng ở chế độ chờ) —

Chọn các phím tắt ứng dụng bạn muốn hiển thị ở chế độ chờ. Cài đặt này sẽ chỉ khả dụng nếu **Active standby mode (Chế độ active standby)**.

Bạn cũng có thể gán các phím tắt trên bàn phím cho những thao tác khác nhau trên phím di chuyển. Phím tắt trên phím di chuyển sẽ không có hiệu lực khi điện thoại bật **Active standby mode (Chế độ active standby)**.

Operator logo (Logo mạng) — Cài đặt này chỉ có khi bạn đã nhận và lưu lại logo mạng. Chọn **Off (Tắt)** nếu bạn không muốn hiển thị logo này.

Display (Màn hình)

Brightness (Độ sáng) — Điều chỉnh độ sáng màn hình sang mức sáng hơn hoặc tối hơn. Tuy nhiên, trong điều kiện vô cùng sáng, độ sáng của màn hình sẽ được điều chỉnh tự động.

Power saver time-out (Thời gian chờ của chế độ tiết kiệm điện) — Chọn thời gian chờ mà sau đó trình tiết kiệm điện sẽ được kích hoạt.

Light time-out (Thời gian chờ tắt đèn) — Chọn thời gian chờ mà sau đó đèn nền của màn hình sẽ tắt.

Cài đặt màn hình phụ

Brightness (Độ sáng) — Bạn có thể thay đổi độ sáng của màn hình phụ sang mức sáng hơn hoặc tối hơn. Việc thay đổi độ sáng của màn hình phụ sẽ không ảnh hưởng đến độ sáng của màn hình chính.

Wallpaper (Hình nền) — Chọn và cắt một hình nền.

Power saver (Trình tiết kiệm điện) — Chọn chế độ tiết kiệm pin và thời gian kích hoạt màn hình phụ, và chọn hiển thị màn hình riêng ở dạng hình tĩnh hoặc hình động sau khoảng thời gian chờ và trước khi chế độ tiết kiệm pin được kích hoạt.



Call settings (Cài đặt cuộc gọi)

Send my caller ID (Báo số) — Bạn có thể cài hiển thị (**Yes (Có)**) hoặc giấu (**No (Không)**) số điện thoại của bạn trên máy của người mà bạn đang gọi, hoặc giá trị này có thể được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cài đặt trước khi bạn đăng ký thuê bao (**Set by network (Lựa chọn gốc)**) (dịch vụ mạng).

Call waiting (Cuộc gọi chờ) — Nếu bạn đã kích hoạt chức năng cuộc gọi chờ (dịch vụ mạng), mạng sẽ thông báo cho bạn biết có cuộc gọi mới trong khi đang gọi. Bật (**Activate (Khởi động)**) hoặc tắt (**Cancel (Hủy)**), chức năng này, hoặc kiểm tra xem chức năng này có được kích hoạt hay không (**Check status (Hiện trạng)**).

Reject call with SMS (Từ chối cuộc gọi cùng với SMS) — Để gửi tin nhắn văn bản đến người gọi nhằm thông báo lý do bạn không thể trả lời cuộc

gọi, chọn **Yes (Có)**. Xem phần "[Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi](#)", trên trang 55.

Message text (Nội dung tin nhắn) — Nhập văn bản sẽ được gửi dưới dạng tin nhắn văn bản khi bạn từ chối một cuộc gọi.

Image in video call (Hình trong cuộc gọi video) — Bạn có thể từ chối gửi hình ảnh động khi nhận một cuộc gọi video. Chọn hình tĩnh sẽ được hiển thị thay cho phim.

Automatic redial (Tự gọi lại) — Để đặt điện thoại tìm cách gọi lại một số tối đa 10 lần sau khi gọi không thành công. Để ngừng chức năng gọi lại tự động, bấm .

Summary after call (Chi tiết cuộc gọi) — Kích hoạt chức năng này nếu bạn cần xem thông tin nhanh các thông tin gần đúng về thời lượng của cuộc gọi sau cùng.

Speed dialling (Quay số nhanh) — Để gọi cho số điện thoại đã được gán phím quay số nhanh (2 – 9) bấm và giữ phím kết thúc. Xem thêm phần "[Quay nhanh một số điện thoại](#)", trên trang 49.

Anykey answer (Phím bất kỳ) — Bấm nhanh phím bất kỳ để trả lời cuộc gọi đến, ngoại trừ , , và , chọn **On (Bật)**.

Line in use (Số máy đang sử dụng) — Cài đặt này (dịch vụ mạng) chỉ được hiển thị khi SIM hỗ trợ hai số thuê bao, tức hai số điện thoại. Chọn số điện thoại bạn muốn sử dụng để thực hiện cuộc gọi và gửi tin nhắn văn bản. Bạn có thể trả lời cuộc gọi trên cả hai số máy bất kể đã chọn số máy nào. Nếu bạn chọn **Line 2 (Số máy 2)** mà không thuê bao dịch vụ mạng này, bạn sẽ không gọi được. Khi chọn số máy 2, **2** sẽ hiển thị ở chế độ chờ.

💡 **Mẹo!** Để chuyển đổi giữa các số máy, bấm và giữ # khi ở chế độ chờ.

Line change (Đổi số máy) — Để ngăn việc chọn số thuê bao (dịch vụ mạng), chọn **Disable (Vô hiệu)** nếu được thẻ SIM hỗ trợ. Để thay đổi cài đặt này, bạn cần mã PIN2.

Answer if fold opened (Trả lời nếu nắp gập mở) — Chọn **On (Bật)** để trả lời các cuộc gọi bằng cách mở nắp.



Connection (Kết nối)

Kết nối dữ liệu và điểm truy cập

Điện thoại của bạn hỗ trợ các kết nối truyền dữ liệu gói, ví dụ như GPRS trong mạng GSM. Khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS,

các kết nối đa dữ liệu có thể được kích hoạt cùng lúc và các điểm truy cập có thể dùng chung một kết nối dữ liệu.

Để thiết lập một kết nối dữ liệu, bạn cần phải có một điểm truy cập. Bạn có thể xác định nhiều điểm truy cập khác nhau:

- Điểm truy cập MMS dùng để gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện
- Điểm truy cập dành cho ứng dụng **Services (Dịch vụ)** để xem các trang WML hoặc XHTML
- Điểm truy cập (IAP) dùng để gửi và nhận e-mail và kết nối vào Internet

Đối với các dịch vụ bạn muốn truy cập, bạn cần phải tham khảo ý kiến nhà cung cấp dịch vụ về loại điểm truy cập. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ kết nối dữ liệu gói, hãy liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Access points (Điểm truy cập)

Bạn có thể nhận cài đặt điểm truy cập dưới dạng tin nhắn từ nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "**Dữ liệu và các thông số cài đặt**", trên trang 38. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng. ⓘ cho biết điểm truy cập được bảo vệ.

☰ chỉ báo điểm truy cập dữ liệu gói.

Để tạo một điểm truy cập mới, chọn **Options (Tùy chọn) > New access point (Điểm truy cập mới)**.

Để chỉnh sửa cài đặt cho một điểm truy cập, chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

Connection name (Tên kết nối) — Nhập tên mô tả cho kết nối.

Data bearer (Sóng mang) — Chọn kiểu kết nối dữ liệu.

Tùy thuộc vào kiểu kết nối dữ liệu bạn chọn, chỉ có một số trường cài đặt có thể sử dụng. Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng thông báo **Must be defined (Phải được xác định)** hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Các trường khác có thể để trống, trừ phi bạn được nhà cung cấp dịch vụ hướng dẫn làm cách khác.

Để có thể sử dụng kết nối dữ liệu, nhà cung cấp dịch vụ mạng phải hỗ trợ chức năng này, và nếu cần, kích hoạt chức năng này bằng thẻ SIM của bạn.

Dữ liệu gói

Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

Access point name (Tên điểm truy cập) — Bạn có thể nhận tên điểm truy cập từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

User name (Tên thuê bao) — Điện thoại sẽ yêu cầu tên thuê bao để thiết lập kết nối dữ liệu, và tên thuê bao này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Prompt password (Nhắc nhập mật mã) — Nếu bạn phải nhập mật mã mỗi khi đăng nhập vào một server, hoặc nếu bạn không muốn lưu mật mã của bạn vào điện thoại, chọn **Yes (Có)**.

Password (Mật mã) — Điện thoại sẽ yêu cầu mật khẩu để thiết lập kết nối dữ liệu, và mật khẩu này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Authentication (Xác thực) — Xác định mức xác thực: **Normal (Bình thường)** hoặc **Secure (An toàn)**.

Homepage (Trang chủ) — Tùy thuộc vào điểm truy cập bạn đang thiết lập, nhập địa chỉ trang Web hoặc địa chỉ của trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced settings (Cài đặt nâng cao)** để thay đổi các cài đặt sau đây:

Network type (Loại mạng) — Chọn loại giao thức Internet: **IPv4 settings (Cài đặt IPv4)** hoặc **IPv6 settings (Cài đặt IPv6)**. Các thông số cài đặt khác tùy thuộc vào loại mạng được chọn.

Phone IP address (Địa chỉ điện thoại IP)

(chỉ IPv4) — Nhập địa chỉ IP của điện thoại của bạn.

DNS address (Địa chỉ DNS) — Trong **Primary name serv.:** (Server tên chính:), nhập địa chỉ IP của server DNS chính. Trong **Second. name server: (Server tên phụ:)**, nhập địa chỉ IP của server DNS phụ. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để có các địa chỉ này.

Proxy serv. address (Địa chỉ server proxy) —

Xác định địa chỉ của server proxy.

Proxy port number (Số cổng proxy) — Nhập số cổng proxy.

Homepage (Trang chủ) — Chọn trang chủ.

Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Advanced settings (Cài đặt nâng cao)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

IPv4 settings (Cài đặt IPv4) > **Phone IP address (Địa chỉ điện thoại IP)** (địa chỉ IP của điện thoại), **Subnet mask** (địa chỉ IP của mạng cấp dưới), **Default gateway (Cổng mặc định)** (cổng), và **DNS address (Địa chỉ DNS)** — Nhập địa chỉ IP của server DNS chính và phụ. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để có các địa chỉ này.

IPv6 settings (Cài đặt IPv6) > **DNS address (Địa chỉ DNS)** — Chọn **Automatic (Tự động)**, **Well-known (Đã biết)**, hoặc **User defined (Do người dùng tạo)**.

Ad-hoc channel (Kênh Ad-hoc) (chỉ **Ad-hoc**) — Để nhập số kênh (1-11) theo cách thủ công, chọn **User defined (Do người dùng tạo)**.

Proxy serv. address (Địa chỉ server proxy) — Nhập địa chỉ của server proxy.

Proxy port number (Số cổng proxy) — Nhập số cổng proxy.

Packet data (Dữ liệu gói)

Các cài đặt dữ liệu gói ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

Packet data conn. (Kết nối dữ liệu gói) — Nếu bạn chọn **When available (Khi khả dụng)** và bạn đang ở trong mạng có hỗ trợ dữ liệu gói, điện thoại sẽ đăng ký vào mạng để truyền dữ liệu. Việc bắt đầu một kết nối dữ liệu gói hiện hành (ví dụ để gửi và nhận e-mail) sẽ được thực hiện nhanh hơn. Nếu không nằm trong vùng phủ sóng của dịch vụ dữ liệu, điện thoại sẽ tìm cách khởi tạo một kết nối dữ liệu gói theo định kỳ. Nếu bạn chọn **When needed (Khi cần)**, điện thoại sẽ sử dụng kết nối dữ liệu gói chỉ khi bạn khởi động một ứng dụng hoặc một hoạt động liên quan đến dữ liệu gói.

Access point (Điểm truy cập) — Bạn sẽ cần đến tên điểm truy cập để sử dụng điện thoại như một modem truyền dữ liệu cho máy tính.

Configs. (Cấu hình)

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt server tin cậy từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn cấu hình, hoặc các thông số này có thể đã được lưu trong thẻ SIM hoặc thẻ USIM. Bạn có thể lưu các thông số cài đặt này vào điện thoại, xem, hoặc xóa các thông số này trong **Configs. (Cấu hình)**.



Date and time (Ngày giờ)

Xem phần "**Cài đặt đồng hồ**", trên trang 4, và mục cài đặt ngôn ngữ trong phần "**General (Bình thường)**", trên trang 94.



Security (Bảo mật)

Phone and SIM (Máy và thẻ SIM)

PIN code request (Hỏi mã PIN) — Khi kích hoạt tính năng này, bạn sẽ phải nhập mã PIN mỗi lần bật điện thoại. Một số thẻ SIM có thể không cho phép tắt tính năng yêu cầu mã số nhận dạng cá nhân (PIN). Xem phần "**Thuật ngữ mã PIN và mã khóa**", trên trang 101.

PIN code (Mã PIN), **PIN2 code (Mã PIN2)**, và **Lock code (Mã khóa)** — Bạn có thể thay đổi mã khóa, mã PIN, và mã PIN2. Các mã này chỉ bao gồm các số từ 0 đến 9. Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn. Xem phần "**Thuật ngữ mã PIN và mã khóa**", trên trang 101.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp để tránh việc tình cờ quay số khẩn cấp.

Autolock period (Thời gian tự động khóa) — Bạn có thể cài khoảng thời gian tự động khóa, thời gian chờ mà sau đó điện thoại sẽ tự động khóa lại. Để tắt thời gian tự động khóa, chọn **None (Không cài đặt khóa)**.

Để mở khóa điện thoại, nhập mã khóa vào.

Khi điện thoại bị khóa, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

 **Mẹo!** Để khóa điện thoại theo cách thủ công, bấm **(I)**. Danh sách các lệnh sẽ mở ra. Chọn **Lock phone (Khóa máy)**.

Lock if SIM changed (Khóa nếu đổi SIM) — Bạn có thể cài điện thoại yêu cầu nhập mã khóa khi có thẻ SIM không rõ nguồn gốc được lắp vào điện thoại. Điện thoại quản lý một danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.

Closed user group (Nhóm nội bộ) — Bạn có thể qui định nhóm người mà bạn có thể gọi điện cho họ và họ có thể gọi cho bạn (dịch vụ mạng).

Mặc dù các cuộc gọi bị giới hạn trong các nhóm gọi nội bộ, bạn vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến các số khẩn cấp được lập trình trong máy.

Confirm SIM services (Xác nhận dịch vụ SIM) — Bạn có thể cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM (dịch vụ mạng).

Thuật ngữ mã PIN và mã khóa

Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Mã PIN (Số nhận diện cá nhân) — Mã này dùng để bảo vệ thẻ SIM không bị sử dụng trái phép. Mã PIN (4 đến 8 chữ số) thường được cấp cùng với thẻ SIM. Sau khi nhập sai mã PIN ba lần liên tiếp, mã PIN sẽ bị khóa lại, và bạn cần có mã PUK để mở khóa.

Mã UPIN — Mã số này có thể đi kèm với thẻ USIM. Thẻ USIM là phiên bản nâng cao của thẻ SIM và được cung cấp cùng với điện thoại di động UMTS.

Mã PIN2 — Mã này (4 đến 8 chữ số) được cung cấp cùng với thẻ SIM, và cần để truy cập vào một số chức năng trong điện thoại.

Mã khóa (còn được gọi là mã bảo mật) — Mã này (5 chữ số) có thể được sử dụng để khóa điện thoại, ngăn không cho sử dụng điện thoại trái phép. Giá trị cài đặt gốc của mã khóa là **12345**. Để tránh việc điện thoại của bạn bị sử dụng trái phép, hãy thay đổi mã khóa này. Giữ kỹ mã mới ở nơi an toàn tách biệt với điện thoại. Nếu bạn quên mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Mã số Mở khóa Cá nhân (PUK) và mã PUK2 — Các mã này (8 chữ số) sẽ cần để thay đổi mã PIN hoặc mã PIN2 bị khóa tương ứng. Nếu các mã này không được cấp cùng với thẻ SIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ SIM bạn đang dùng.

Mã UPUK — Mã này (8 chữ số) cần để thay đổi mã UPIN bị khóa. Nếu mã này không được cấp cùng với thẻ USIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ USIM bạn đang dùng.

Certif. management (Quản lý chứng chỉ)

Các chứng chỉ kỹ thuật số không phải là sự bảo đảm an toàn, chúng chỉ được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của phần mềm.

Trong giao diện quản lý chứng chỉ, bạn sẽ thấy một danh sách các chứng chỉ hợp lệ được lưu trong điện thoại của bạn. Bấm  để xem danh sách các chứng chỉ cá nhân nếu có.

Bạn nên sử dụng các chứng chỉ kỹ thuật số nếu bạn muốn kết nối với một ngân hàng trực tuyến hoặc địa chỉ trang web hoặc server từ xa khác để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chuyển giao các thông tin mật. Bạn nên sử dụng các chứng chỉ này nếu bạn muốn giảm bớt rủi ro do virus hoặc phần mềm phá hoại khác, đồng thời để chắc chắn về tính xác thực của phần mềm khi cần tải về và khi cài đặt phần mềm.



Chú ý: Ngay cả khi việc sử dụng các chứng chỉ này không an toàn khi kết nối từ xa và việc cài đặt phần mềm tương đối nhỏ, chúng vẫn phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được từ các tính năng an toàn nâng cao. Các chứng chỉ này tự bản thân chúng không cung cấp các tính năng bảo mật; mục quản lý chứng chỉ phải chứa các chứng chỉ chính xác, xác thực hoặc đáng tin cậy để đảm bảo cải thiện tính an toàn khả dụng. Các chứng chỉ đều có thời hạn sử dụng. Nếu lệnh **Expired certificate (Chứng chỉ hết hạn)** hoặc **Certificate not valid yet (Chứng chỉ chưa có hiệu lực)** hiển thị, ngay cả khi chứng chỉ của bạn vẫn còn hợp lệ, bạn cần kiểm tra lại xem ngày giờ trên máy có được cài đúng không.

Xem chi tiết chứng chỉ

Bạn chỉ có thể chắc chắn về danh tính hợp lệ của server khi chữ ký và thời hạn hiệu lực chứng chỉ của server được kiểm tra.

Bạn sẽ được thông báo nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ thích hợp trong điện thoại.

Để kiểm tra chi tiết chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ, và chọn **Options (Tùy chọn) > Certificate details (Chi tiết chứng chỉ)**. Khi bạn mở xem chi tiết của chứng chỉ, tính hợp lệ của chứng chỉ sẽ được kiểm tra, và một trong số các thông báo sau đây có thể xuất hiện:

Certificate not trusted (Chứng chỉ không tin cậy) — Bạn chưa cài bất kỳ ứng dụng nào để sử dụng chứng chỉ này. Xem phần **"Thay đổi cài đặt về độ tin cậy"**, trên trang 103.

Expired certificate (Chứng chỉ hết hạn) — Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn đã kết thúc.

Certificate not valid yet (Chứng chỉ chưa có hiệu lực) — Thời hạn hiệu lực cho chứng chỉ được chọn chưa bắt đầu.

Certificate corrupted (Chứng chỉ bị lỗi) — Không thể sử dụng chứng chỉ này. Liên hệ với nơi cấp chứng chỉ.

Thay đổi cài đặt về độ tin cậy

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, bạn cần đảm bảo rằng bạn thật tin người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ này thật sự thuộc sở hữu của người được liệt kê trong danh sách.

Di chuyển đến một chứng chỉ hợp lệ, và chọn **Options (Tùy chọn) > Trust settings (Cài đặt ủy thác)**. Tùy theo loại chứng chỉ được chọn, một danh sách các ứng dụng có thể dùng đến chứng chỉ này sẽ được hiển thị. Ví dụ:

Symbian installation (Cài đặt Symbian): Yes (Có) — Chứng chỉ có thể xác nhận nguồn gốc của một ứng dụng hệ điều hành Symbian mới.

Internet > Yes (Có) — Chứng chỉ có thể chứng nhận các máy chủ.

App. installation (Cài đặt ứng dụng) > Yes (Có) — Chứng chỉ này có thể dùng để chứng thực nguồn gốc của ứng dụng™ mới.

Chọn **Options (Tùy chọn) > Edit trust setting (Chỉnh sửa cài đặt tin cậy)** để thay đổi giá trị.

Track protect. object (Theo dõi đối tượng được bảo vệ)

Một số tập tin nhạc được bảo hộ bản quyền tác giả có thể có chứa một tên nhận dạng giao dịch. Chọn cho phép hoặc không cho phép gửi tên nhận dạng

này cùng với tập tin nhạc nếu bạn gửi hoặc gửi chuyển tiếp tập tin này. Nhà cung cấp tập tin nhạc có thể sử dụng tên nhận dạng này để theo dõi việc phân phối các tập tin.



Call divert (Chuyển hướng cuộc gọi)

Call divert (Chuyển hướng) cho phép bạn chuyển hướng các cuộc gọi đến vào hộp thư thoại hoặc một số điện thoại khác. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Chọn cuộc gọi bạn muốn chuyển hướng và tùy chọn chuyển hướng. Để chuyển hướng các cuộc gọi thoại khi máy bận hoặc khi bạn từ chối cuộc gọi đến, chọn **Voice calls (Cuộc gọi thoại) > If busy (Nếu bận)**. Bật (**Activate (Khởi động)**) hoặc tắt (**Cancel (Hủy)**) tùy chọn này, hoặc kiểm tra xem tùy chọn này đã khởi động chưa (**Check status (Hiện trạng)**).

Bạn có thể khởi động nhiều tùy chọn chuyển hướng cùng một lúc. Khi chuyển hướng mọi cuộc gọi,  sẽ hiển thị ở chế độ chờ.

Bạn không thể sử dụng chức năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.



Call barring (Chặn cuộc gọi)

Call barring (Chặn cuộc gọi) (dịch vụ mạng) cho phép bạn hạn chế cuộc gọi đi hoặc nhận cuộc gọi đến. Để thay đổi những cài đặt này, bạn cần mật mã chặn cuộc gọi do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Chọn tùy chọn chặn cuộc gọi bạn muốn, và bật (**Activate (Khởi động)**) hoặc tắt (**Cancel (Hủy)**) chức năng này, hoặc kiểm tra xem tùy chọn này đã khởi động chưa (**Check status (Hiện trạng)**). **Call barring (Chặn cuộc gọi)** sẽ ảnh hưởng đến tất cả các cuộc gọi, bao gồm các cuộc gọi dữ liệu.

Bạn không thể sử dụng chức năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.

Khi các cuộc gọi bị hạn chế, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.



Network (Mạng)

Điện thoại của bạn có thể tự động chuyển đổi giữa các mạng GSM và UMTS. Mạng GSM được chỉ báo bằng  khi ở chế độ chờ. Mạng UMTS được chỉ báo bằng **3G**.

Network mode (Chế độ mạng) (chỉ hiển thị nếu được nhà điều hành mạng hỗ trợ) — Chọn mạng để sử dụng. Nếu bạn chọn **Dual mode (Chế độ kép)**, điện thoại sẽ tự động chọn mạng GSM hoặc UMTS, tùy thuộc vào các thông số mạng và thỏa thuận hòa mạng giữa các nhà điều hành mạng. Liên hệ với nhà điều hành mạng để biết thêm chi tiết.

Operator selection (Chọn nhà điều hành) — Chọn **Automatic (Tự động)** để cài điện thoại tự động tìm kiếm và chọn một trong những mạng hiện có, hoặc **Manual (Thủ công)** để chọn mạng từ danh sách các mạng theo cách thủ công. Nếu việc kết nối vào mạng bạn tự chọn không thành công, điện thoại sẽ báo lỗi và yêu cầu bạn chọn lại mạng. Mạng được chọn để kết nối phải được thỏa thuận chuyển vùng với mạng bạn đăng ký, nghĩa là, nhà điều hành mạng cung cấp thẻ SIM bạn đang dùng.



Chú giải: Thỏa thuận hòa mạng là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ mạng cho phép người sử dụng dịch vụ của một nhà cung cấp dịch vụ sử dụng dịch vụ của những nhà cung cấp dịch vụ khác.

Cell info display (Thông tin mạng) — Chọn **On (Bật)** để cài điện thoại chỉ báo khi sử dụng mạng di động dựa trên công nghệ mạng di động siêu vi (MCN) và kích hoạt chức năng nhận thông tin mạng.



Enhanc. sett. (Cài đặt phụ kiện)

Ở chế độ chờ, cho biết có một tai nghe tương thích đã được cắm vào điện thoại, và cho biết không có tai nghe, hoặc kết nối Bluetooth với tai nghe bị mất. cho biết có một thiết bị trợ thính tương thích đã được cắm vào điện thoại, cho biết **Text phone** được kết nối, và cho biết bộ phụ kiện dùng cho xe hơi được kết nối.

Chọn **Headset (Tai nghe)**, **Loopset (Bộ trợ thính)**, **Text phone**, **Bluetooth handsfree (Sử dụng loa qua kết nối Bluetooth)**, hoặc **Car kit (Bộ phụ kiện trên xe)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Default profile (Cấu hình mặc định) — Cài cấu hình bạn muốn kích hoạt mỗi khi kết nối một phụ kiện nào đó với điện thoại. Xem phần "**Profiles (Cấu hình)—cài đặt âm**", trên trang 83.

Automatic answer (Trả lời tự động) — Cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây. Nếu Kiểu đổ chuông được cài là **Beep once (1 hồi bíp)** hoặc **Silent (Im lặng)**, chức năng trả lời tự động bị tắt. Chức năng trả lời tự động không khả dụng với **Text phone**.

Nếu bạn muốn sử dụng **Text phone**, bạn phải kích hoạt chức năng này trên điện thoại. Bấm , và chọn **Tools (Công cụ)** > **Settings (Cài đặt)** > **Enhancement (Phụ kiện)** > **Text phone** > **Use text phone (Sử dụng text phone)** > **Yes (Có)**.



Lệnh thoại

Bạn có thể sử dụng lệnh thoại để điều khiển điện thoại của bạn. Để biết thêm thông tin về các lệnh thoại được điện thoại hỗ trợ, xem phần "**Quay số bằng khẩu lệnh**", trên trang 49.

Để kích hoạt lệnh thoại để khởi động các ứng dụng và cấu hình, bạn phải mở ứng dụng **Voice cm. (Lệnh thoại)** và thư mục **Profiles (Cấu hình)** của ứng dụng này. Bấm , và chọn **Tools (Công cụ)** > **Voice cm. (Lệnh thoại)** > **Profiles (Cấu hình)**; điện thoại sẽ tạo khẩu lệnh cho ứng dụng và cấu hình. Để sử dụng lệnh thoại, bấm và giữ ở chế độ chờ, và đọc lệnh thoại. Lệnh thoại là tên của ứng dụng hoặc cấu hình được hiển thị trong danh sách.



Mẹo! Cách khác, để xác định phím bên để sử dụng các lệnh thoại, xem phần "**General (Bình thường)**", trên trang 94.

Để thêm các ứng dụng khác vào danh sách này, chọn **Options (Tùy chọn) > New application (Ứng dụng mới)**. Để thêm lệnh thoại thứ hai được sử dụng để khởi động ứng dụng, chọn **Options (Tùy chọn) > Change command (Đổi lệnh)**, và nhập lệnh thoại mới vào dưới dạng văn bản. Tránh sử dụng các tên quá ngắn, từ rút ngắn và từ viết tắt.

Để nghe khẩu lệnh tổng hợp, chọn **Options (Tùy chọn) > Playback (Phát lại)**.

Để thay đổi cài đặt lệnh thoại, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)**. Để tắt bộ tổng hợp phát lại các khẩu lệnh và lệnh thoại bằng ngôn ngữ điện thoại được chọn, chọn **Synthesiser (Bộ tổng hợp) > Off (Tắt)**. Để cài lại chức năng học nhận biết giọng nói (ví dụ như khi người sử dụng chính của điện thoại đã thay đổi), chọn **Reset voice adapts. (Cài lại chức năng nhận giọng nói)**.



Application manager

Bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > App. mgr. (Quản lý ứng dụng)**. Bạn có thể cài đặt hai loại ứng dụng và phần mềm vào điện thoại:

- Các ứng dụng J2ME™ dựa trên công nghệ Java có đuôi .jad hoặc .jar. (.

- Các ứng dụng và phần mềm khác tương thích với hệ điều hành Symbian (). Các tập tin cài đặt có đuôi .sis. Chỉ cài đặt phần mềm được thiết kế dành riêng cho điện thoại Nokia N71. Nhà cung cấp phần mềm sẽ luôn đề cập đến số hiệu chính thức của sản phẩm: Nokia N71.

Bạn có thể nhận các tập tin cài đặt từ máy tính tương thích về điện thoại, được tải về trong khi trình duyệt, hoặc được gửi cho bạn dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dưới dạng tập tin đính kèm e-mail, hoặc qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Bạn có thể sử dụng Nokia Application Installer trong bộ Nokia PC Suite để cài đặt một ứng dụng cho điện thoại. Nếu bạn sử dụng Microsoft Windows Explorer để truyền một tập tin, lưu tập tin này vào một thẻ nhớ tương thích.

Cài đặt phần mềm và ứng dụng

 cho biết một ứng dụng .sis,  cho biết một ứng dụng Java,  ứng dụng chưa được cài xong, và  cho biết ứng dụng được cài đặt vào thẻ nhớ.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Trước khi cài đặt, lưu ý các điểm sau:

- Để xem loại ứng dụng, số phiên bản, và nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất ứng dụng, chọn **Options (Tùy chọn) > View details (Xem chi tiết)**.
 - Để hiển thị chỉ tiết chứng chỉ bảo mật của ứng dụng, chọn **Options (Tùy chọn) > View certificate (Xem chứng chỉ)**. Xem phần "**Certif. management (Quản lý chứng chỉ)**", trên trang 101.
 - Nếu bạn cài đặt tập tin có chứa phiên bản cập nhật hoặc bản sửa lỗi cho ứng dụng hiện tại, bạn chỉ có thể khôi phục lại ứng dụng gốc nếu bạn có tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm ứng dụng đã gỡ bỏ. Để khôi phục ứng dụng gốc, gỡ bỏ ứng dụng và cài đặt lại ứng dụng từ tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng.
 - Bạn sẽ được yêu cầu tập tin .jar để cài đặt ứng dụng Java. Nếu không có, điện thoại sẽ yêu cầu bạn tải tập tin này về. Nếu không có điểm truy cập nào được xác nhận cho ứng dụng, bạn sẽ được yêu cầu chọn một điểm truy cập. Trong quá trình tải tập tin .jar về, bạn cần phải nhập tên thuê bao và mật mã để truy cập vào server. Nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp ứng dụng sẽ cung cấp cho bạn tên thuê bao và mật mã.
- 1 Để định vị một tập tin cài đặt, bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > App. mgr. (Quản lý ứng dụng)**. Cách khác, tìm kiếm trên bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ (nếu có) bằng chức năng **File mgr.**

(**Quản lý tập tin**), hoặc mở tin nhắn trong **Messag. (Tin nhắn) > Inbox (Hộp thư đến)** có chứa một tập tin cài đặt.

- 2 Trong **App. mgr. (Quản lý ứng dụng)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Install (Cài đặt)**. Trong các ứng dụng khác, di chuyển đến tập tin cài đặt, và bấm  để bắt đầu cài đặt. Trong khi cài đặt, điện thoại sẽ hiển thị thông tin liên quan đến tiến trình cài đặt. Nếu bạn cài đặt ứng dụng không có chữ ký kỹ thuật số hoặc chứng chỉ, điện thoại sẽ hiển thị một cảnh báo. Bạn chỉ tiếp tục cài đặt nếu bạn đã chắc chắn nguồn gốc và nội dung ứng dụng.

Để khởi động một ứng dụng đã cài đặt, định vị ứng dụng này trong menu và bấm .

Để kết nối mạng và xem thông tin bổ sung về ứng dụng, và chọn **Options (Tùy chọn) > Go to web address (Tới địa chỉ web)** nếu có.

Để xem những gói phần mềm nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ và được thực hiện khi nào, chọn **Options (Tùy chọn) > View log (Xem nhật ký)**.

Để gửi nhật ký cài đặt của bạn đến trung tâm trợ giúp để họ biết được ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ, chọn **Options (Tùy chọn) > Send log (Gửi nhật ký) > Via text message (Dưới dạng tin nhắn văn bản)** hoặc **Via e-mail (Qua e-mail)** (chỉ có nếu địa chỉ e-mail được cài đặt đúng).



Chú ý: Điện thoại của bạn chỉ có thể hỗ trợ một ứng dụng chống virus. Việc sử dụng nhiều ứng dụng có chức năng chống virus có thể ảnh hưởng đến hoạt động của điện thoại hoặc làm cho điện thoại ngừng hoạt động.

Các tập tin cài đặt (.sis) của những ứng dụng trong bộ nhớ trong điện thoại sẽ vẫn ở trong bộ nhớ sau khi ứng dụng này đã được cài vào một thẻ miniSD tương thích. Những tập tin cài đặt đã lưu có thể chiếm một lượng bộ nhớ lớn của bộ nhớ điện thoại, và do vậy không có đủ bộ nhớ để cài đặt các ứng dụng, tin nhắn và các loại tập tin mới khác. Để tránh tình trạng này, trước tiên hãy sao lưu tập tin cài đặt vào một máy PC tương thích sử dụng Nokia PC Suite, sau đó xóa tập tin cài đặt khỏi bộ nhớ điện thoại sử dụng **File mgr. (Quản lý tập tin)** (Quản lý tập tin) (Xem phần "[Trình quản lý tập tin](#)", trên trang 6).

Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm

Di chuyển đến gói phần mềm đó, và chọn **Options (Tùy chọn) > Remove (Xóa)**. Chọn **Yes (Có)** để xác nhận.

Nếu bạn gỡ bỏ phần mềm, bạn chỉ có thể cài đặt lại phần mềm này nếu bạn có bộ phần mềm gốc hoặc một bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm bị gỡ

bỏ. Nếu bạn gỡ bỏ bộ phần mềm, bạn sẽ không mở được tài liệu được tạo bằng phần mềm đó.



Lưu ý: Nếu có bộ phần mềm khác phụ thuộc vào phần mềm bị gỡ bỏ, bộ phần mềm đó có thể không hoạt động được nữa. Tham khảo tài liệu về bộ phần mềm để biết chi tiết.

Cài đặt

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Online certif. check (Kiểm tra chứng chỉ trực tuyến) — Chọn để kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến trước khi cài đặt ứng dụng.

Default web address (Địa chỉ web mặc định) — Cài địa chỉ mặc định sẽ được sử dụng khi kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến.

Một số ứng dụng Java có thể yêu cầu thực hiện cuộc gọi, gửi tin nhắn, hoặc kết nối mạng đến điểm truy cập được chỉ định để tải về các dữ liệu hoặc thành phần bổ sung. Trong giao diện **App. mgr. (Quản lý ứng dụng)**, di chuyển đến một ứng dụng, và chọn **Options (Tùy chọn) > Suite settings (Cài đặt cho bộ)** để thay đổi những cài đặt liên quan đến ứng dụng cụ thể này.



Mã khóa kích hoạt

Để xem các mã khóa kích hoạt các quyền kỹ thuật số được lưu trong điện thoại, bấm , và chọn **Tools (Công cụ)** > **Actv. keys (Mã khóa kích hoạt)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Valid keys (Mã khóa hợp lệ) — Xem các mã khóa được kết nối với một hoặc nhiều tập tin media và những mã khóa có thời hạn hiệu lực chưa bắt đầu.

Invalid keys (Mã khóa không hợp lệ) — Xem những mã khóa không hợp lệ; đã vượt quá thời gian sử dụng tập tin media hoặc có tập tin media trên máy nhưng không có mã khóa kích hoạt được nối với tập tin này.

Not in use (Không sử dụng) — Xem những phím khởi động chưa được kết nối với tập tin media nào trong điện thoại.

Để mua thêm thời gian sử dụng hoặc gia hạn thời gian sử dụng cho một tập tin media, chọn một phím kích hoạt hợp lệ và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Get activation key (Nhận mã khóa kích hoạt)**. Các mã khóa kích hoạt không thể cập nhật được nếu chức năng nhận tin nhắn Dịch vụ bị tắt. Xem phần **"Tin dịch vụ"**, trên trang 46.

Để xem thông tin chi tiết, chẳng hạn như tình trạng hiệu lực và khả năng gửi tập tin, di chuyển đến một mã khóa kích hoạt, và bấm .

Giải quyết sự cố

Hỏi&Đáp

Mã truy cập

Hỏi: Mật mã để khóa, mã PIN hoặc mã PUK là gì?

Đáp: Mã khóa mặc định là **12345**. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã khóa, liên hệ với đại lý bán lẻ điện thoại của bạn. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã PIN hoặc mã PUK hoặc nếu bạn không nhận được các mã này, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. Để biết thêm thông tin về mật mã, liên hệ với nhà cung cấp điểm truy cập, ví dụ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

Ứng dụng bị treo.

Hỏi: Làm thế nào để đóng ứng dụng đang bị treo?

Đáp: Để mở ứng dụng chuyển của số, bấm và giữ . Di chuyển đến ứng dụng này, và bấm  để đóng ứng dụng lại.

Khả năng kết nối Bluetooth

Hỏi: Vì sao tôi không thể tìm thấy máy của bạn tôi?

Đáp: Kiểm tra xem cả hai thiết bị đã kích hoạt kết nối Bluetooth chưa. Hãy kiểm tra xem khoảng cách giữa hai thiết bị có vượt quá 10 mét (33 bộ) và giữa chúng có các bức tường chắn hoặc chướng

ngại vật nào không. Kiểm tra xem thiết bị cần kết nối có ở chế độ ẩn hay không. Kiểm tra xem cả hai thiết bị có tương thích không.

Hỏi: Vì sao tôi không thể ngắt kết nối Bluetooth?

Đáp: Nếu có một thiết bị khác kết nối với điện thoại, bạn có thể ngắt kết nối từ thiết bị đó, hoặc ngưng kích hoạt kết nối Bluetooth. Chọn **Connect (Kết nối) > Bluetooth > Off (Tắt)**.

Các dịch vụ trình duyệt

Hỏi: Tôi phải làm gì nếu gặp thông báo sau: **No valid access point defined. (Chưa xác định điểm truy cập hợp lệ nào.) Xác định một điểm truy cập trong cài đặt Dịch vụ.**?

Đáp: Hãy thêm các thông số cài đặt trình duyệt phù hợp. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hướng dẫn thêm.

Camera

Hỏi: Vì sao hình ảnh có vẻ lem nhem?

Đáp: Tháo miếng nhựa bảo vệ màn hình và camera. Kiểm tra xem cửa sổ bảo vệ ống kính camera có sạch không.

Màn hình

Hỏi: Vì sao có hiện tượng thiếu, phai màu, hay có các chấm sáng xuất hiện trên màn hình mỗi khi tôi bật điện thoại của tôi?

Đáp: Đây là một đặc tính của kiểu màn hình này. Một số màn hình có thể chứa các điểm ảnh hoặc dấu lấm chấm đang nhấp nháy. Đây là điều bình thường, không phải lỗi màn hình.

Nhật ký

Hỏi: Vì sao trong nhật ký trống?

Đáp: Có thể bạn đã kích hoạt một bộ lọc và không có sự kiện liên lạc nào thích hợp với bộ lọc mà bạn đã đăng nhập vào. Để xem tất cả các sự kiện, chọn **My own (Cá nhân)** > **Log (Nhật ký)** bấm  và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Filter (Lọc)** > **All communication (Tất cả giao tiếp)**.

Không đủ bộ nhớ

Hỏi: Tôi có thể làm gì nếu điện thoại của tôi thiếu bộ nhớ?

Đáp: Bạn có thể thường xuyên xóa một số mục dữ liệu để tránh tình trạng thiếu hụt bộ nhớ:

- Tin nhắn từ **Inbox (Hộp thư đến)**, **Drafts (Nháp)**, và các thư mục **Sent (Đã gửi)** trong **Messag. (Tin nhắn)**

- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang trình duyệt đã lưu
- Hình ảnh và hình chụp trong **Gallery (Bộ sưu tập)**

Để xóa thông tin liên lạc, ghi chú lịch, thời gian gọi, cuộc cuộc gọi, điểm trò chơi hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác, hãy vào ứng dụng tương ứng để xóa dữ liệu. Nếu bạn xóa nhiều mục dữ liệu cùng lúc và gặp phải một trong các thông báo sau: **Not enough memory to perform operation. (Không đủ bộ nhớ để thực hiện thao tác.) Delete some data first. (Xóa một số dữ liệu trước.)** hoặc **Memory low. (Bộ nhớ gần hết.) Delete some data. (Xóa một số dữ liệu.)**, thử xóa từng mục (bắt đầu từ mục có kích thước nhỏ nhất).

Các tập tin cài đặt (.sis) của những ứng dụng trong bộ nhớ trong điện thoại sẽ vẫn ở trong bộ nhớ sau khi ứng dụng này đã được cài vào một thẻ miniSD tương thích. Xóa các tập tin cài đặt này khỏi bộ nhớ điện thoại.

Để xóa các tập tin cài đặt, trước tiên hãy sao lưu tập tin cài đặt vào một máy PC tương thích sử dụng Nokia PC Suite, sau đó xóa tập tin cài đặt khỏi bộ nhớ điện thoại sử dụng **File mgr. (Quản lý tập tin)** (Quản lý tập tin) (Xem phần "**Trình quản lý tập tin**", trên trang 6).

Hỏi: Tôi phải làm cách nào để lưu dữ liệu trước khi xóa chúng?

Đáp: Bạn có thể lưu dữ liệu bằng một trong các cách sau:

- Sử dụng bộ Nokia PC Suite để tạo bản dự phòng cho tất cả các dữ liệu vào máy tính tương thích.
- Gửi hình ảnh đến địa chỉ e-mail của bạn; sau đó lưu hình ảnh vào máy tính của bạn.
- Sử dụng kết nối Bluetooth để chuyển dữ liệu đến một thiết bị tương thích.
- Lưu dữ liệu trên thẻ nhớ tương thích.

Nhắn tin

Hỏi: Vì sao tôi không thể chọn một số liên lạc?

Đáp: Thẻ liên lạc có thể không có một số điện thoại hay một địa chỉ e-mail. Hãy thêm các thông tin còn thiếu này vào thẻ liên lạc trong **Contacts (Danh bạ)**.

Nhắn tin đa phương tiện

Hỏi: Tôi nên làm gì nếu điện thoại không thể nhận tin nhắn đa phương tiện vì bộ nhớ đã đầy?

Đáp: Dung lượng bộ nhớ cần thiết sẽ được chỉ báo trong thông báo lỗi: **Not enough memory to retrieve message. (Không đủ bộ nhớ để nhận tin nhắn.) Delete some data first. (Xóa một số dữ liệu trước.)**. Để xem loại dữ liệu bạn có và dung lượng bộ nhớ mà những nhóm dữ liệu khác nhau sử dụng, chọn **File manager (Trình quản lý tập tin) > Options (Tùy chọn) > Memory details (Chi tiết bộ nhớ)**.

Hỏi: Ghi chú **Retrieving message (Đang nhận tin nhắn)** sẽ hiển thị nhanh trên màn hình. Chuyện gì đang xảy ra?

Đáp: Điện thoại đang cố nhận tin nhắn đa phương tiện về từ trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Kiểm tra xem cài đặt tin nhắn đa phương tiện được xác nhận đúng chưa và không có lỗi nào trong phần nhập số điện thoại và địa chỉ. Chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Multim. msg. (Tin đa phương tiện)**.

Kết nối với máy PC

Hỏi: Vì sao tôi không thể thiết lập kết nối điện thoại với máy PC?

Đáp: Bạn cần đảm bảo rằng bộ phần mềm Nokia PC Suite đã được cài đặt và đang hoạt động trên máy PC. Xem hướng dẫn sử dụng Nokia PC Suite trên đĩa CD. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nokia PC Suite, xem phần trợ giúp trên Nokia PC Suite hoặc vào trang hỗ trợ www.nokia-aisa.com.

Hỏi: Tôi có thể sử dụng điện thoại làm modem fax cùng với một máy PC tương thích không?

Đáp: Bạn không thể sử dụng điện thoại của bạn làm modem fax. Tuy nhiên, với chức năng chuyển hướng cuộc gọi, (dịch vụ mạng), bạn có thể chuyển hướng các cuộc gọi fax đến về một số điện thoại khác.

Hỏi: Vì sao không gửi được hình ảnh và video tới một máy PC tương thích đã được ghép nối với điện thoại của tôi?

Đáp: Máy PC có thể từ chối nhận hình ảnh và video. Xem hướng dẫn sử dụng hệ điều hành của máy PC này để biết cách lập cấu hình cài đặt PIM chính xác.

Thông tin về pin

Sạc và Xả pin

Điện thoại được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được. Lưu ý rằng pin mới chỉ nạp đầy điện sau hai hoặc ba lần sạc và xả pin. Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần nhưng cuối cùng cũng sẽ hư. Khi thời gian thoại và thời gian chờ ngắn hơn bình thường, đó là lúc bạn cần thay pin mới. Chỉ sử dụng pin và bộ sạc được Nokia phê chuẩn và được thiết kế cho riêng kiểu điện thoại này.

Rút dây bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và điện thoại khi không sử dụng. Không để pin đã nạp đầy kết nối với bộ sạc, do việc nạp quá mức có thể làm giảm tuổi thọ của pin. Nếu để pin sạc đầy nhưng không sử dụng thì pin sẽ tự xả theo thời gian.

Nếu pin hết hẳn thì phải mất vài phút trước khi chỉ báo sạc pin hiển thị trên màn hình hoặc trước khi thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không sử dụng bộ sạc hoặc pin đã bị hư.

Không nên để pin chập mạch. Việc chập mạch có thể bắt ngờ xảy ra khi để một vật bằng kim loại ví dụ như đồng tiền, kẹp giấy hoặc bút bi tiếp xúc trực tiếp với cực (+) và cực (-) của pin. (Những vật này giống như mảnh kim loại trên pin.) Điều này có thể xảy ra, ví dụ như khi

bạn mang pin dự phòng trong túi hoặc ví. Việc chập mạch các cực pin có thể làm hư pin hoặc vật nổi hai cực.

Để pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm điện tích và độ bền của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15°C đến 25°C (59°F đến 77°F). Điện thoại sẽ tạm ngừng hoạt động khi pin nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin được sạc đầy. Hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đông.

Không bỏ pin vào trong lửa vì pin có thể nổ. Pin cũng có thể phát nổ nếu bị hỏng. Bỏ pin theo quy định của địa phương. Tái chế lại pin nếu có thể. Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

Hướng dẫn xác nhận pin Nokia

Hãy luôn sử dụng các loại pin chính hãng Nokia để đảm bảo an toàn cho bạn. Để chắc chắn là bạn đang sử dụng pin chính hãng Nokia, hãy mua pin tại đại lý phân phối Nokia được ủy quyền, xem xét logo Phụ kiện Chính hãng Nokia trên bao bì và kiểm tra nhãn ảnh ba chiều theo các bước sau:

Việc thực hiện đầy đủ hai bước cũng không phải là đảm bảo xác thực pin chính hãng. Nếu bạn có bất cứ nghi ngờ rằng pin của bạn không phải là phụ kiện chính hãng Nokia, bạn nên ngưng sử dụng ngay lập tức. Nếu bạn không thể xác nhận pin, hãy trả lại pin cho nơi bán.

Xác nhận ảnh ba chiều

- 1 Khi nhìn vào ảnh ba chiều trên nhãn, bạn phải thấy được biểu tượng hai bàn tay kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và logo Phụ kiện Chính hãng Nokia khi nhìn từ góc độ khác.



- 2 Khi bạn nghiêng ảnh ba chiều sang trái, phải, trên và dưới, bạn phải thấy được 1, 2, 3 và 4 điểm lần lượt trên mỗi cạnh.



Phải làm gì nếu pin của bạn không phải là chính hãng?

Nếu bạn không thể xác nhận pin Nokia của bạn qua hình nổi ba chiều trên nhãn là pin chính hãng Nokia, đề nghị bạn không sử dụng pin này. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, hiệu năng hoạt động kém hoặc gây hại cho thiết bị và phụ kiện. Điều này cũng có thể làm mất hiệu lực của các phê chuẩn hay bảo hành đối với thiết bị.

Để biết thêm thông tin về các loại pin chính hãng Nokia, hãy vào trang web www.nokia-asia.com/batterycheck.

Phụ kiện chính hãng Nokia



Một loạt phụ kiện hiện đang có sẵn cho điện thoại của bạn. Chọn các phụ kiện thích hợp với nhu cầu liên lạc của riêng mình. Danh sách các phụ kiện tương thích:

Âm thanh

Tai nghe	HS-5
Bộ tai nghe	HDB-4
Tai Nghe Thời Trang Âm Thanh Nổi	HS-3
Tai Nghe Thời Trang Âm Thanh Nổi	HS-31
Tai nghe	HS-8
Tai Nghe Hiển Thị	HS-6
Tai nghe Âm Thanh Nổi Cổ Điển	HS-23
Tai Nghe Nhạc Âm Thanh Nổi	HS-20
Bộ tai nghe không dây	HDW-3
Bộ tai nghe không dây	HS-4W
Tai nghe không dây	HS-11W
Tai nghe không dây Clip-on	HS-21W
Tai Nghe Không Dây	HS-36W
Tai Nghe Không Dây	HS-26W

Thiết Bị Nổi Audio

Đế nhạc	MD-1
Bộ Trợ Thính	LPS-4

Trên Xe

Bộ Phụ Kiện Không Dây Dừng Cho Xe	Hơi CK-1
Bộ Phụ Kiện Dừng Cho Xe Hơi	N616
Bộ Cầm Tay Dừng Cho Xe Hơi	HSU-4
Tai Nghe Plug-in Không Dây Dừng Cho Xe	Hơi HF-6W
Bộ Sạc Di Động	DC-4
Giá đỡ vận năng	CR-39

Dữ liệu

Cáp Kết Nối	CA-53
Thẻ miniSD 256MB	MU-18
Thẻ miniSD 512MB	MU-23

Hình ảnh

Camera Flash	PD-2
--------------	------

Nhấn tin

Bàn phím không dây SU-8W

Điện nguồn

Bộ Sạc Du Lịch AC-4

Bộ sạc gọn nhẹ AC-3

Thiết Bị Nối Tiếp Bộ Sạc CA-44

Pin BL-5C

Một vài phụ kiện được mô tả chi tiết dưới đây.

Để biết thêm về các phụ kiện có sẵn, liên hệ với đại lý tại địa phương. Sau đây là một số hướng dẫn thực tế về cách sử dụng phụ kiện:

- Để phụ kiện ngoài tầm tay của trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cắm vào phích cắm, không nên kéo dây.
- Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe xem đã được lắp và vận hành đúng chưa.

Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện do nhà sản xuất điện thoại kiểm duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Pin

Loại	Công nghệ	Thời gian thoại#	Thời gian chờ#
BL-5C	Li-Ion	Tối đa 2 - 4 giờ	Tối đa 7 - 9 ngày

Thời gian hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc thẻ SIM, các cài đặt mạng và sử dụng, cách thức và môi trường sử dụng.

Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W



Dễ sử dụng, đa năng, và thanh lịch: Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W là một giải pháp loa nói trực tiếp lý tưởng cho những người sẵn sàng bỏ tiền ra để có được một sản phẩm có giá trị.

Các tính năng chính:

- Phong cách cổ điển với công nghệ vô tuyến Bluetooth
- Móc tai co giãn có thể vừa với cả hai tai.
- Nút trả lời/kết thúc lớn, tiện lợi
- Dễ dàng điều chỉnh âm lượng - điều chỉnh các mức âm thanh một cách dễ dàng từ tai nghe

- Các chức năng điều chỉnh: trả lời/kết thúc cuộc gọi, quay số lại, kích hoạt quay số bằng giọng nói, tắt tiếng, điều chỉnh âm lượng, chuyển giữa chế độ điện thoại và loa nói trực tiếp
- Chọn giữa hai màu: trắng và đen
- Thời gian gọi tối đa 5 tiếng và thời gian chờ tối đa 150 tiếng

Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W



Bạn không cần phải tìm điện thoại nữa. Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W có chức năng loa nói trực tiếp trong một gói thuận tiện và dễ dàng sử dụng.

Các tính năng chính:

- Điều khiển loa nói trực tiếp không dây thuận tiện dùng cho điện thoại di động
- Nhẹ (chỉ 20 g) và thuận tiện để sử dụng cùng với vành tai có thể điều chỉnh được
- Thời gian gọi tối đa 6 tiếng và thời gian chờ tối đa 110 tiếng

Giá Đỡ Đa Năng Nokia CR-39



Giá đỡ đa năng này hỗ trợ nhiều loại thiết bị di động của Nokia và của các nhà sản xuất khác. Giá đỡ này giữ thiết bị di động tương thích của bạn chắc chắn ở một vị trí và tạo sự linh hoạt trong việc lựa chọn thiết bị tương thích hôm nay và trong tương lai.

Kiểu dáng mới, hợp thời trang sẽ làm hoàn thiện điện thoại di động của bạn. Đặt thiết bị di động tương thích của bạn vào Giá Đỡ Đa Năng Nokia và chỉ cần nhấn vào các kẹp để thắt chặt thiết bị này lại - tháo thiết bị bằng cách ấn vào một nút.

Giữ gìn và Bảo trì

Điện thoại là sản phẩm được thiết kế cao cấp và tinh vi, vì vậy phải được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp bạn thực hiện tốt các quy định bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có chứa khoáng chất sẽ ăn mòn các mạch điện tử. Nếu điện thoại bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại và để điện thoại thật khô trước khi lắp pin trở lại.
- Không nên sử dụng hoặc đặt điện thoại ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của điện thoại có thể bị hư.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi khô nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, cong hoặc cháy một số linh kiện nhựa.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi quá lạnh. Khi điện thoại trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm đọng lại trong điện thoại sẽ gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở điện thoại khác với những điều chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.
- Không làm rơi, đập, hoặc lắc điện thoại. Việc dùng mạnh tay có thể làm hư các bản mạch điện tử bên trong điện thoại.
- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi điện thoại.

- Không được sơn điện thoại. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không chính xác.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính, ví dụ như camera, bộ cảm biến khoảng cách, và bộ cảm biến ánh sáng.
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã qua kiểm duyệt. Việc sửa đổi hoặc lắp ăng-ten không được kiểm duyệt có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về các dịch vụ vô tuyến.
- Sử dụng bộ sạc trong nhà.
- Luôn tạo bản dự phòng dữ liệu mà bạn muốn giữ lại ví dụ như các số liên lạc và ghi chú lịch trước khi gửi điện thoại của bạn đến dịch vụ sửa chữa.

Tất cả các đề nghị trên sẽ áp dụng chung cho điện thoại, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện cái tiến nào. Nếu điện thoại không hoạt động, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để được sửa chữa.

Thông tin bổ sung về sự an toàn

Điện thoại và các phụ kiện điện thoại có các linh kiện nhỏ. Giữ các phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.

Môi trường hoạt động

Phải tuân thủ các luật lệ đặc biệt hiện hành ở những nơi có qui định và đồng thời phải luôn tắt điện thoại ở những nơi bị cấm sử dụng, hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm. Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí vận hành thông thường. Sản phẩm này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 2,2 cm (7/8 inch). Khi sử dụng túi đeo, đai đeo hoặc ngăn chứa để mang điện thoại bên mình, bạn cần đảm bảo các thiết bị này không chứa kim loại và cách xa cơ thể với khoảng cách nêu trên.

Để truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn, thiết bị này cần được kết nối với mạng một cách ổn định. Trong một số trường hợp, việc truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn có thể bị chậm trễ cho đến khi kết nối trên đạt được tính ổn định. Hãy đảm bảo các hướng dẫn về khoảng cách giữa các thiết bị trên được tuân thủ cho đến khi việc truyền dữ liệu hoàn tất.

Các bộ phận của điện thoại có từ tính. Những vật liệu bằng kim loại có thể bị hút bởi điện thoại. Không được đặt thẻ tín dụng hoặc các thiết bị lưu trữ có từ tính khác gần điện thoại vì thông tin được lưu trữ có thể bị xóa.

Thiết bị y tế

Khi sử dụng bất kỳ thiết bị vô tuyến nào, kể cả điện thoại di động, đều có thể gây nhiễu sóng một số chức năng của các thiết bị y tế vốn không được bảo vệ đúng mức. Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được bảo vệ khỏi năng lượng bức xạ sóng vô tuyến không hoặc nếu có bất kỳ rắc rối nào khác. Tắt điện thoại ở trung tâm y tế khi có dán qui định hướng dẫn ở những nơi này. Bệnh viện hoặc các trung tâm y tế có thể sử dụng thiết bị nhạy với sóng vô tuyến.

Máy điều hòa nhịp tim Các nhà sản xuất máy điều hòa nhịp tim khuyến nghị đặt điện thoại cầm tay vô tuyến cách máy điều hòa nhịp tim tối thiểu là 15,3 cm (6 inch) để tránh gây nhiễu sóng. Những khuyến nghị này là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập, đồng thời cũng là khuyến nghị của viện Nghiên cứu Công nghệ Vô tuyến. Người đeo máy điều hòa nhịp tim nên:

- luôn giữ điện thoại cách máy điều hòa nhịp tim ít nhất 15,3 cm (6 inch)
- không để điện thoại trong túi áo ngực; và
- nghe bằng tai đối diện với máy điều hòa nhịp tim để giảm thiểu nguy cơ nhiễu sóng.

Nếu bạn nghi ngờ bị nhiễu, hãy tắt điện thoại và cất đi.

Thiết bị trợ thính Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu sóng thiết bị trợ thính. Bạn có thể tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ nếu bị nhiễu sóng.

Xe cộ

Một số tín hiệu vô tuyến có thể ảnh hưởng không tốt đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các xe mô tô, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống xóc) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử và hệ thống túi đệm khí). Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất hoặc người đại diện về bất kỳ thiết bị nào được gắn trên xe.

Chỉ những nhân viên có khả năng chuyên môn mới được sửa chữa điện thoại di động, hoặc lắp điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa điện thoại không đúng có thể gây nguy hiểm và làm mất hiệu lực bảo hành cho sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, gas hoặc chất nổ chung với điện thoại, các phụ kiện cài tiến hoặc phụ tùng điện thoại. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí khi nổ sẽ tạo ra một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu thiết bị vô tuyến trên xe không được lắp đặt đúng thì khi túi đệm khí nổ có thể gây thương tật nghiêm trọng.

Cấm sử dụng điện thoại di động khi ở trên máy bay. Tắt điện thoại di động trước khi máy bay cất cánh. Sử dụng điện thoại vô tuyến trên máy bay có thể gây nguy hiểm cho việc vận hành máy bay, làm gián đoạn mạng điện thoại vô tuyến và có thể xem là bất hợp pháp.

Môi trường có khả năng gây nổ

Tắt điện thoại khi ở trong khu vực dễ phát nổ và phải tuân theo tất cả các bảng hướng dẫn. Môi trường có khả năng gây nổ bao gồm cả các khu vực nơi bạn thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể phát cháy nổ gây thương tật hoặc thậm chí tử vong. Tắt điện thoại tại các trạm tiếp nhiên liệu, ví dụ như ở gần nơi đổ xăng tại các trạm dịch vụ. Hãy tuân theo các quy định hạn chế việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho hàng, kho lưu trữ và phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành phá nổ. Những khu vực có khả năng gây nổ không phải luôn được niêm yết rõ ràng. Những khu vực này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện chuyên chở hoặc kho hóa chất, các phương tiện sử dụng khí đốt lỏng (như propane hay butan); ở môi trường không khí có hóa chất hay những hạt nhỏ thóc gạo, bụi hoặc bột kim loại.

Cuộc gọi khẩn cấp



Chú ý: Cũng như các thiết bị vô tuyến khác, điện thoại này sử dụng tín hiệu truyền thanh, mạng vô tuyến và hữu tuyến cũng như các chức năng khác do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không đảm bảo trong mọi điều kiện. Bạn không nên chỉ dựa vào điện thoại vô tuyến cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

Để gọi khẩn cấp:

- 1 Bật điện thoại nếu chưa bật. Kiểm tra cường độ tín hiệu mạng thích hợp.
Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng thẻ SIM hợp lệ vào điện thoại.
- 2 Bấm  nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
- 3 Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại nơi ở hiện thời của bạn. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
- 4 Bấm phím .

Nếu đang sử dụng một số tính năng nhất định, trước tiên bạn cần tắt các tính năng này mới có thể gọi số khẩn cấp được. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu này hoặc tham khảo ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ.

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Điện thoại vô tuyến có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Thông tin về chứng nhận (SAR)

ĐIỆN THOẠI NÀY ĐÁP ỨNG CÁC QUI ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ TIẾP XÚC VỚI SÓNG VÔ TUYẾN.

Điện thoại di động của bạn là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Điện thoại được thiết kế và sản xuất sao cho không vượt quá giới hạn tiếp xúc với tần số vô tuyến (RF) được qui định bởi hướng dẫn quốc tế (ICNIRP). Các giới hạn này là phần hướng dẫn toàn diện và thiết lập các mức độ tiếp xúc sóng vô tuyến cho phép dành cho công chúng. Các hướng dẫn này được triển khai bởi các tổ chức khoa học độc lập định kỳ và qua việc đánh giá các nghiên cứu khoa học. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể được thiết kế để bảo đảm an toàn cho tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe.

Tiêu chuẩn tiếp xúc dành cho thiết bị di động áp dụng một đơn vị đo được gọi là Tỷ lệ Hấp thụ Riêng, hoặc SAR. Giới hạn SAR được nêu trong hướng dẫn quốc tế là 2,0 W/kg (W/kg)*. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành theo vị trí vận hành chuẩn khi điện thoại truyền ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mặc dù SAR được kiểm tra ở mức năng lượng cao nhất, nhưng mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể dưới giá trị cực đại này. Lý do là thiết bị này được thiết kế để vận hành ở nhiều mức năng lượng để chỉ sử dụng năng lượng mà mạng yêu cầu. Nói chung, nếu bạn càng gần trạm phát, thì năng lượng phát ra càng thấp.

Giá trị SAR cao nhất cho kiểu điện thoại này được thử nghiệm khi đặt ở tai là 0,41 W/kg.

Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo và thử nghiệm trong nước và hệ thống mạng. Việc sử dụng phụ kiện và phụ kiện nâng cấp có thể dựa trên các giá trị SAR khác nhau. Bạn có thể tìm thấy thông tin bổ sung về SAR trong mục thông tin sản phẩm trên trang web www.nokia-asia.com.

* Giới hạn SAR dành cho công chúng sử dụng thiết bị di động là 2,0 W/kg trung bình trên 10 gram mô. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể để bảo vệ thêm cho công chúng và để giải thích cho bất kỳ thay đổi nào trong việc đo đạc. Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo trong nước và hệ thống mạng. Để biết thêm thông tin về SAR ở những khu vực khác, vui lòng xem mục thông tin sản phẩm tại địa chỉ web: www.nokia.com.

Từ mục

A

Access points

settings 97

B

Bảo hộ bản quyền

xem phím kích hoạt

Báo thức

báo thức 4

Battery 118

Battery information

type 118

Bộ nhớ

xem mức sử dụng bộ nhớ 6

xóa bộ nhớ 7

xóa bộ nhớ 57, 58

Bộ PC Suite

đồng bộ 91

dữ liệu lịch 78

xem dữ liệu trong bộ
nhớ điện thoại 4, 7

Bộ sưu tập

diễn thuyết 25

sắp xếp các tập tin
trong album 25

Bluetooth 86

địa chỉ thiết bị 89

bảo mật 88

ghép nối 89

kết nối hai thiết bị, ghép nối 88

tai nghe 105

tắt 90

Â

Âm thanh

ghi âm 81

tắt chuông báo 55

C

Cache, xóa 67

Các đoạn ghi âm 20

Các đoạn phim 20

Các chỉ báo 2

Các kết nối dữ liệu

các chỉ báo 2

Các tập tin media

định dạng tập tin 27

Các tập tin SVG 25

Cài đặt

cài đặt gốc 95

Cài đặt riêng điện thoại 82

chứng chỉ 101

chuyển tiếp cuộc gọi 103

hạn chế cuộc gọi 104

hiển thị 95

IM 74, 77

kết nối Bluetooth 87

kết nối dữ liệu 97

lịch 79

mã khóa 101

mã PIN 101

mã truy cập 100

mã UPIN 101

mã UPUK 101

màn hình phụ 95

ngày giờ 100

ngôn ngữ 94

Cài đặt kết nối 97

Cài đặt riêng 84

Cài đặt tai nghe 105

Cài đặt thiết bị trợ thính 105

Calls

settings 96

Camera

dèn flash 12

điều chỉnh độ sáng 11, 17

điều chỉnh cài đặt đèn flash 11
cài đặt camera hình tĩnh 14
cài đặt hình ảnh 11, 13, 18
chế độ chụp liên tiếp 13
chỉnh sửa video 22
chụp tự động 13
gửi hình ảnh 11
hiệu chỉnh ánh sáng
và màu sắc 13, 18
hiệu chỉnh các cài đặt
máy quay phim 19
saving video clips 17
Cấu hình 83
Certification information (SAR) 125
Chứng chỉ 101
Chat
Xem nhắn tin trò chuyện
Chế độ chờ 82
Chế độ sử dụng SIM từ xa 87
Chỉ mục 64
Chỉnh sửa video
hiệu chỉnh đoạn phim 22
thêm đoạn chuyển cảnh 22
thêm hiệu ứng 22
thêm sound clip 22
Chủ đề 84
Chuyển nội dung từ
điện thoại khác 1

Clock (Đồng hồ) 4
báo thức 4
Cuộc gọi
các số đã gọi 57
cài đặt chuyển tiếp cuộc gọi
103
chuyển 56
quốc tế 48
thời lượng 58
vừa nhận 57
Cuộc gọi hội nghị 49
Cuộc gọi video 50
từ chối 55
trả lời 55

D
Danh bạ điện thoại
Xem thẻ liên lạc
Dạng tập tin
.jad 106
.jar 106, 107
.sis 106

Dịch vụ
trình duyệt 64

Đ
Đài FM 70
Đồng bộ hóa 92
Đồng hồ

cài đặt 4
Độ sáng
cài đặt trong camera 11, 17
màn hình 95
Điểm truy cập 97
Điểm truy cập Internet (IAP)
Xem điểm truy cập
Điều chỉnh âm lượng 4
loa 4
trong khi gọi 48

E
E-mail 35
cài đặt 44
opening 40
remote mailbox 39
retrieving from mailbox 39
tải tự động 40
viewing attachments 40

F
File formats
RealPlayer 27

G
Gửi
hình ảnh 11
thẻ liên lạc, danh thiếp 61
video clip 24
Giờ 4

Gọi số ẩn định 62

H

Hộp thư

tải tự động 40

Hộp thư thoại 48

chuyển tiếp cuộc gọi đến

hộp thư thoại 103

thay đổi số điện thoại 10, 48

I

Internet

Xem Web

J

Java

Xem Ứng dụng

K

Kết nối dữ liệu

chi tiết 91

ngắt 91

Kết nối máy PC 91

Kết nối máy tính 91

Khởi động loa với nắp đóng 57

Khẩu lệnh 105

gọi điện 50

Kiểu chuông

kiểu chuông riêng 62

nhận tin nhắn văn bản 38

L

Lệnh dịch vụ 33

Lệnh thoại 49, 105

Lệnh USSD 33

Lịch

đồng bộ sử dụng

bộ PC Suite 78

tạo các mục nhập 78

Loa 4

M

Mã 100

mã bảo mật 101

mã khóa

mã PIN 101

mã PIN2 101

Mã bảo mật

Xem mã khóa

Mã khóa 101

Mã PIN 101

Mã UPIN 101

Mã UPUK 101

Mailbox 39

Máy nghe nhạc 69

Menu, sắp xếp lại 82

Messaging

e-mail 35

multimedia messages 35

Multimedia messages 35

N

Ngày 4

Nhắn tin

tin nhắn văn bản 35

Nhắn tin trò chuyện 73

gửi tin nhắn trò chuyện 75

ghi lại tin nhắn 76

kết nối với một server 74

khóa 76

Nhật ký

lọc 59

xóa nội dung 59

Nhật ký điện thoại

Xem nhật ký

P

Packet data connections

settings 99

PC Suite

chuyển hình ảnh vào

máy PC 20

chuyển tập tin âm nhạc

vào thẻ nhớ 69

Phát lại âm báo 4

Phần mềm

truyền tập tin về điện thoại 106

Phím kích hoạt 109

Phím tắt 7

Phim, muvee

muvee tùy chỉnh 29

quick muvee 29

Phụ kiện chính hãng Nokia 117

Phụ kiện rảnh tay

xem lao

Q

Quản lý bản quyền kỹ

thuật số, DRM

xem phim kích hoạt

Quay số nhanh 49

R

Radio 70

Remote mailbox 39

S

Sao chép

các số liên lạc giữa thẻ SIM
và bộ nhớ điện thoại 61

Sao lưu 5

Settings

access points 97

IM 74

screen saver 95

SIM card

messages 41

T

Tắt tiếng 27

Tập tin media

tắt tiếng 27

tiến nhanh về phía trước 27

Tập tin sis 106

Tập tinmedia

tua lại 27

Thời lượng nhật ký 59

Thông tin về chứng nhận (SAR) 125

Thẻ liên lạc 60

gửi 61

gán hình 60

lưu âm DTMF 57

Thẻ nhớ 5

Thẻ SIM

sao chép tên và số liên
lạc vào điện thoại 61
tên và số 62

Tin nhắn thoại 48

Tin nhắn văn bản 35

Trình quản lý tập tin 6

Trình quản lý thiết bị 92

Ứ

Ứng dụng

cài đặt 106

Java 106

Ứng dụng trợ giúp 9

V

Video player

Xem RealPlayer

Visual Radio 70

mã ID dịch vụ trực quan 72

xem nội dung 72

W

Web

điểm truy cập,
xem điểm truy cập

X

Xóa màn hình

Xem chế độ chờ